

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ - NGÀNH KẾ TOÁN



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
ĐỀ TÀI
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA
MIỀN TRUNG

Giáo viên hướng dẫn : ThS.Đặng Thanh Nga
Sinh viên thực hiện : Trà Võ Thị Kim Ngân
Khoá học : 2022-2026
MSSV : 2254010055
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Trà Võ Thị Kim Ngân
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 - 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Kế Toán Doanh Thu, Chi Phí Và Xác Định Kết Quả Kinh Doanh Tại Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung

3. Các số liệu ban đầu thực hiện Khóa luận tốt nghiệp

- Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
- Luật BHXH năm 2024.
- Slide bài giảng Kế toán tài chính 3 – Cô Thanh Phương.
- Slide bài giảng môn Thuế và báo cáo Thuế - cô Bích Vân.
- Tài liệu kế toán năm 2025 của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung.
- Giáo trình Nguyên lý kế toán.
- Khóa luận tốt nghiệp của các sinh viên khoá trước Trường đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

4. Các bảng biểu

Các bảng biểu được đính kèm ở mục phụ lục

5. Cán bộ hướng dẫn

6. Ngày giao nhiệm vụ làm Khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

DANH MỤC HÌNH ẢNH

DANH MỤC PHỤ LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT

LỜI CẢM ƠN

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH 1

1.1. Tổng quan về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....1

1.1.1. Những khái niệm liên quan1

1.1.2. Nhiệm vụ của Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....1

1.1.3. Vai trò của Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh2

1.2. Kế toán doanh thu.....2

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....2

1.2.1.1. Khái niệm2

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu2

1.2.1.3. Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán.3

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng5

1.2.1.5. Chứng từ sử dụng6

1.2.1.6. Phương pháp hạch toán6

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu8

1.2.2.1. Khái niệm8

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng8

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng.8

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán9

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....9

1.2.3.1.	Khái niệm	9
1.2.3.2.	Tài khoản sử dụng	10
1.2.3.3.	Chứng từ sử dụng	10
1.2.3.4.	Phương pháp hạch toán	10
1.2.4.	Kế toán thu nhập khác	11
1.2.4.1.	Khái niệm	11
1.2.4.2.	Tài khoản sử dụng	12
1.2.4.3.	Chứng từ sử dụng	12
1.2.4.4.	Phương pháp hạch toán	12
1.3.	Kế toán chi phí	13
1.3.1.	Kế toán giá vốn	13
1.3.1.1.	Khái niệm.	13
1.3.1.2.	Tài khoản sử dụng	15
1.3.1.3.	Chứng từ sử dụng	15
1.3.1.4.	Phương pháp hạch toán	15
1.3.2.	Kế toán chi phí tài chính	16
1.3.2.1.	Khái niệm	16
1.3.2.2.	Tài khoản sử dụng	16
1.3.2.3.	Chứng từ sử dụng	17
1.3.2.4.	Phương pháp hạch toán	17
1.3.3.	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	17
1.3.3.1.	Khái niệm	17
1.3.3.2.	Tài khoản sử dụng	18
1.3.3.3.	Chứng từ sử dụng	19
1.3.3.4.	Phương pháp hạch toán	19
1.3.4.	Kế toán chi phí khác	21
1.3.4.1.	Khái niệm	21
1.3.4.2.	Tài khoản sử dụng	22
1.3.4.3.	Chứng từ sử dụng	22

1.3.4.4.	<i>Phương pháp hạch toán</i>	22
1.3.5.	<i>Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	23
1.3.5.1.	<i>Khái niệm</i>	23
1.3.5.2.	<i>Tài khoản sử dụng</i>	24
1.3.5.3.	<i>Chứng từ sử dụng</i>	25
1.3.5.4.	<i>Phương pháp hạch toán</i>	25
1.4.	<i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	25
1.4.1.	<i>Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	25
1.4.1.1.	<i>Khái niệm</i>	25
1.4.1.2.	<i>Tài khoản sử dụng</i>	26
1.4.1.3.	<i>Phương pháp hạch toán</i>	27
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG		28
2.1.	GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG	28
2.1.1.	<i>Đặc điểm chung công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung</i>	28
2.1.1.1.	<i>Quá trình hình thành và phát triển của công ty</i>	28
2.1.1.2.	<i>Đặc điểm ngành nghề kinh doanh công ty</i>	28
2.1.2.	<i>Tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung</i>	30
2.1.2.1.	<i>Tổ chức bộ máy kế toán</i>	30
2.1.2.2.	<i>Nhiệm vụ, chức năng của từng phần hành kế toán</i>	31
2.2.	THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG	34
2.2.1.	<i>Kế toán doanh thu</i>	34
2.2.1.1.	<i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung</i>	34

2.2.1.1.1.	<i>Nội dung Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>34</i>
2.2.1.1.2.	<i>Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>35</i>
2.2.1.1.3.	<i>Chứng từ và sổ sách sử dụng.....</i>	<i>35</i>
2.2.1.1.4.	<i>Nghiệp vụ minh họa</i>	<i>36</i>
2.2.1.2.	<i>Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung</i>	<i>52</i>
2.2.1.2.1.	<i>Nội dung kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>52</i>
2.2.1.2.2.	<i>Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>52</i>
2.2.1.2.3.	<i>Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>52</i>
2.2.1.2.4.	<i>Sổ sách sử dụng.....</i>	<i>52</i>
2.2.1.2.5.	<i>Nghiệp vụ minh họa</i>	<i>52</i>
2.2.1.3.	<i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.....</i>	<i>56</i>
2.2.1.3.1.	<i>Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>56</i>
2.2.1.3.2.	<i>Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>57</i>
2.2.1.3.3.	<i>Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>57</i>
2.2.1.3.4.	<i>Sổ sách sử dụng.....</i>	<i>57</i>
2.2.1.3.5.	<i>Nghiệp vụ minh họa</i>	<i>57</i>
2.2.1.4.	<i>Kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.</i>	<i>60</i>
2.2.2.	<i>Kế toán chi phí</i>	<i>60</i>
2.2.2.1.	<i>Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.</i>	<i>60</i>
2.2.2.1.1.	<i>Nội dung Kế toán giá vốn hàng bán.....</i>	<i>60</i>
2.2.2.1.2.	<i>Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>61</i>
2.2.2.1.3.	<i>Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>61</i>
2.2.2.1.4.	<i>Sổ sách sử dụng.....</i>	<i>61</i>
2.2.2.1.5.	<i>Nghiệp vụ minh họa</i>	<i>61</i>
2.2.2.2.	<i>Kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.</i>	<i>67</i>

2.2.2.2.1.	<i>Nội dung Kế toán chi phí tài chính</i>	<i>67</i>
2.2.2.2.2.	<i>Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>68</i>
2.2.2.2.3.	<i>Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>68</i>
2.2.2.2.4.	<i>Sổ sách sử dụng.....</i>	<i>68</i>
2.2.2.2.5.	<i>Nghiệp vụ minh họa</i>	<i>68</i>
2.2.2.3.	<i>Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.</i>	<i>71</i>
2.2.2.3.1.	<i>Đặc điểm kế toán chi phí quản lý kinh doanh</i>	<i>71</i>
2.2.2.3.2.	<i>Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>72</i>
2.2.2.3.3.	<i>Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>72</i>
2.2.2.3.4.	<i>Sổ sách sử dụng.....</i>	<i>72</i>
2.2.2.3.5.	<i>Nghiệp vụ minh họa</i>	<i>72</i>
2.2.2.4.	<i>Kế toán chi phí khác tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.</i>	<i>81</i>
2.2.2.5.	<i>Kế toán chi phí thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.</i>	<i>81</i>
2.2.3.	<i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>84</i>
2.2.3.1.	<i>Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.</i>	<i>84</i>
2.2.3.1.1.	<i>Nội dung kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>84</i>
2.2.3.1.2.	<i>Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>84</i>
2.2.3.1.3.	<i>Sổ sách sử dụng.....</i>	<i>84</i>
2.2.3.1.4.	<i>Nghiệp vụ minh họa</i>	<i>84</i>
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG		87
3.1.	Nhận xét công tác Kế toán Doanh Thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung	87
3.1.1.	<i>Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán.....</i>	<i>87</i>

3.1.2.	<i>Nhận xét về Kế toán Doanh thu.....</i>	<i>87</i>
3.1.3.	<i>Nhận xét Kế toán Chi phí.....</i>	<i>88</i>
3.1.4.	<i>Nhận xét về Kế toán xác định hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>89</i>
3.2.	Kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác Kế toán Doanh Thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung	89
3.2.1.	<i>Kiến nghị về Kế toán Doanh Thu</i>	<i>89</i>
3.2.2.	<i>Kiến nghị về Kế toán Chi phí</i>	<i>90</i>
3.2.3.	<i>Kiến nghị về Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>90</i>

DANH MỤC SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ phương thức bán buôn.....	4
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức bán buôn và bán lẻ	6
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp.....	7
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán TK 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi	7
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán TK 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý.....	7
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	9
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan	9
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán các chi phí liên quan đến quá trình thu hồi sản phẩm.....	9
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán TK 515	11
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán TK 711	13
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán TK 632	16
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán TK 635	17
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán TK 6421	20
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán TK 6422	21
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ hạch toán TK 811	23
Sơ đồ 1.16: Sơ đồ hạch toán TK 821	25
Sơ đồ 1.17: Sơ đồ hạch toán TK 911	27
Sơ đồ 2.1 : Tổ chức bộ máy quản lý	29
Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán	30
Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán ở công ty theo hình thức nhật ký chung.....	31
Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính ..	32

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Trích xuất màn hình giao diện Phần mềm Misa 2023	32
Hình 2.2: Chính sách giá năm 2025	35
Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 25 ngày 18/01/2025	37
Hình 2.4: Trích xuất màn hình nhập liệu hóa đơn số 25 vào phần mềm	38
Hình 2.5: Phiếu thu theo HĐ số 25	38
Hình 2.6: Bảng Tổng Hợp Hàng Đã Bán	39
Hình 2.7: Hóa đơn GTGT số 28 ngày 21/01/2025	42
Hình 2.8: Bảng Tổng Hợp Hàng Đã Bán Tháng 1/2025	43
Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 31 ngày 04/02/2025	47
Hình 2.10: Trích màn hình nhập hoá đơn GTGT số 31	48
Hình 2.11: Trích sổ chi tiết TK 5111	49
Hình 2.12: Trích sổ nhật ký chung.....	50
Hình 2.13: Sổ cái TK 511	51
Hình 2.14: Hóa đơn GTGT số 6877 ngày 31/12/2025	53
Hình 2.15: Trích xuất màn hình nhập liệu trên phần mềm	54
Hình 2.17: Trích sổ nhật ký chung.....	55
Hình 2.18: Trích sổ cái TK 511	56
Hình 2.19: Trích giấy báo có TK 515	58
Hình 2.20: Sổ chi tiết TK 515	59
Hình 2.21: Sổ nhật ký chung.....	59
Hình 2.22: Sổ cái TK 515	60
Hình 2.23: Trích màn hình tính giá xuất kho.....	62
Hình 2.24: Trích phiếu xuất kho theo HĐ số 25.....	62
Hình 2.25: Trích phiếu xuất kho theo HĐ số 31.....	63
Hình 2.26: Sổ Tổng hợp nhập xuất tồn.....	64
Hình 2.27: Sổ chi tiết nhập xuất tồn.....	64
Hình 2.28: Trích sổ chi tiết TK 632	65
Hình 2.29: Sổ Nhật ký chung.....	66
Hình 2.30: Sổ cái TK 632	67
Hình 2.31: Trích giấy báo nợ tài khoản chi phí tài chính	69
Hình 2.32: Sổ chi tiết TK 635	70
Hình 2.33: Sổ nhật ký chung.....	70
Hình 2.34: Sổ Cái TK 635	71
Hình 2.35: Hóa đơn GTGT số 1239 phí vận chuyển.....	74

Hình 2.36: Bảng tính phân bổ CCDC tháng 7	75
Hình 2.38: Bảng lương nhân viên tháng 09 năm 2025	76
Hình 2.39: Sổ cái chi tiết tk 6421.....	76
Hình 2.40: Hóa đơn GTGT số 607 chi phí tiếp khách.....	78
Hình 2.41: Sổ chi tiết tài khoản 6422.....	79
Hình 2.43: Sổ Cái TK 642	80
Hình 2.44: Trích Tờ khai Thuế TNDN năm 2025	84
Hình 2.45: Sổ Nhật ký chung.....	85
Hình 2.46: Trích Sổ Cái TK 911	85

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.....	
Phụ lục 2: Trích xuất màn hình nhập liệu giấy báo Có vào phần mềm	
Phụ lục 3: Trích xuất màn hình tính giá xuất kho theo HĐ số 25 vào phần mềm	
Phụ lục 4: Trích xuất màn hình tính giá xuất kho theo HĐ số 31 vào phần mềm	
Phụ lục 5: Trích xuất màn hình nhập liệu giấy báo Nợ vào phần mềm	
Phụ lục 6: Trích xuất màn hình nhập liệu theo HĐ số 1239 vào phần mềm.....	
Phụ lục 7: Trích xuất màn hình các bước phân bổ CCDC tháng 7 bộ phận bán hàng.	
Phụ lục 8: Trích xuất màn hình nhập liệu lương nhân viên bộ phận bán hàng vào phần mềm	
Phụ lục 9: Trích xuất màn hình nhập liệu theo HĐ số 607 vào phần mềm.....	
Phụ lục 10: Trích xuất màn hình các bước phân bổ CCDC tháng 7 bộ phận quản lý doanh nghiệp.....	
Phụ lục 11: Trích xuất màn hình nhập liệu lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp vào phần mềm.....	

DANH MỤC VIẾT TẮT

Tên đầy đủ	Tên viết tắt
Giá trị gia tăng	GTGT
Tài khoản	TK
Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
Thu nhập doanh nghiệp	TNDN
Bộ Tài Chính	BTC
Thông tư	TT
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Báo cáo KQHĐKD
Báo cáo tài chính	BCTC
Bảng cân đối kế toán	Bảng CĐKT
Tài sản cố định	TSCĐ
Thuế tiêu thụ đặc biệt	Thuế TTĐB
Bảo vệ môi trường	BVMT

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên em xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu nhà trường và Quý thầy cô đã giảng dạy tại khoa Kinh Tế một lời cảm ơn chân thành nhất vì đã trực tiếp dạy dỗ, dìu dắt và truyền đạt cho em những kiến thức rất quan trọng trong thời gian em học tập tại trường.

Đặc biệt, em xin gửi đến cô Đặng Thanh Nga lòng biết ơn sâu sắc, người đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này. Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn đến ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung đã tạo điều kiện cho em được thực tập, tìm hiểu những điều bổ ích mới trong chuyên ngành của mình và thu thập số liệu, những tài liệu nghiên cứu cần thiết liên quan đến đề tài báo cáo cũng như là tìm hiểu thực tiễn trong quá trình thực tập tại công ty.

Vì kiến thức của bản thân còn hạn chế, trong quá trình thực tập, hoàn thiện đề tài này, em không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ Quý thầy cô và các anh chị trong công ty để em có thể bổ sung, nâng cao chuyên môn của mình để có thể phục vụ tốt hơn trong công việc thực tế sau này.

Cuối cùng em kính chúc Quý thầy cô dồi dào sức khoẻ và thành công trong sự nghiệp cao quý, đồng kính chúc các anh chị trong phòng Kế Toán của Công TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung thật nhiều sức khoẻ, đạt được nhiều thành công trong công việc và cuộc sống.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, mục tiêu hàng đầu của hầu hết các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Để đạt được mục tiêu đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Thông qua việc ghi nhận, phản ánh và cung cấp thông tin chính xác về doanh thu và chi phí phát sinh, doanh nghiệp có thể đánh giá đúng thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Doanh thu và chi phí là hai yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức hạch toán đầy đủ, chính xác và kịp thời các khoản doanh thu, chi phí không chỉ giúp xác định đúng kết quả kinh doanh trong từng kỳ kế toán mà còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực, kiểm soát chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn nhiều doanh nghiệp chưa thực sự chú trọng đến công tác quản lý doanh thu và kiểm soát chi phí, dẫn đến thông tin kế toán chưa phản ánh đầy đủ và chính xác tình hình hoạt động kinh doanh.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đồng thời mong muốn tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp, em đã lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải SaNa Miền Trung” làm đề tài nghiên cứu. Thông qua đề tài này, em mong muốn tìm hiểu sâu hơn về quy trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp; từ đó đánh giá thực trạng công tác kế toán và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải SaNa Miền Trung

Phạm vi nghiên cứu:

- + Đề tài nghiên cứu được thực hiện tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải SaNa Miền Trung
- + Số liệu sử dụng được lấy từ sổ sách kế toán, báo cáo năm 2025

3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Đọc, tìm hiểu, tham khảo các tài liệu trên web, các giáo trình do giảng viên biên soạn, thông tư nghị định của Bộ Tài Chính,... để hệ

thống hoá phần cơ sở lý luận về Kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Tham khảo các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán hiện hành.

- Phương pháp kế toán: Phương pháp sử dụng chứng từ, phương pháp tài khoản và ghi đối ứng, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán để tiến hành ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị.

4. Kết cấu đề tài

Khoá luận tốt nghiệp gồm 3 phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Chương 2: Thực trạng về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải SaNa Miền Trung.

Chương 3: Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải SaNa Miền Trung.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Tổng quan về Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1. Những khái niệm liên quan

Theo quy định tại Điều 56 của thông tư 133/2016/TT-BTC: “Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền”.

Theo quy định tại điều 68 của thông tư 133/2016/TT-BTC: Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Xác định kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng trong quy trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong 1 kỳ nhất định. Là biểu hiện bằng phần tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện. Nếu doanh thu lớn hơn chi phí là lãi, còn nếu doanh thu nhỏ hơn chi phí thì kết quả là lỗ.

1.1.2. Nhiệm vụ của Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

+ Ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác doanh thu, chi phí phát sinh và các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại.

+ Theo dõi công nợ phải thu của khách hàng và công nợ phải trả cho nhà cung cấp, thực hiện đối chiếu và thu hồi công nợ đúng hạn.

+ Lập báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo doanh thu, chi phí và phân tích tình hình tài chính định kỳ để cung cấp thông tin cho quản lý và các bên liên quan.

+ Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, phân tích mối quan hệ giữa doanh thu, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các đề xuất cải thiện.

+ Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, kiểm soát chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp.

+ Sau khi kết thúc chu trình kinh doanh, kế toán sẽ phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, xác định và tính toán cụ thể mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến doanh thu và chi phí. Từ đó, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tối ưu hóa lợi nhuận và quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

1.1.3. Vai trò của Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh không chỉ đóng vai trò ghi nhận, phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp mà còn là công cụ quan trọng giúp ban lãnh đạo đưa ra quyết định kinh doanh chính xác. Việc tổ chức kế toán khoa học, minh bạch giúp doanh nghiệp theo dõi chặt chẽ doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời kiểm soát và phân tích chi phí để tối ưu hóa lợi nhuận. Qua đó giúp ban lãnh đạo điều chỉnh chiến lược phát triển, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Ngoài ra, Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh không chỉ phục vụ nhu cầu quản lý nội bộ mà còn là cơ sở quan trọng để các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng giám sát, quản lý kinh tế vĩ mô. Thông qua các báo cáo tài chính, nhà nước có thể đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp, từ đó xây dựng chính sách điều tiết phù hợp và đảm bảo doanh nghiệp thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật.

1.2. Kế toán doanh thu

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1. Khái niệm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất, kinh doanh bao gồm cả bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

+ Bán hàng hóa: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư;

+ Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng....

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

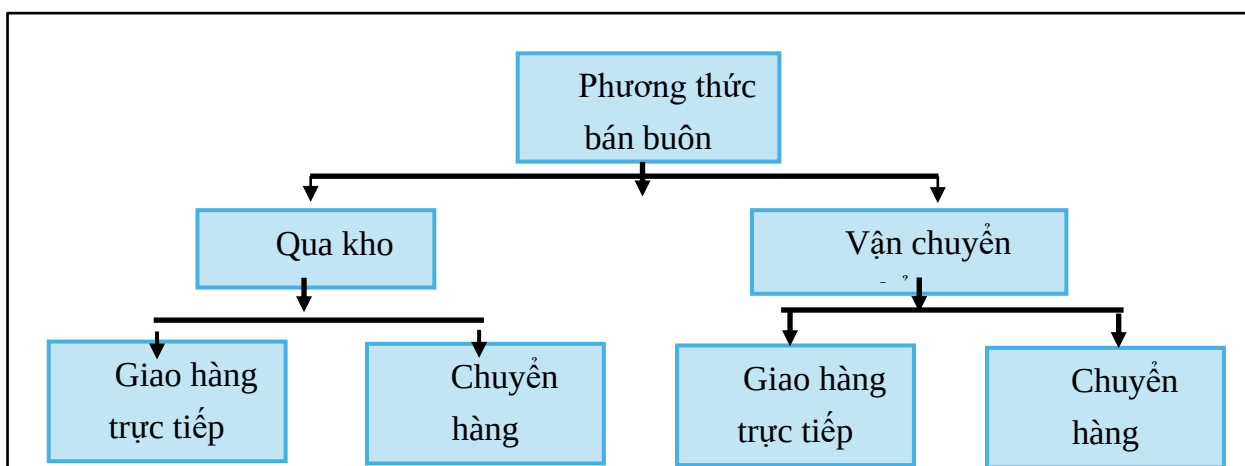
Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC: Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.2.1.3. Phương thức bán hàng và phương thức thanh toán.

a, Các phương thức bán hàng:

- **Phương thức bán buôn:** là hình thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn, người mua hàng hóa là những nhà cung cấp trung gian, hàng hóa sau khi bán buôn chưa đến tay người tiêu dùng trực tiếp. Có 2 hình thức bán buôn sau:
 - Hình thức bán buôn qua kho có 2 trường hợp đó là:
 - +Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: Khách hàng đến trực tiếp doanh nghiệp để mua hàng, doanh nghiệp xuất kho và giao trực tiếp hàng hóa cho khách. Khách hàng nhận đủ hàng thanh toán hoặc chấp nhận nợ.
 - +Bán buôn qua kho theo hình thức chuyển hàng: Theo hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc đơn đặt hàng doanh nghiệp sẽ vận chuyển đến địa điểm mà hai bên đã thống nhất trong hợp đồng. Khách hàng nhận đủ hàng thanh toán hoặc chấp nhận nợ.
 - Hình thức bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng có 2 trường hợp đó là:
 - +Bán buôn vận chuyển thẳng không qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: khách hàng đến trực tiếp tại địa điểm mua hàng và nhận đủ hàng thanh toán hoặc chấp nhận nợ.
 - +Bán buôn vận chuyển thẳng không qua kho theo hình thức chuyển hàng: Khi mua hàng doanh nghiệp sẽ chuyển thẳng hàng hóa đến một địa điểm nào đó cho khách hàng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết thỏa thuận. Khách hàng nhận đủ hàng thanh toán hoặc chấp nhận nợ.



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ phương thức bán buôn

- **Phương thức bán lẻ:** Là hình thức bán hàng với số lượng vừa và nhỏ, người mua hàng là người tiêu dùng trực tiếp hàng hóa. Có 2 hình thức bán lẻ.

- Hình thức bán lẻ trực tiếp tại doanh nghiệp: khách hàng đến trực tiếp tại doanh nghiệp mua hàng và nhận đủ hàng thanh toán hoặc chấp nhận nợ.
- Hình thức bán lẻ giao hàng: Khách hàng sẽ đặt hàng, doanh nghiệp sẽ giao hàng tới địa điểm khách hàng yêu cầu và khách hàng nhận đủ hàng thanh toán hoặc chấp nhận nợ.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:**

Bán hàng trả chậm, trả góp là khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, doanh nghiệp sẽ ghi nhận doanh thu bán hàng được tính theo giá bán trả tiền ngay, khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định trong hợp đồng.

- **Phương thức bán hàng qua đại lý hay ký gửi hàng hóa:**

- Phương thức bán hàng qua đại lý hay ký gửi hàng hóa có 2 trường hợp:
 - + Doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi: Doanh nghiệp sẽ xuất kho hàng gửi cho đại lý hoặc đơn vị nhận ký gửi, khi bên nhận đại lý bán được hàng hóa sẽ gửi bảng kê hàng hóa đã tiêu thụ được về cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp sẽ xuất hóa đơn GTGT số hàng hóa đã tiêu thụ đó cho bên nhận làm đại lý, ký gửi.
 - + Doanh nghiệp nhận làm đại lý: Doanh nghiệp nhận hàng hóa từ bên giao đại lý và ghi chép số lượng nhập vào sổ nội bộ. Khi bán được hàng doanh nghiệp sẽ ghi chép để cuối ngày hoặc tháng để gửi cho bên giao đại lý và doanh nghiệp sẽ xuất hóa đơn hoa hồng theo phần trăm hợp đồng đã ký kết và trả tiền bán hàng hóa đã bán cho bên giao đại lý.

b, Phương thức thanh toán

- Thanh toán bằng tiền mặt: Khi doanh nghiệp bán hàng, giao quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng và khách hàng thanh toán tiền mặt cho doanh nghiệp tương đương với giá trị của hàng hóa đã bán.
- Thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng: phương thức này ngân hàng đóng vai trò là trung gian giữa doanh nghiệp và khách hàng, sẽ chuyển tiền của khách hàng cho doanh nghiệp bằng các hình thức: Ủy Nhiệm chi, séc, thư tín dụng,...
- Thanh toán trả chậm: Khi khách hàng mua với số lượng lớn và căn cứ vào hợp đồng kinh tế, khách hàng sẽ thanh toán hàng hóa bằng nhiều lần sau thời điểm nhận được hàng. Đến thời điểm thanh toán khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Thanh toán hàng đổi hàng: Khi doanh nghiệp bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự, khi trao đổi hàng hóa bên khách hàng phải giao hàng hóa đã trao đổi cho bên doanh nghiệp. Nếu chênh lệch hàng hóa của doanh nghiệp có giá trị lớn hơn hàng hóa của khách hàng thì phần chênh lệch khách hàng có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản và ngược lại.

1.2.1.4. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản sử dụng : Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
 - Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh hàng hóa, vật tư, lương thực,...
 - + Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành sản xuất vật chất như: Công nghiệp, nông nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp,...
 - + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán. Tài khoản này chủ yếu dùng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: Giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ kế toán, kiểm toán,...
 - + Tài khoản 5118: Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước...
- Kết cấu tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

TK 511

- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT); - Các khoản giảm trừ doanh thu; - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
--	--

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

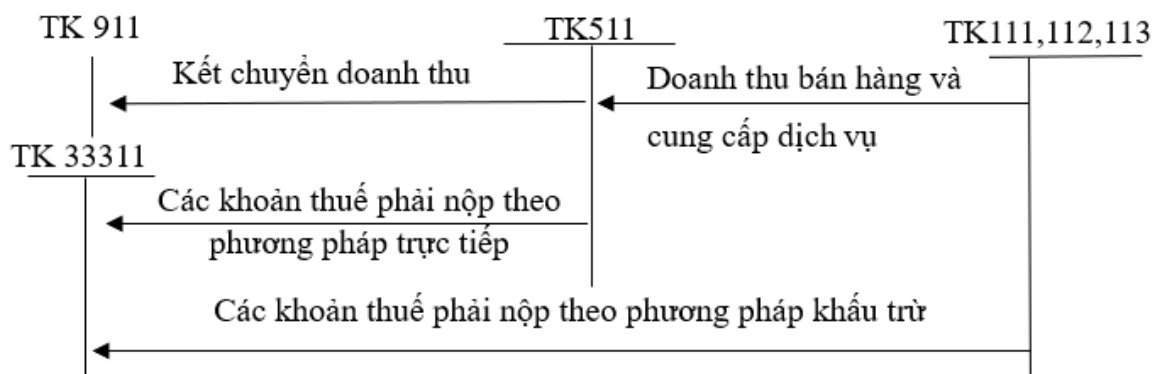
1.2.1.5. Chứng từ sử dụng

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sử dụng chủ yếu những chứng từ sau:

- Đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế đã ký kết, Hóa đơn giá trị gia tăng/ hóa đơn bán hàng,..
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ, bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi,...
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có),...

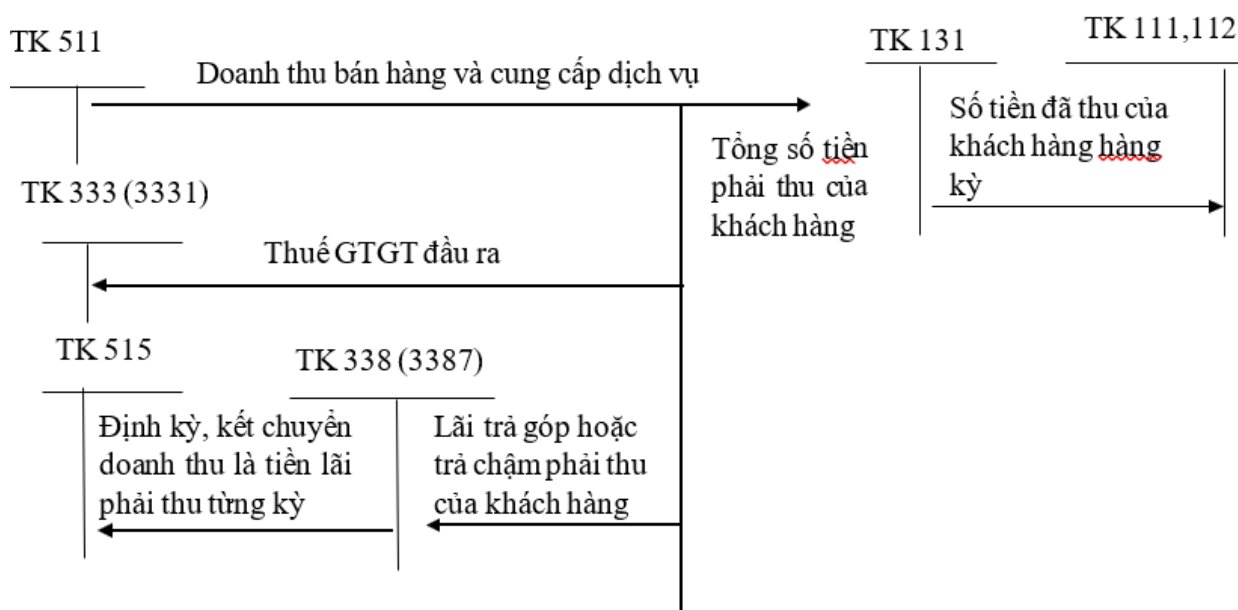
1.2.1.6. Phương pháp hạch toán

- Bán hàng theo phương thức bán buôn và bán lẻ.



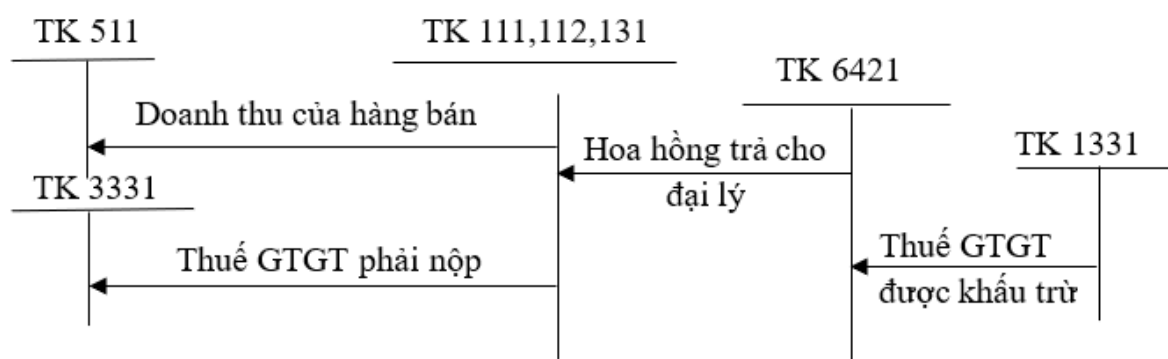
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức bán buôn và bán lẻ

- Bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



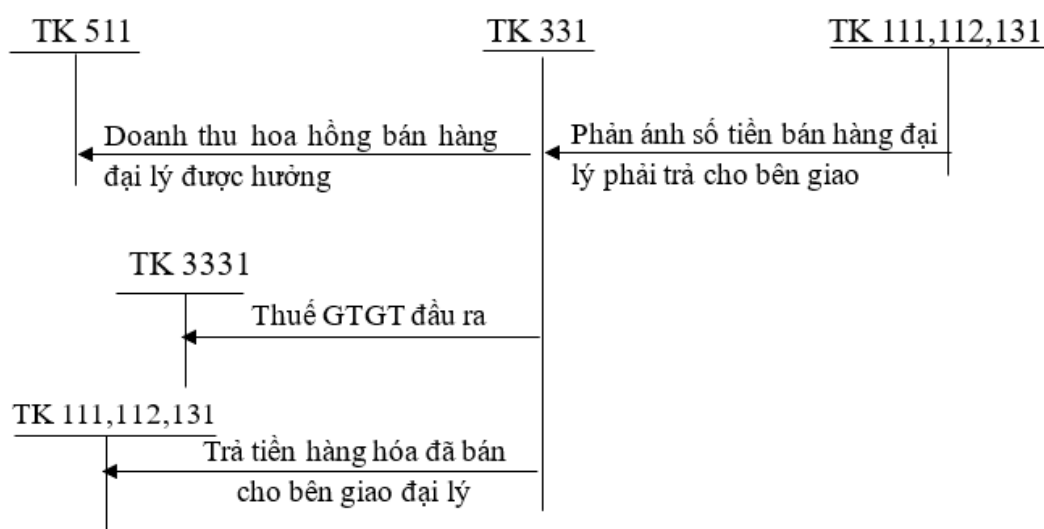
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán TK 511 theo phương thức trả chậm trả góp

- **Bán hàng theo phương thức qua đại lý hay ký gửi**
- Doanh nghiệp giao đại lý ký gửi.



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán TK 511 doanh nghiệp giao đại lý, ký gửi

- Doanh nghiệp nhận làm đại lý.



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán TK 511 doanh nghiệp nhận làm đại lý

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC: Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Chiết khấu thương mại: khoản doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách do mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.
- Giảm giá hàng bán: khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách được quy định trong hợp đồng kinh tế.
- Hàng bán bị trả lại: hàng bị khách hàng trả lại do nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu bị trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu bị trả lại một phần hàng), đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng trên.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Kết cấu tài khoản 511: Các khoản giảm trừ doanh thu, phát sinh bên nợ

TK 511

Các khoản giảm trừ: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại	Kết chuyển các khoản giảm trừ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
---	--

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3. Chứng từ sử dụng.

Kế toán chiết khấu thương mại sử dụng chứng từ:

- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản có quy định việc chiết khấu thương mại của doanh nghiệp,...

Kế toán giảm giá hàng bán sử dụng chứng từ:

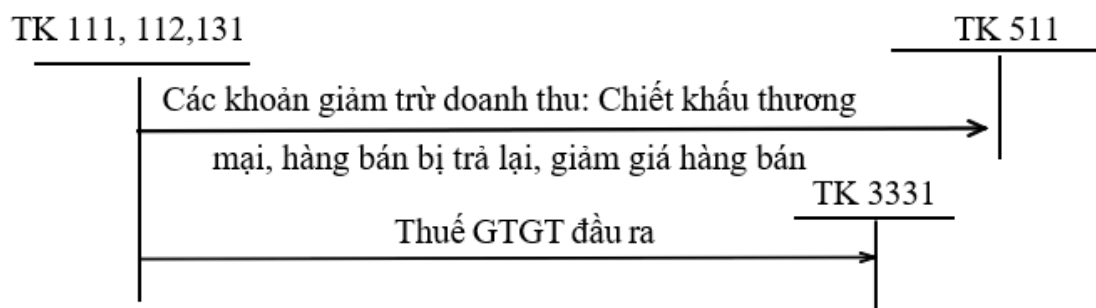
- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, Biên bản điều chỉnh giảm giá
- + Văn bản ghi nhận sự đồng ý giảm giá của hai bên

Kế toán bán hàng bị trả lại sử dụng chứng từ:

- + Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng
- + Hóa đơn của bên xuất trả lại hàng mua, Văn bản lý do bị trả lại,...

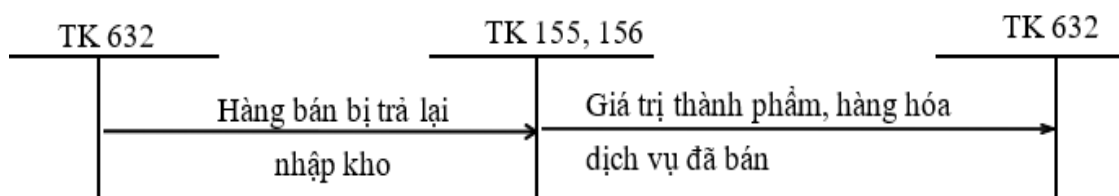
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



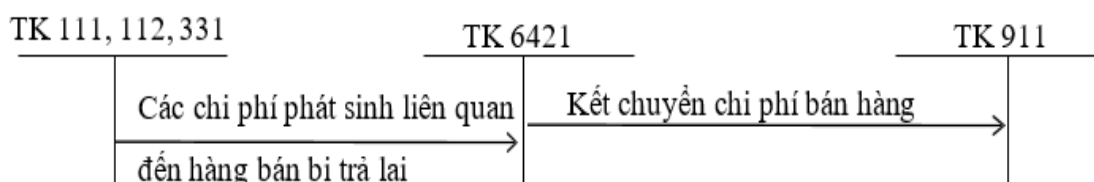
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Kế toán các chi phí liên quan: Nhận lại hàng hóa, sản phẩm bị trả lại



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

- Kế toán các chi phí liên quan đến quá trình thu hồi sản phẩm.



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán các chi phí liên quan đến quá trình thu hồi sản phẩm

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 58 thông tư 133/2016/TT-BTC: Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 515.

TK 515

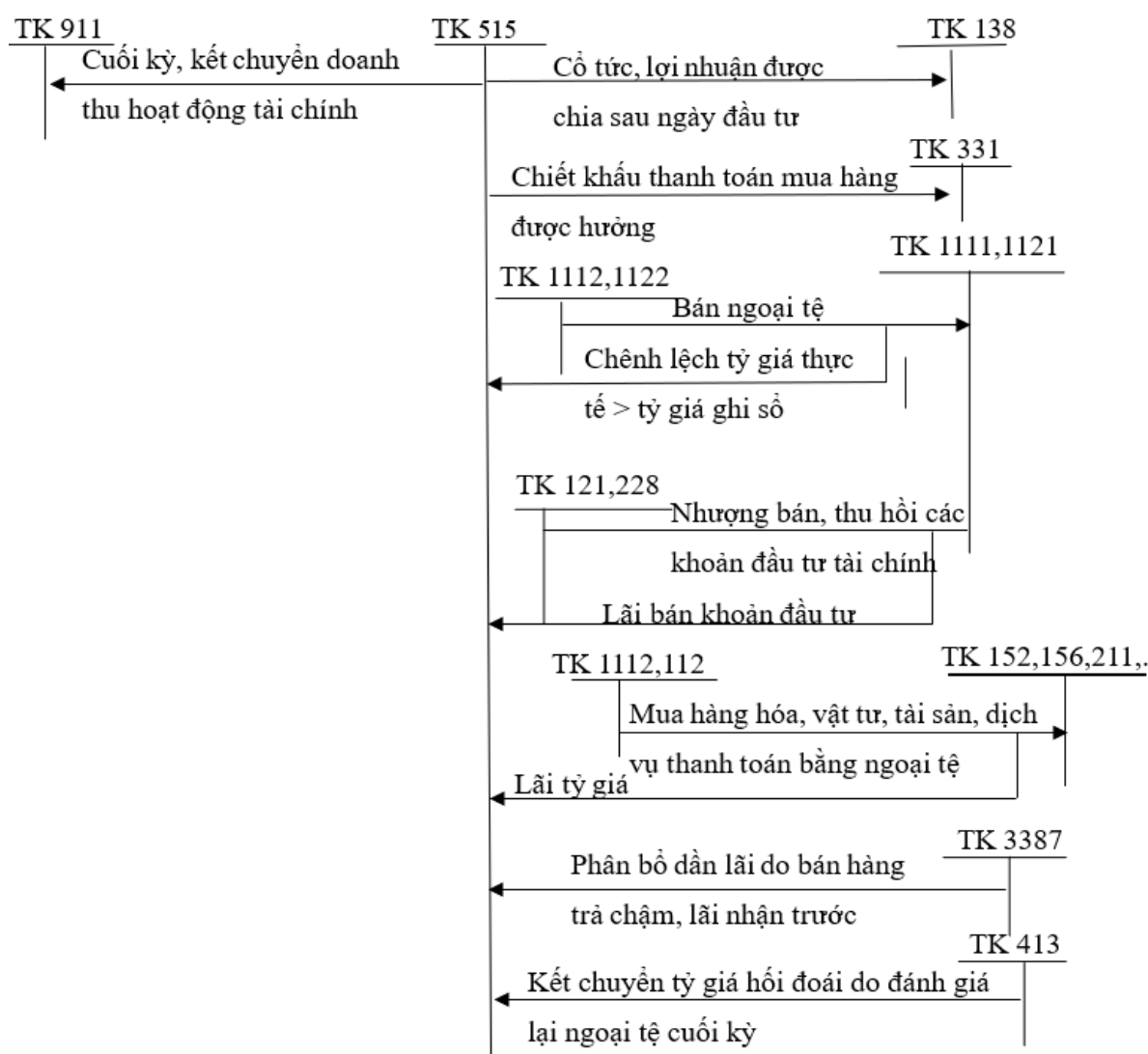
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
---	---

TK 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, Giấy báo có, Phiếu thu, Sổ phụ ngân hàng, Biên bản thanh lý hợp đồng,...

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán TK 515

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 65 của TT133/2016/TT-BTC. Kế toán thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);

- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 tại điều 65 của Bộ tài chính, để phản ánh thu nhập khác kế toán sử dụng tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 711

TK 711

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
	 TK 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, phiếu thu, Hóa đơn GTGT,...
- Biên bản giao nhận TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản vi phạm hợp đồng,..

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán

Theo quy định tại điều 63 của thông tư 133/2016/TT-BTC :Giá vốn hàng bán là dùng để phản ánh tổng giá trị của hàng hóa, dịch vụ đã được bán ra trong kỳ. Bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí thu mua, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến hàng hóa, dịch vụ đã bán ra. Khi xuất bán phải đánh theo một trong các phương pháp quy định để xác định trị giá vốn hàng xuất bán.

Các phương pháp tính giá xuất kho:

- Bình quân gia quyền : có 2 phương thức.

+ Bình quân gia quyền cuối kỳ:

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ; nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn trong kỳ; để tính giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ}}$
--	---	---

+ Bình quân gia quyền mỗi lần nhập (Bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập vật tư - hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n}}{\text{Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n} + \text{Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n}}$
---	---	---

- Nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các

doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

1.3.1.2. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”.

Kết cấu tài khoản 632:

TK 632

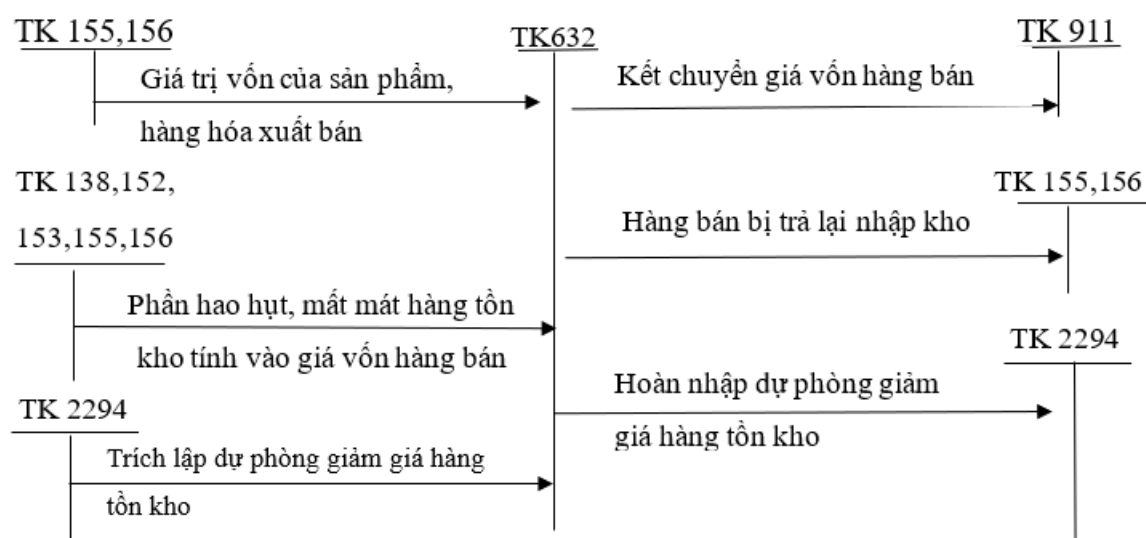
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” - Trị giá hàng bán bị trả lại - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ - Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.
---	---

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

1.3.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán, Hóa đơn GTGT/ hóa đơn bán hàng, Phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, Phiếu nhập kho, phiếu chi, Bảng tổng hợp tồn kho

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán TK 632

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính

1.3.2.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 63 của thông tư 133/2016/TT – BTC: Kế toán chi phí tài chính phản ánh:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; Lỗ bán ngoại tệ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác; Các chi phí tài chính khác.

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí hoạt tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 “Chi phí tài chính”.

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 635.

TK 635

- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước)	- Các khoản được giảm chi phí tài chính - Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
--	---

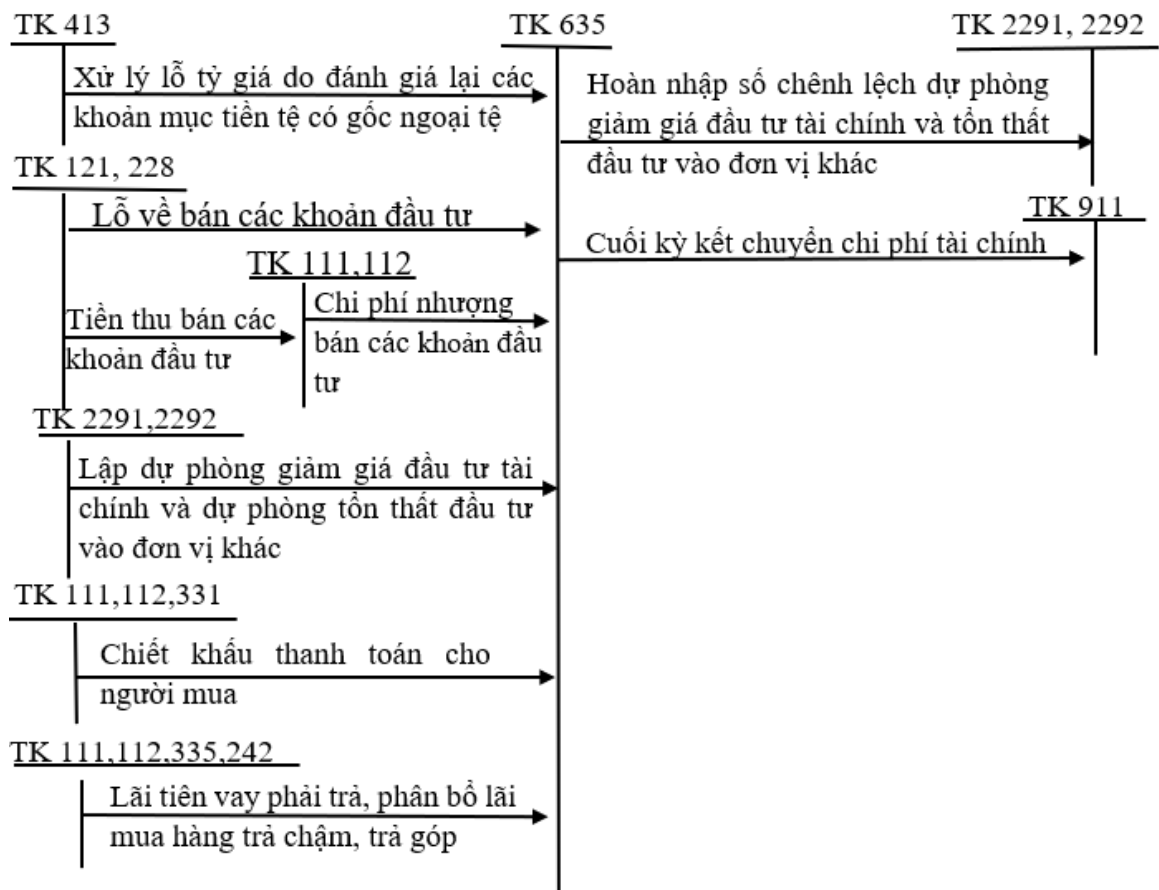


TK 635 không có số dư cuối kỳ.

1.3.2.3. Chứng từ sử dụng

Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ,...

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán TK 635

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 64 của thông tư 133/2016/TT – BTC: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Chi phí bán hàng: bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.3.3.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí quản lý kinh doanh kế toán sử dụng tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”:

Tài khoản này có 2 tài khoản cấp 2 như sau:

+ Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng.

+ Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung tài khoản 642

TK 642

- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).	- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
--	---

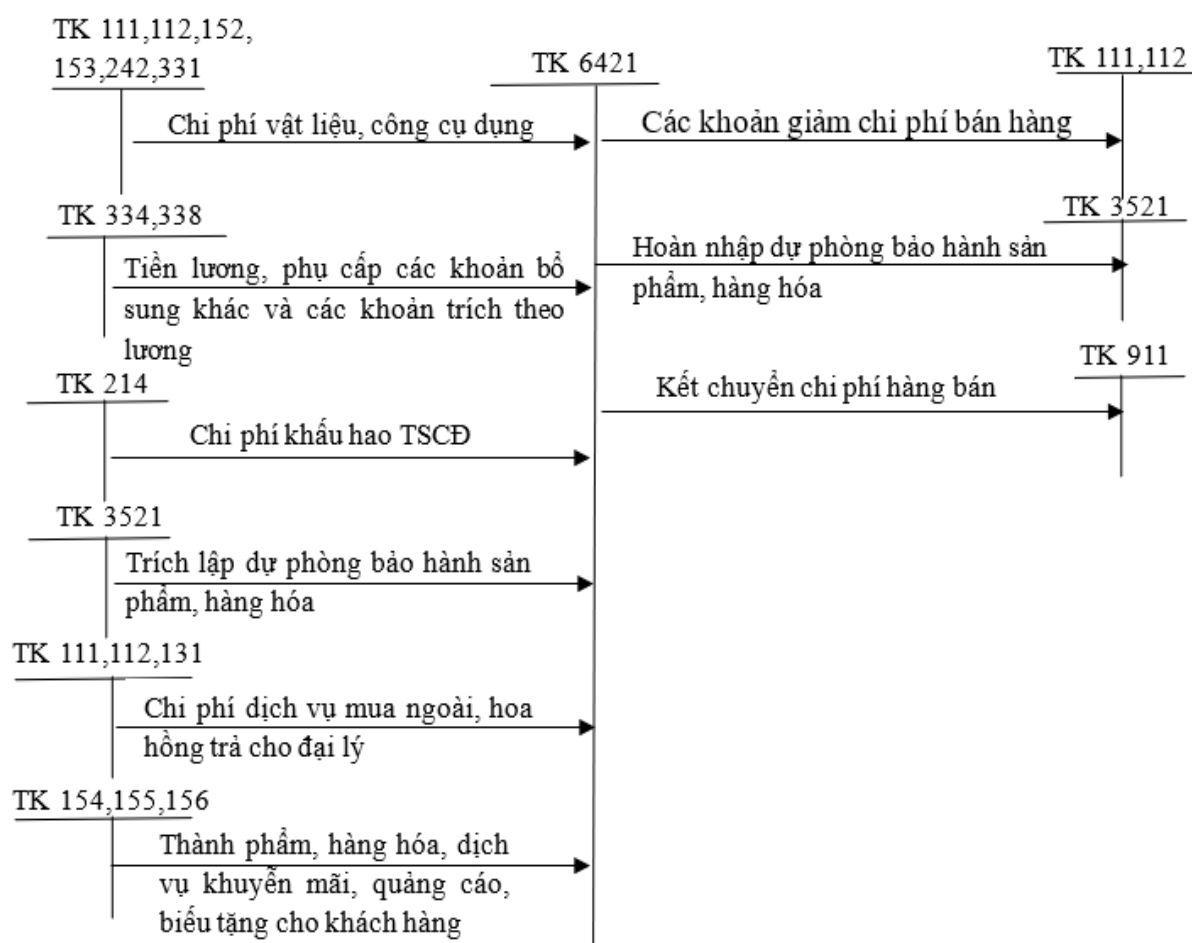
TK 642 không có số dư cuối kỳ.

1.3.3.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Bảng tính lương và các khoản trích theo lương, Bảng khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC

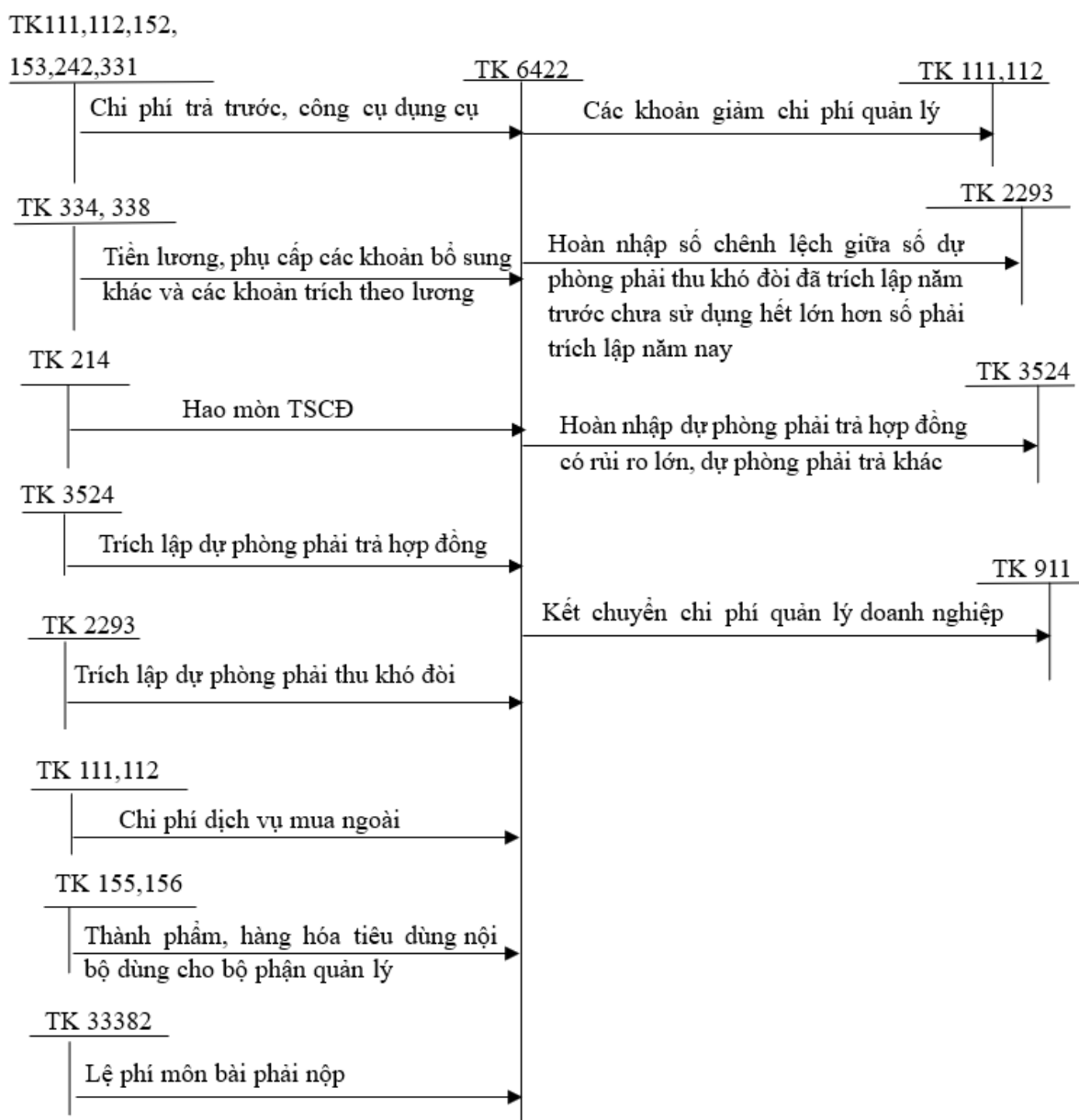
1.3.3.4. Phương pháp hạch toán

- Chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán TK 6421

- Chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ hạch toán TK 6422

1.3.4. Kế toán chi phí khác

1.3.4.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 66 của thông tư 133/2016/TT – BTC: Kế toán chi phí khác phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;

- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.4.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí khác kế toán sử dụng tài khoản 811 “Chi phí khác”

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 811

TK 811

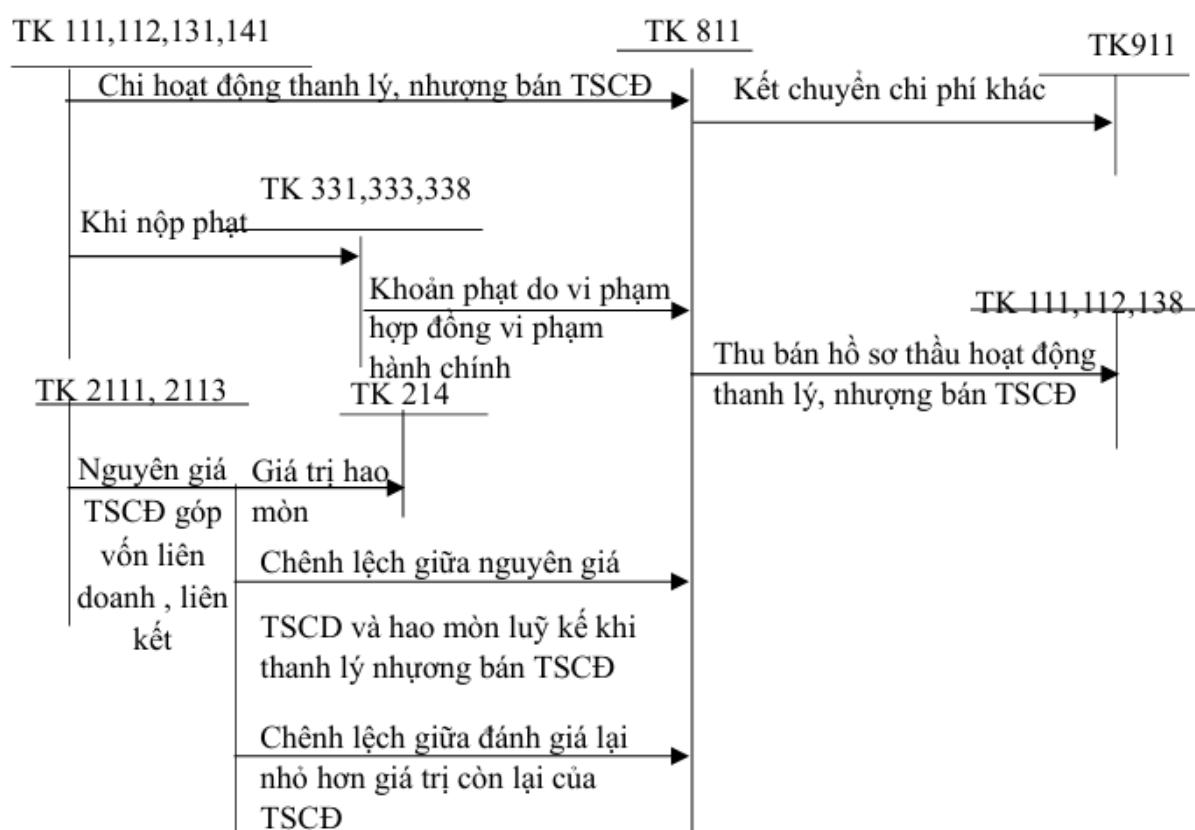
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
✕	

TK 811 không có số dư cuối kỳ.

1.3.4.3. Chứng từ sử dụng

- Biên bản vi phạm hợp đồng, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản đánh giá lại TSCĐ, Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước,...

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.15: Sơ đồ hạch toán TK 811

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 67 của thông tư 133/2016/TT – BTC: Kế toán chi phí thu nhập doanh nghiệp dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tại Khoản 1 Điều 55 Luật Quản lý thuế 2019 quy định rõ đối với thuế TNDN thì tạm nộp theo quý, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó (quy định tại Khoản 5 Điều 148 Bộ luật Dân sự 2015).

Như vậy thời hạn nộp thuế TNDN tạm tính năm 2025 như sau:

KỲ HẠN NỘP	THỜI HẠN NỘP THUẾ TNDN TẠM TÍNH NĂM 2025
Quý I	(Tháng 1, 2 và 3) Chậm nhất vào ngày 02/5/2025 (do ngày 30/4/2025 thuộc ngày nghỉ lễ liên tiếp với ngày 01/5/2025 nên được tính vào ngày làm việc kế tiếp với ngày nghỉ đó).
Quý II	(Tháng 4, 5 và 6) Chậm nhất vào ngày 30/7/2025
Quý III	(Tháng 7, 8 và 9) Chậm nhất vào ngày 30/10/2025
Quý IV	(Tháng 10, 11 và 12) Chậm nhất vào ngày 30/01/2026

Sau khi thực hiện nộp thuế tạm tính theo Quý doanh nghiệp sẽ hoàn tất việc nộp thuế TNDN chậm nhất vào ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế năm 2026 là ngày 31/3/2026.

***Công thức:**

Thu nhập chịu thuế = (Doanh thu - Chi phí được trừ) + Các khoản thu nhập khác						
Thu nhập tính thuế	=	Thu nhập chịu thuế	-	Thu nhập được miễn thuế	-	Các khoản lỗ năm trước được kết chuyển

Thuế TNDN phải nộp	=	(	Thu nhập tính thuế	-	Phân trích lập quỹ khoa học và công nghệ (nếu có)	x	Thuế suất thuế TNDN)
-----------------------------	---	---	-----------------------------	---	--	---	-------------------------

1.3.5.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT – BTC ngày 26/8/2016 tại điều 67 của Bộ tài chính, để phản ánh chi phí thuế TNDN kế toán sử dụng tài khoản 821 “Chi phí thuế TNDN”

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 821

TK 821

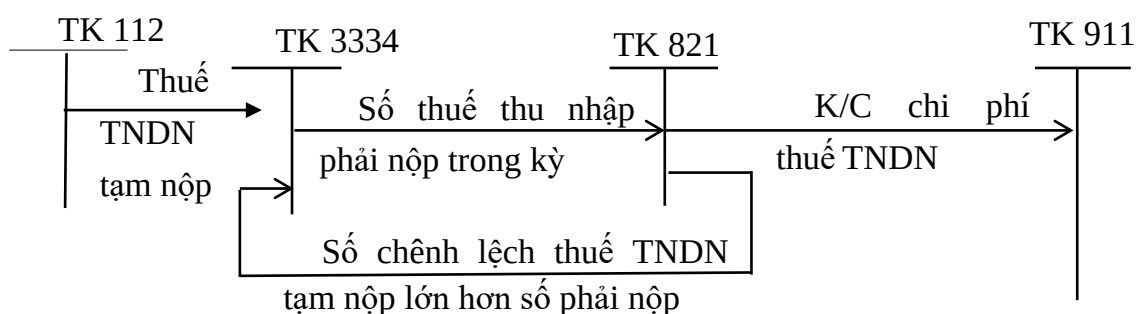
- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm;- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại. | <ul style="list-style-type: none">- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm;- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại;- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. |
|---|---|

TK 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.3. Chứng từ sử dụng

- Quyết toán thuế TNDN hằng năm,...

1.3.5.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.16: Sơ đồ hạch toán TK 821

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.4.1.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 68 thông tư 133/2016/TT-BTC: Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và

các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

1.4.1.2. Tài khoản sử dụng

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 tại điều 68 của Bộ tài chính, đề phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh kế toán sử dụng tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 911

TK 911

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.	- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
--	--

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

Kết quả kinh doanh được xác định theo công thức:

Doanh thu thuần về BH và CCDV	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
--	---	---------------------------------	---	---

LN gộp về BH và CCDV	=	Doanh thu thuần về BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán
---------------------------------	---	--	---	-----------------------------

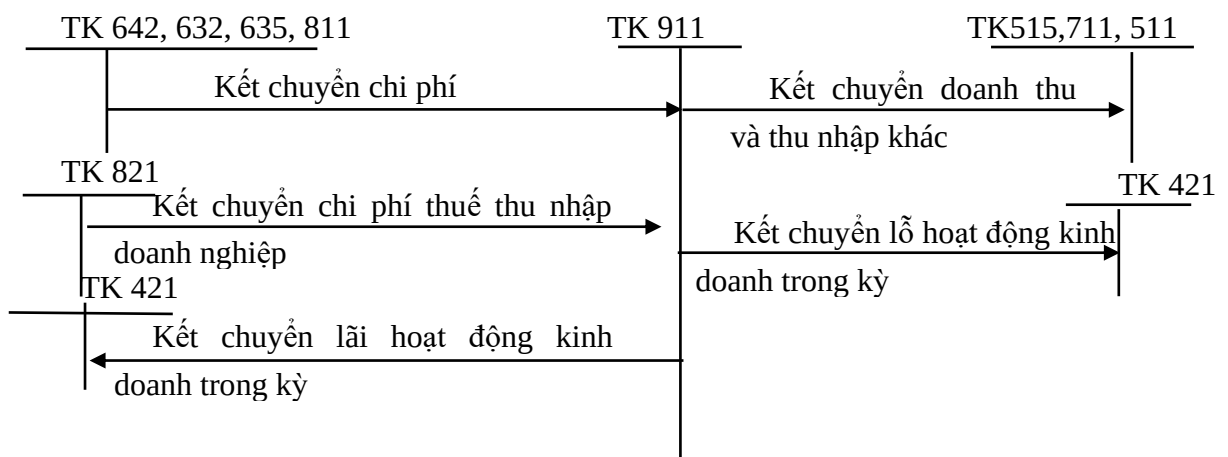
LN thuần từ hoạt động kinh doanh	=	LN gộp về BH và CCDV	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh
---	---	----------------------	---	-------------------------------	---	-------------------	---	----------------------------

Lợi nhuận khác	=	Doanh thu khác	-	Chi phí khác
-----------------------	---	----------------	---	--------------

Tổng LNKT trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------	---	---	---	----------------

Tổng LNKT sau thuế	=	Tổng LNKT trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
---------------------------	---	----------------------	---	-------------------

1.4.1.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.17: Sơ đồ hạch toán TK 911

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

2.1.1. Đặc điểm chung công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung

2.1.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung.

- Mã số thuế: 0401696578.

- Người đại diện pháp luật: bà Nguyễn Thị Bích Hòa.

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

- Địa chỉ trụ sở chính: 25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

- Ngày thành lập: 18/09/2015.

- Vốn điều lệ: 9.900.000.000 .

- Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm các ngành nghề bán buôn thực phẩm cụ thể là bán dầu ăn hướng dương(xuất xứ từ Nga), dầu đậu nành OFOOD, kem sữa đặc có đường Maika.

2.1.1.2. Đặc điểm ngành nghề kinh doanh công ty

- Doanh thu của doanh nghiệp tất cả đều phát sinh từ hoạt động thương mại. Doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh là dịch vụ và vận tải nhưng trong năm 2023, 2024, 2025 2 hoạt động này không phát sinh tạo doanh thu cho doanh nghiệp. Các mặt hàng doanh nghiệp kinh doanh bao gồm:

- Dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L: Công ty nhập khẩu từ Nga

- Dầu đậu nành OFOOD: hàng trong nước, dầu đậu nành OFOOD có 3 loại: 1 lít, 2 lít và 5 lít.

- Kem sữa đặc có đường Maika: Xuất xứ từ Malaysia, công ty nhập hàng từ nhà phân phối trong nước.

• Phương thức bán hàng và hình thức giao hàng hóa cho khách hàng.

Công ty áp dụng phương thức bán hàng sau:

- Bán sỉ: Là việc bán hàng với số lượng lớn, doanh thu từ việc bán sỉ này là lớn nhất và diễn ra thường xuyên nhất.

Nhân viên sale sẽ chào hàng tại các công ty, trường học (quà tết, thực phẩm cho các trường bán trú, đại lý). Doanh nghiệp chỉ bán với hình thức sỉ chứ không bán lẻ từng mặt hàng cho khách.

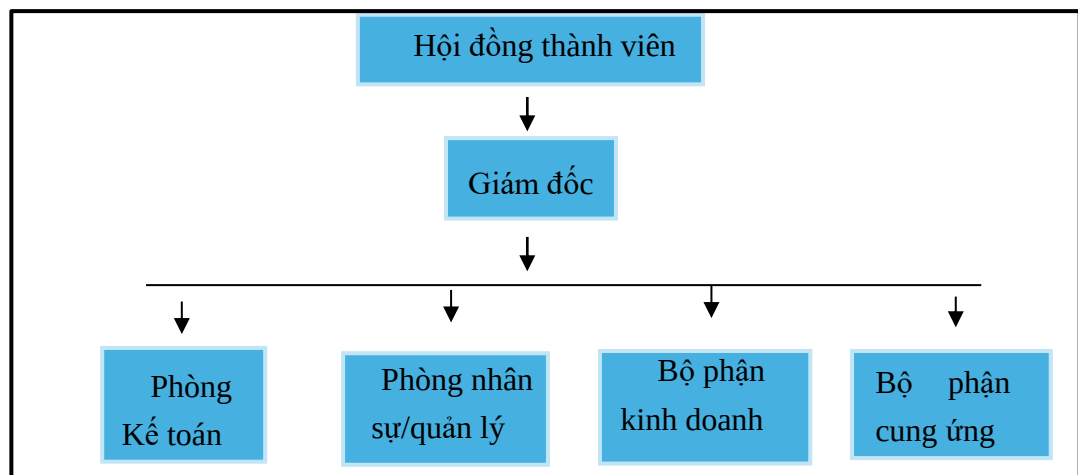
- Bán ký gửi: Doanh nghiệp còn ký kết hợp đồng với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, ký kết trưng bày hàng tại bưu điện trên 63 tỉnh thành. Khi bưu điện bán sẽ tổng hợp số lượng đã bán và cập nhật số lượng đã bán về cho công ty để xuất hoá đơn.

- **Hình thức giao hàng như sau:**

- Giao hàng tại công ty: Giao trực tiếp cho khách hàng mà không phải thông qua bên vận chuyển.

- Giao hàng hóa tại công ty khách hàng: Giao hàng cho khách hàng thông qua bên vận chuyển và chi phí này là công ty phải chi trả.

2.2.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý



Sơ đồ 2.1 : Tổ chức bộ máy quản lý

Đứng đầu công ty là hội đồng thành viên gồm có 2 thành viên cùng góp vốn thành lập công ty đó là Nguyễn Thị Bích Hòa và Nguyễn Thị Mỹ Hạnh với số phần trăm góp vốn lần lượt là 70%, 30% vốn điều lệ. Tiếp đến giám đốc người điều hành công ty là bà Nguyễn Thị Bích Hòa.

Công ty được chia làm 4 phòng ban, bộ phận chính: phòng kế toán, bộ phận kinh doanh, phòng nhân sự/quản lý, bộ phận cung ứng. Các bộ phận, phòng ban liên kết chặt chẽ hỗ trợ nhau để công ty hoạt động liên tục.

- **Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận.**

- Hội đồng thành viên: nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty, nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

- Giám đốc: là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Có quyền tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của hội đồng thành viên, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.

- Phòng kế toán: Đảm bảo toàn bộ công việc tính toán trong công ty, từ tính toán ban đầu, xử lý thông tin, lập các báo cáo tài chính.

- Phòng nhân sự/quản lý: nhiệm vụ của phòng là xây dựng cơ cấu tổ chức nhân sự cho các phòng ban trong doanh nghiệp. Hàng tháng tính toán ngân sách liên quan đến chi phí lao động (quỹ lương, chi phí đào tạo, BHXH, BHYT, chi phí đồng phục) cho toàn bộ nhân viên trong công ty. Đồng thời xây dựng kế hoạch tiền lương, nội quy, văn hóa công ty.

- Bộ phận kinh doanh: đóng vai trò rất quan trọng, nó tạo ra doanh thu cho công ty. Công việc của phòng kinh doanh được hiểu là phụ trách khâu nghiên cứu, phát triển và phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng. Tiếp cận mở rộng phạm vi thị trường và khách hàng tiềm năng. Phụ trách tìm hiểu thông tin, đàm phán, ký kết hợp đồng với khách hàng, đối tác. Có quan hệ chặt chẽ với kế toán kho để kịp thời đáp ứng hàng hóa phục vụ khách hàng. Làm báo giá cho khách hàng.

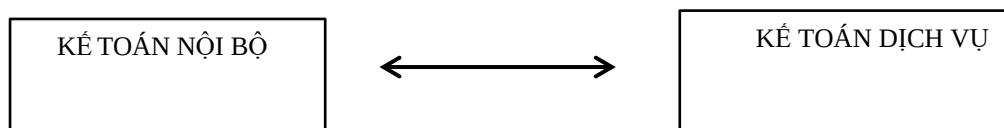
- Bộ phận cung ứng: có nhiệm vụ làm trung gian với nhà cung cấp hàng hóa và đơn vị vận chuyển hàng hóa. Lên kế hoạch mua hàng, làm hợp đồng, đơn đặt hàng. Hàng tháng nắm bắt số lượng hàng hóa trong kho để có kế hoạch mua hàng đề xuất lên giám đốc phê duyệt kịp thời.

2.1.2. Tổ chức bộ máy kế toán công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung

2.1.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Ở phòng kế toán mỗi người trong bộ máy kế toán có một công việc và trách nhiệm khác nhau nhưng bổ trợ lẫn nhau để hoàn thành công việc, báo cáo của doanh nghiệp đảm bảo các báo cáo, chuẩn mực theo đúng quy định thông tư của bộ tài chính.

Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đúng lúc đúng quy định, tham mưu cho ban giám đốc về việc thu chi trong doanh nghiệp cũng như đảm bảo quy định của pháp luật.



Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán

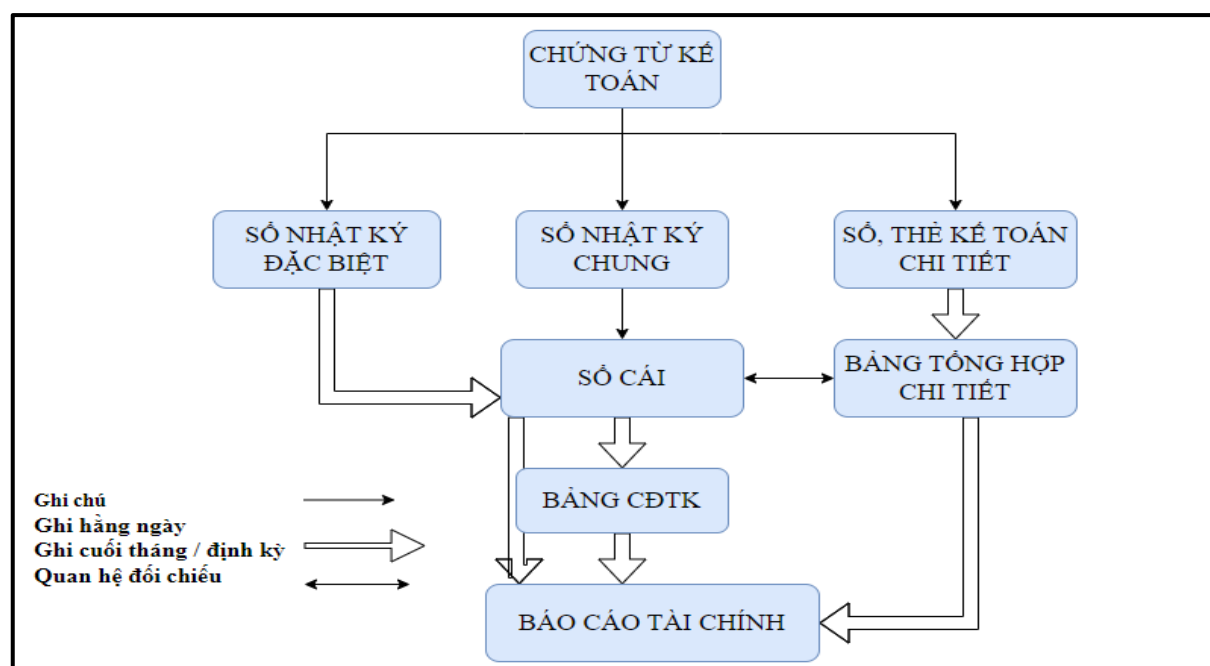
2.1.2.2. Nhiệm vụ, chức năng của từng phần hành kế toán

- Kế toán nội bộ: Là người chịu trách nhiệm lập hóa đơn, tổng hợp, kiểm tra và phân loại chứng từ kế toán hàng ngày của công ty ngoài ra còn nắm giữ tiền mặt, TGNH, thực hiện thu, chi tiền tại đơn vị khi phát sinh. Phối hợp với kế toán dịch vụ đối chiếu số liệu với chứng từ và tồn quỹ.

- Kế toán dịch vụ: Là người chịu trách nhiệm tổng hợp, phản ánh, ghi chép và thống kê một cách tổng quát các số liệu, dữ liệu, thông tin trên các tài khoản, sổ sách kế toán, báo cáo lãi lỗ và báo cáo tài chính theo các kỳ kế toán của doanh nghiệp.

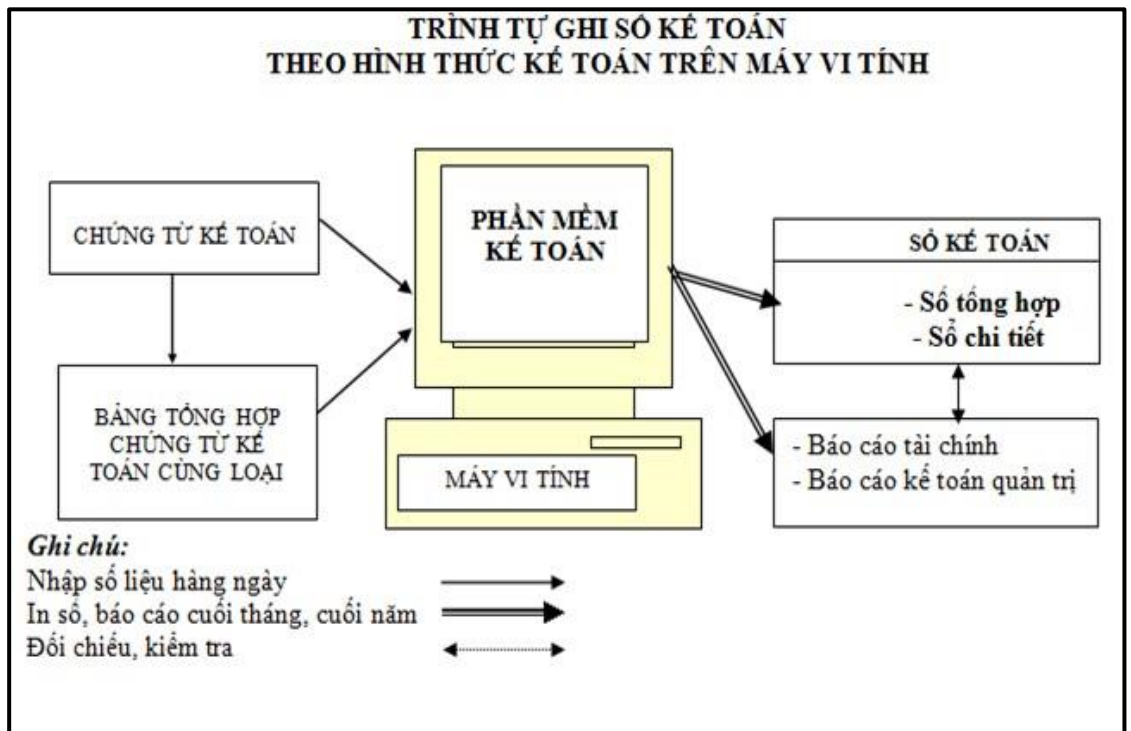
Quy trình xử lý dữ liệu

Cách ghi chép ở đây là các nghiệp vụ kế toán phát sinh sẽ được ghi vào sổ ‘nhật ký chung’ theo trình tự thời gian phát sinh bao gồm các nội dung: thời gian, số chứng từ, diễn giải, tài khoản nợ có, số tiền. Sau đó lấy số liệu từ nhật ký chung đổ về sổ cái. Đây là trình tự ghi sổ của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp dùng kế toán máy nên khi nhập dữ liệu vào phần mềm các sổ sẽ tự nhảy



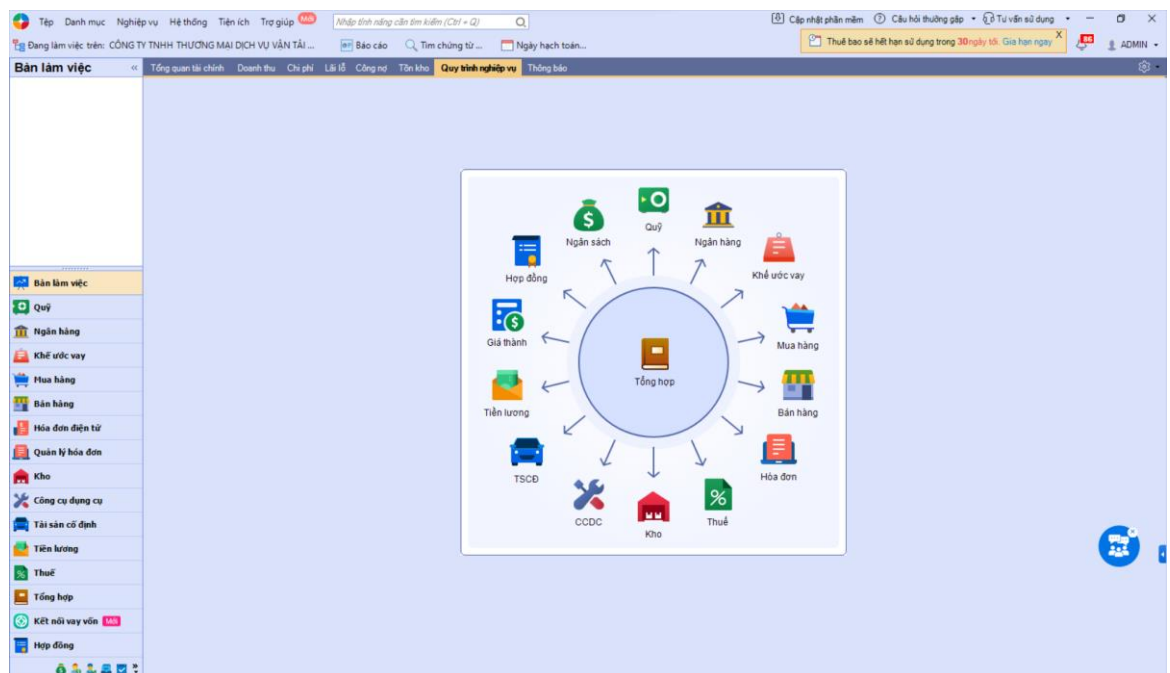
Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán ở công ty theo hình thức nhật ký chung

- Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm kế toán



Sơ đồ 2.4 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

- Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung trên phần mềm kế toán Misa:



Hình 2.1: Trích xuất màn hình giao diện Phần mềm Misa 2023

Thực tế quy trình ghi sổ kế toán trên phần mềm máy tính ở công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung được thể hiện qua sơ đồ trên.

- Hàng ngày: Kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi

Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Các phân hành sẽ quy định kế toán phù hợp mới được nhập vào từng loại phân hệ. Phân hệ quỹ, tiền gửi ngân hàng sẽ do thủ quỹ nhập vào phần mềm, kế toán công nợ sẽ nhập phân hệ mua hàng, bán hàng.

- Định kỳ cuối quý, tháng: Kế toán thực hiện việc thu thập chứng từ, hoá đơn GTGT để thực hiện báo cáo thuế hàng quý. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với chứng từ gốc. Cuối năm kế toán tổng hợp sẽ thực hiện kết sổ (khóa sổ) và lập báo cáo tài chính, sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

Hình thức sổ sách kế toán áp dụng, các chính sách kế toán

- Hình thức sổ kế toán áp dụng: ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

Hình thức này gồm sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Sổ tổng hợp gồm sổ nhật ký chung và sổ cái các tài khoản. Sổ chi tiết bao gồm: sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết công nợ phải thu, phải trả cho mỗi đối tượng, sổ chi tiết vật tư hàng hóa.

- Các chính sách kế toán

Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung áp dụng chính sách kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ về nguyên tắc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

- ✎ Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- ✎ Đơn vị tiền công ty sử dụng: Việt Nam đồng, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ sẽ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- ✎ Phương pháp tính giá vốn hàng bán: phương pháp bình quân cuối kỳ(cuối quý).
- ✎ Phương pháp khấu hao tài sản cố định: phương pháp đường thẳng.
- ✎ Phương pháp tính thuế GTGT tại công ty: phương pháp khấu trừ.
- ✎ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- ✎ Kỳ báo cáo tài chính: theo năm
- ✎ Công ty sử dụng phần mềm MISA SME 2023.
- ✎ Hình thức hóa đơn: Hóa đơn điện tử của VININVOICE.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

2.2.1. Kế toán doanh thu

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.

2.2.1.1.1. Nội dung Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu của doanh nghiệp tất cả đều phát sinh từ hoạt động thương mại. Doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề kinh doanh là dịch vụ và vận tải nhưng trong năm 2023, 2024, 2025 2 hoạt động này không phát sinh tạo doanh thu cho doanh nghiệp. Các mặt hàng doanh nghiệp kinh doanh bao gồm:

- Dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L: Công ty nhập khẩu từ Nga
- Dầu đậu nành OFOOD: hàng trong nước, dầu đậu nành OFOOD có 3 loại: 1L, 2L và 5L.
- Kem sữa đặc có đường Maika: Xuất xứ từ Malaysia, công ty nhập hàng từ nhà phân phối trong nước .

Phương thức bán hàng và hình thức giao hàng hóa cho khách hàng.

- Công ty áp dụng phương thức bán hàng sau:
 - + Bán sỉ: Là việc bán hàng với số lượng lớn, doanh thu từ việc bán sỉ này là lớn nhất và diễn ra thường xuyên nhất. Nhân viên sale sẽ chào hàng tại các công ty, trường học (quà tết, thực phẩm cho các trường bán trú, đại lý). Doanh nghiệp chỉ bán với hình thức sỉ chứ không bán lẻ từng mặt hàng cho khách.
 - + Bán ký gửi: Doanh nghiệp còn ký kết hợp đồng với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, ký kết trưng bày hàng tại bưu điện trên 63 tỉnh thành. Khi bưu điện bán đến cuối mỗi thời điểm công ty yêu cầu sẽ tổng hợp số lượng đã bán và cập nhật số lượng chính xác đã bán về cho công ty để xuất hoá đơn khi đã đưa thông báo số lượng đã bán vào đầu tháng sau.
- Hình thức giao hàng như sau:
 - + Giao hàng tại công ty: Giao trực tiếp cho khách hàng mà không phải thông qua bên vận chuyển.
 - + Giao hàng hóa tại công ty khách hàng: Giao hàng cho khách hàng thông qua bên vận chuyển và chi phí này là công ty phải chi trả.

*Chính sách giá hàng bán của công ty

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI SANA MIỀN TRUNG 25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng. THÔNG BÁO CHÍNH SÁCH GIÁ BÁN HÀNG NĂM 2025 <i>(Chính sách chỉ lưu hành nội bộ công ty)</i>				
Kính gửi: Giám đốc công ty Phòng kinh doanh				
Phòng kế toán xin thông các chính sách giá phân phối bán hàng, chiết khấu (giá xuất hoá đơn VAT):				
Hàng hoá	Giá			
	SL < 800 chai, lon		SL > 800 chai, lon	
	Không vận chuyển	Vận chuyển	Không vận chuyển	Vận chuyển
Dầu hướng dương oliu Zdrovoe menu 1L	> 55.000/ chai	> 60.000/ chai	> 54.000/ chai	> 58.000/ chai
Dầu đậu nành OFOOD 1L	> 40.000/ chai	> 42.000/ chai	> 38.000/ chai	> 41.000/ chai
Dầu đậu nành OFOOD 2L	> 87.000/ chai	> 89.000/ chai	> 85.000/ chai	> 88.000/ chai
Dầu đậu nành OFOOD 3L	> 185.000/ chai	> 220.000/ chai	> 175.000/ chai	>200.000/ chai
Kem sữa đặc có đường Maika 1kg	> 35.000/ chai	> 39.000/ chai	> 32.000/ chai	> 37.000/ chai
Kem sữa đặc có đường Maika 390gr	> 16.000/ chai	> 18.000/ chai	> 15.500/ chai	>18.500/ chai
* Chính sách giá không áp dụng cho: Công ty phát hành báo chí Trung Ương và Tổng Bưu Điện Việt Nam. Nhân viên kinh doanh theo dõi, cập nhật giá thường xuyên để cập nhật giá kịp thời. Trân trọng!				

Hình 2.2: Chính sách giá năm 2025

2.2.1.1.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản cấp 1: Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản cấp 2: Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

2.2.1.1.3. Chứng từ và sổ sách sử dụng

Để tiến hành hạch toán doanh thu bán hàng thì cần bộ chứng từ bán hàng sau:

- Báo giá, đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, biên bản bàn giao hàng hóa, hóa đơn GTGT, phiếu thu, giấy báo có , và các chứng từ liên quan khác.

- Sổ cái TK 511, sổ chi tiết TK 5111: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sổ nhật ký chung.

2.2.1.1.4. Nghiệp vụ minh họa

Nghiệp vụ minh họa 1: Bán hàng theo hình thức bán sỉ

Bước 1: Sau khi hoàn tất đơn hàng, Kế toán đăng nhập vào phần mềm VIN-HOADON để nhập hóa đơn và gửi qua mail cho khách hàng để xác nhận đầy đủ thông tin về số lượng, đơn giá, thành tiền,....

Bước 2: Khách hàng duyệt hóa đơn VIN-HOADON, kế toán lập hóa đơn GTGT số và gửi hóa đơn cho khách hàng qua email/zalo.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TSN
Số: 25

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 18 tháng 01 năm 2025

MCCQT: 0007910CECCCB145A9BAC924E70EDFF377

Tên người bán: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG
Mã số thuế: 0401696578
Địa chỉ: 25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: 0914 104 452
Số tài khoản: 0041000236171 tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - PGD Hải Châu, Đà Nẵng

Tên người mua: CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH I.V.C- TRƯỜNG MẦM NON ABC
Họ tên người mua hàng:
Mã số thuế:
Địa chỉ: 908 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng.
Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản
Số tài khoản:
Đơn vị tiền tệ: VND
Số bảng kê: Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L	Chai	100	55.555,5		8%	5.555.550

STT	Tên loại phí	Tiền phí
1		

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	5.555.550	444.450

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	5.555.550
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	444.450
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	6.000.000
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Sáu triệu đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH

THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN

TÀI SANA MIỀN TRUNG

Ký ngày: 2025-01-18 21:20:25

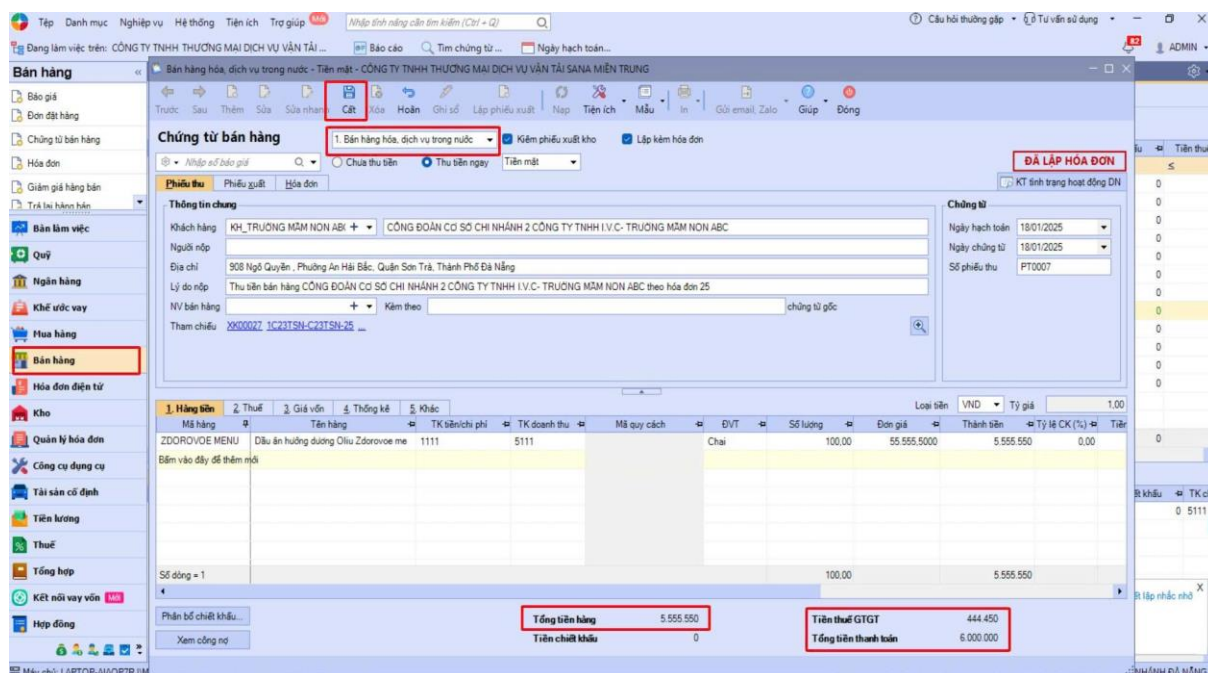
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.3: Hóa đơn GTGT số 25 ngày 18/01/2025

Bước 3: Vào Misa, chọn phân hệ Bán hàng, chọn Chứng từ bán hàng (hoặc vào tab Bán hàng, nhấn Thêm).

Bước 4:

- + Chọn loại chứng từ bán hàng là Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước.
- + Chọn phương thức thanh toán.
- + Tích chọn Kiêm phiếu xuất kho.
- + Tích chọn Lập kèm hóa đơn.
- + Tại mục NV bán hàng: Chọn nhân viên tương ứng, nếu có nhu cầu theo dõi tình hình bán hàng chi tiết theo nhân viên bán hàng.
- + Khai báo đầy đủ các thông tin về thuế và hóa đơn -> Sau đó nhấn “Cất”



Hình 2.4: Trích xuất màn hình nhập liệu hóa đơn số 25 vào phần mềm
 Ngày 18/01/2025 CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH I.V.C- TRƯỜNG MẦM NON ABC thanh toán công nợ bằng tiền mặt cho Công ty.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA
 25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố
 Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 01 - TT
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
 Ngày 18 tháng 01 năm 2025

Quyển số: _____

Số: PT0007

Nợ 1111

Có: 5111, 33311

Họ tên người nộp tiền: CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH I.V.C- TRƯỜNG MẦM
 NON ABC

Địa chỉ: 908 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH I.V.C- TRƯỜNG
 MẦM NON ABC theo hóa đơn 25

Số tiền: **6.000.000 VND**

Viết bằng chữ: **Sáu triệu đồng chẵn.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày..... tháng năm.....

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Người nộp tiền
 (Ký, họ tên)

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ) Sáu triệu đồng chẵn.

Hình 2.5: Phiếu thu theo HĐ số 25

Nghiệp vụ minh họa 2: Bán hàng theo hình thức ký gửi.

- Ngày 25/01/2025 công ty ký kết hợp đồng với Tổng Bưu điện Việt Nam và lập báo giá. Báo giá sẽ cập nhật giá niêm yết ở phòng kinh doanh . Khi đã ký kết hợp đồng công ty sẽ giao hàng đến Tổng công ty Bưu Điện Việt Nam để giao hàng ký gửi kèm theo biên bản bàn giao hàng hóa (Phụ lục : Biên bản giao nhận hàng hóa số 34/BBGN). Công ty chỉ làm việc trực tiếp với Tổng công ty Bưu Điện Việt Nam và thông qua Tổng công ty để cập nhật số lượng từng bưu điện trên 63 tỉnh thành. Đến ngày 28 hoặc 29 mỗi tháng Tổng công ty Bưu Điện Việt Nam sẽ thông báo số lượng đã bán trong tháng về cho công ty bằng mail đề xuất hoá đơn GTGT thanh toán. Sau khi nhận mail tổng hợp số lượng đã bán trong tháng 1 của Tổng Công ty Bưu điện, kế toán sẽ tiến hành xuất hóa đơn GTGT.

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM				
Số 05 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội				
Đơn vị: SANA MIỀN TRUNG (ĐÀ NẴNG)				
TÊN HH	SL đầu kỳ	Nhập	Đã bán	Cuối kỳ
hướng dương oliu Z dorovoe menu 1L	2,491	10,000	1,037	11,454
Dầu đậu nành OFOOD 1 L	1,980	20,000	2,120	19,860
Dầu đậu nành OFOOD 2 L	764	10,000	1,841	8,923
Dầu đậu nành OFOOD 5 L	56	5,000	269	4,787
02 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1 L và 1 chai tương ớt Chinsu 250gr	278	21,122	173	21,227
1 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L và 1 chai nước tương ta m thái từ nhĩ ca 500ml	100	10,000	180	9,920
2 chai dầu đậu nành OF OOD 1L + 1 chai nước tương Tam thái từ nhĩ ca 500ml	1,109	522	587	1,044
1 chai dầu đậu nành OF OOD 2L + 1 chai nước tương Tam thái từ nhĩ ca 500m	5,498	5,110	388	10,220
1chai dầu đậu nành OFO OD 5L+ 1 chai nước tương Chinsu tôi ớt 330ml	539	511	28	1,022
02 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1 L và 1 chai nước tương Tam thái từ nhĩ ca 500m	792	666	126	1,332
2 chai dầu đậu nành OF OOD 1L + 1 chai nước tương Hương việt thanh vị 500ml	1,496	444	1,052	888
1 chai dầu đậu nành OF OOD 2L + 1 chai nước tương Hương việt thanh vị 500ml	584	126	458	252
1chai dầu đậu nành OFO OD 5L+ 1 chai nước tương đậu nành cholimex 300ml	63,103	63,120	17	126,206
Hàng Km- Nước tương Hương việt thanh vị 500 ml	1,214	1,221	7	2,428
Kem sữa đặc có đường Maika 1kg	1,233	2,666	1,433	2,466
Kem sữa đặc có đường Maika 390gr	18,637	21,111	2,474	37,274
Dầu ARMY cooking oil 9,5L	9,990	10,000	10	19,980
Tương ớt cay OCOOK 500ml	9,981	10,000	19	19,962
Tương cà OCOOK 500 ml	4,963	5,000	37	9,926
Nước tương OCOOK 50 0ml	9,927	10,000	73	19,854
Dầu đậu nành OFOOD 1,7L	9,746	10,000	254	19,492
Dầu hướng dương tinh l uyện khử mùi loại 1	3,492	5,000	1,508	6,984
Dầu đậu nành OFOOD 0,9L	9,506	10,000	494	19,012
1 chai dầu đậu nành OF OOD 1,7L + 1 gói đường Cô ba 500gr	8,598	10,000	1,402	17,196
Dầu hướng dương oliu Z dorovoe menu 5L	4,967	5,000	33	9,934
Thập nhĩ vương trà	9,890	10,000	110	19,780

Hình 2.6: Bảng Tổng Hợp Hàng Đã Bán



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TSN
Số: 28

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 21 tháng 01 năm 2025

MCCQT: 0075C137C9D17341CA8FEACDE599E869F5

Tên người bán: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

Mã số thuế: 0401696578

Địa chỉ: 25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0914 104 452

Số tài khoản: 0041000236171 tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - PGD Hải Châu, Đà Nẵng

Tên người mua: TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM .

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0102595740

Địa chỉ: Số 05 Phạm Hùng ,Phường Mỹ Đình 2 , Quận Nam Từ Liêm , Thành Phố Hà Nội.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu hướng dương oliu Z dorovoe menu 1L	Chai	1.037	42.222		8%	43.784.444
2	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu đậu nành OFOOD 1 L	Chai	2.120	42.222		8%	89.511.111
3	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu đậu nành OFOOD 2 L	Chai	1.841	84.444		8%	155.462.222
4	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu đậu nành OFOOD 5 L	Chai	269	197.741		8%	53.192.259
5	Hàng hóa, dịch vụ		02 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1 L và 1 chai tương ớt Chi nsu 250gr	Bộ	173	84.444		8%	14.608.889

	Hàng hóa, dịch vụ	1 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L và 1 chai nước tương Tam thái tử nhĩ ca 500ml	Bộ	180	42.222		8%	7.600.000
7	Hàng hóa, dịch vụ	2 chai dầu đậu nành OF OOD 1L + 1 chai nước tương Tam thái tử nhĩ ca 500ml	Bộ	587	84.444		8%	49.568.889
8	Hàng hóa, dịch vụ	1 chai dầu đậu nành OF OOD 2L + 1 chai nước tương Tam thái tử nhĩ ca 500ml	Bộ	388	84.444		8%	32.764.444
9	Hàng hóa, dịch vụ	1chai dầu đậu nành OF OOD 5L+ 1 chai nước tương Chinsu tỏi ớt 330ml	Bộ	28	197.741		8%	5.536.741
10	Hàng hóa, dịch vụ	02 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L và 1 chai nước tương Tam thái tử nhĩ ca 500ml	Bộ	126	84.444		8%	10.640.000
11	Hàng hóa, dịch vụ	2 chai dầu đậu nành OF OOD 1L + 1 chai nước tương Hương việt thanh vị 500ml	Bộ	1.052	84.444		8%	88.835.556
12	Hàng hóa, dịch vụ	1 chai dầu đậu nành OF OOD 2L + 1 chai nước tương Hương việt thanh vị 500ml	Bộ	458	84.444		8%	38.675.556
13	Hàng hóa, dịch vụ	1chai dầu đậu nành OF OOD 5L+ 1 chai nước tương đậu nành cholimex 300ml	Bộ	17	197.741		8%	3.361.593
14	Hàng hóa, dịch vụ	Hàng Km- Nước tương Hương việt thanh vị 500 ml	Chai	7			8%	0
15	Hàng hóa, dịch vụ	Kem sữa đặc có đường Maika 1kg	Lon	1.433	36.000		8%	51.588.000
16	Hàng hóa, dịch vụ	Kem sữa đặc có đường Maika 390gr	Lon	2.474	17.625		8%	43.604.250
17	Hàng hóa, dịch vụ	Dầu ARMY cooking oil 9,5L	Chai	10	317.370		8%	3.173.704
18	Hàng hóa, dịch vụ	Tương ớt cay OCOOK 500ml	Chai	19	11.815		8%	224.481
19	Hàng hóa, dịch vụ	Tương cà OCOOK 500 ml	Chai	37	12.874		8%	476.301

20	Hàng hóa, dịch vụ		Nước tương OCOOK 50 0ml	Chai	73	12.467		8%	910.067
21	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu đậu nành OFOOD 1,7L	Chai	254	77.778		8%	19.755.556
22	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu hướng dương tinh l uyện khử mùi loại 1	Chai	1.508	42.222		8%	63.671.111
23	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu đậu nành OFOOD 0,9L	Chai	494	41.481		8%	20.491.852
24	Hàng hóa, dịch vụ		1 chai dầu đậu nành OF OOD 1,7L + 1 gói đườn g Cô ba 500gr	Bộ	1.402	82.639		8%	115.859.722
25	Hàng hóa, dịch vụ		Dầu hướng dương oliu Z dorovoe menu 5L	Chai	33	211.111		8%	6.966.667
26	Hàng hóa, dịch vụ		Thập nhị vương trà	Hộp	110	144.444		8%	15.888.889

STT	Tên loại phí	Tiền phí	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	936.152.343
1			Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	74.892.187
8%	936.152.304	74.892.187	Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
			Tổng giảm trừ khác	
			Tổng tiền thanh toán bằng số	1.011.044.530
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Một tỷ không trăm mười một triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm ba mươi đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI SANA MIỀN TRUNG

Ký ngày: 2025-01-21 12:34:39

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.7: Hóa đơn GTGT số 28 ngày 21/01/2025

- Đến ngày 4 tháng 2 bên Tổng công ty Bưu điện Việt Nam sẽ gửi bảng cập nhật số lượng đã bán của tháng 1 chính xác về mail công ty, công ty sẽ lập hoá đơn điều chỉnh tăng số lượng hàng hóa cho khớp số lượng bên Bưu điện đã bán trong tháng 1

TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM						
Số 05 đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội						
Đơn vị: SANA MIỀN TRUNG (ĐÀ NẴNG)						
TÊN HH	SL đầu kỳ	Nhập	Đã bán	Đã bán thực tế	Chênh lệch	Cuối kỳ
Dầu hướng dương oliu Z dorovoe menu 1L	2,491	10,000	1,037	2,657	1,620	9,834
Dầu đậu nành OFOOD 1 L	1,980	20,000	2,120	5,183	3,063	16,797
Dầu đậu nành OFOOD 2 L	764	10,000	1,841	2,503	662	8,261
Dầu đậu nành OFOOD 5 L	56	5,000	269	560	291	4,496
02 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1 L và 1 chai	278	21,122	173	216	43	21,184
1 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L và 1 chai n	100	10,000	180	186	6	9,914
2 chai dầu đậu nành OF OOD 1L + 1 chai nước t ươ ng Tam	1,109	522	587	930	343	701
1 chai dầu đậu nành OF OOD 2L + 1 chai nước t ươ ng Tam	5,498	5,110	388	652	264	9,956
1chai dầu đậu nành OFO OD 5L+ 1 chai nước tươ ng Chinsu	539	511	28	33	5	1,017
02 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1 L và 1 cha	792	666	126	182	56	1,276
2 chai dầu đậu nành OF OOD 1L + 1 chai nước t ươ ng Hươ	1,496	444	1,052	1,682	630	258
1 chai dầu đậu nành OF OOD 2L + 1 chai nước t ươ ng Hươ	584	1,000	458	807	349	777
1chai dầu đậu nành OFO OD 5L+ 1 chai nước tươ ng đậu n	63,103	63,120	17	46	29	126,177
Hàng Km- Nước tương Hương việt thanh vị 500 ml	1,214	1,221	7	10	3	2,425
Kem sữa đặc có đường Maika 1kg	1,233	2,666	1,433	1,891	458	2,008
Kem sữa đặc có đường Maika 390gr	18,637	21,111	2,474	4,747	2,273	35,001
Dầu ARMY cooking oil 9,5L	9,990	10,000	10	20	10	19,970
Tương ớt cay OCOOK 500ml	9,981	10,000	19	31	12	19,950
Tương cà OCOOK 500 ml	4,963	5,000	37	65	28	9,898
Nước tương OCOOK 50 0ml	9,927	10,000	73	400	327	19,527
Dầu đậu nành OFOOD 1,7L	9,746	10,000	254	2,563	2,309	17,183
Dầu hướng dương tinh l uyện khử mùi loại 1	3,492	5,000	1,508	2,742	1,234	5,750
Dầu đậu nành OFOOD 0,9L	9,506	10,000	494	1,220	726	18,286
1 chai dầu đậu nành OF OOD 1,7L + 1 gói đườn g Cô ba 500	8,598	10,000	1,402	1,488	86	17,110
Dầu hướng dương oliu Z dorovoe menu 5L	4,967	5,000	33	654	621	9,313
Thập nhị vương trà	9,890	10,000	110	635	525	19,255
1 chai dầu đậu nành OFOOD 1,7l + 1 chai nư ớc tương hươ	400	200		108		492

Hình 2.8: Bảng Tổng Hợp Hàng Đã Bán Tháng 1/2025



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25TSN
Số: 31

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Điều chỉnh cho ký hiệu mẫu số hóa đơn 1, ký hiệu hóa đơn C25TSN, số hóa đơn 28, ngày lập 21/01/2025

Ngày 04 tháng 02 năm 2025

MCCQT: 00730A86E8CC2943928DC32A8E3E812088

Tên người bán: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

Mã số thuế: 0401696578

Địa chỉ: 25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0914 104 452

Số tài khoản: 0041000236171 tại Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - PGD Hải Châu, Đà Nẵng

Tên người mua: TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM .

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0102595740

Địa chỉ: Số 05 Phạm Hùng ,Phường Mỹ Đình 2 , Quận Nam Từ Liêm , Thành Phố Hà Nội.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/Chuyển khoản

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : dầu hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L	Chai	+1.620	+42.222		8%	+68.400.000
2	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : dầu đậu nành OFO OD 1L	Chai	+3.063	+42.222		8%	+129.326.667
3	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : dầu đậu nành OFO OD 2L	Chai	+662	+84.444		8%	+55.902.222
4	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : dầu đậu nành OFO OD 5L	Chai	+291	+197.741		8%	+57.542.556

5	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 02 chai dầu hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L và 1 chai tương ớt Chinsu 250gr	Bộ	+43	+84.444		8%	+3.631.111
6	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 1 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L và 1 chai nước tương Tam Thái Tử nhệ ca 500ml	Bộ	+6	+42.222		8%	+253.333
7	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 2 chai dầu đậu nành OFOOD 1L + 1 chai nước tương tam thái tử nhệ ca 500ml	Bộ	+343	+84.444		8%	+28.964.444
8	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 1 chai dầu đậu nành OFOOD 2L+ 1 chai nước tương Tam thái tử nhệ ca 500 ml	Bộ	+264	+84.444		8%	+22.293.333
9	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 1 chai dầu đậu nành OFOOD 5L+ 1 chai nước tương Chinsu tỏi ớt 330 ml	Bộ	+5	+197.741		8%	+988.704
10	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 2 chai dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 1L +1 chai nước tương tam thái tử nhệ ca 500ml	Bộ	+56	+84.444		8%	+4.728.889
11	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 2 chai dầu đậu nành OFOOD 1L + 1 chai nước tương hương việt thanh vị 500ml	Bộ	+630	+84.444		8%	+53.200.000
12	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng , thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 1 chai dầu đậu nành OFOOD 2L + 1 chai nước tương hương việt thanh vị 500ml	Bộ	+349	+84.444		8%	+29.471.111

13	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 1 chai dầu đậu nành OFOOD 2L + 1 chai nước tương hương việt thanh vị 500ml : 1 chai dầu đậu nành OFOOD 5L + 1 chai nước tương đậu nành Cholimex 300ml	Bộ	+29	+197.741		8%	+5.734.481
14	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Hàng Km- nước tương Hương Việt thanh vị 500ml	Chai	+3			8%	0
15	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Kem sữa đặc có đường Maika 1kg	Lon	+485	+36.000		8%	+17.460.000
16	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : kem sữa đặc có đường Maika 390gr	Lon	+2.273	+17.625		8%	+40.061.625
17	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Tương ớt cay OCO OK 500ml	Chai	+10	+11.815		8%	+118.148
18	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Tương cà OCOOK 500ml	Chai	+12	+12.874		8%	+154.489
19	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Nước tương OCO OK 500ml	Chai	+28	+12.467		8%	+349.067
20	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Dầu đậu nành OFOD 1,7L	Chai	+327	+77.778		8%	+25.433.333
21	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Dầu hướng dương tinh luyện khử mùi loại 1	Chai	+2.309	+42.222		8%	+97.491.111
22	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : dầu đậu nành OFOD 0,9L	Chai	+1.234	+41.481		8%	+51.188.148
23	Hàng hóa, dịch vụ		Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 1 chai dầu đậu nành OFOOD 1,7L + 1 gói đường cô ba 500gr	Bộ	+726	+82.639		8%	+59.995.833

24	Hàng hóa, dịch vụ	Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 2 chai dầu đậu nành OFOOD 0,9L+ 1 chai nước tương hương việt thanh vị 500ml	Bộ	+60	+82.903		8%	+7.134.813
25	Hàng hóa, dịch vụ	Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Dầu hướng dương Oliu Zdorovoe menu 5L	Chai	+621	+211.111		8%	+131.100.000
26	Hàng hóa, dịch vụ	Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : Thập nhị vương trà	Hộp	+525	+144.444		8%	+75.833.333
27	Hàng hóa, dịch vụ	Điều chỉnh tăng số lượng, thành tiền của hàng hóa dịch vụ : 1 chai dầu đậu nành OFOOD 1,7l + 1 chai nước tương hương việt thanh vị 500ml	Bộ	+108	+84.444		8%	+9.120.000

STT	Tên loại phí	Tiền phí
1		

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế
8%	+975.876.753	+78.070.140

Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	+975.876.753
Tổng giảm trừ không chịu thuế	
Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	+78.070.140
Tổng tiền phí	
Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
Tổng giảm trừ khác	
Tổng tiền thanh toán bằng số	+1.053.946.895
Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng

NGƯỜI MUA HÀNG (Chữ ký số (nếu có))	NGƯỜI BÁN HÀNG (Chữ ký điện tử, chữ ký số) Signature Valid Ký bởi CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẠN TÀI SANA MIỀN TRUNG Ký ngày: 2025-02-04 14:23:22
---	--

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 31 ngày 04/02/2025

Sau khi xuất hóa đơn GTGT kế toán sẽ nhập liệu vào phần mềm kế toán theo các bước tương tự như hạch toán theo hình thức bán sỉ

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho ☒ Lập kèm hóa đơn

Thông tin chung

Khách hàng: BUU ĐIỆN VIỆT NAM **TỔNG CÔNG TY BUU ĐIỆN VIỆT NAM**
Mã số thuế: 0102595740 Người liên hệ
Địa chỉ: Số 05 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện giải: Bán hàng TỔNG CÔNG TY BUU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn 31 (HĐ ĐIC thêm số lượng hàng hóa cho HĐ 28 ngày 21/01/2025)
NV bán hàng
Tham chiếu: XXX0045 1C23TSH-C23TSH-31

Chứng từ

Ngày hạch toán: 04/02/2025
Ngày chứng từ: 04/02/2025
Số chứng từ: BH00016

Đã lập hóa đơn

☐ KT tính trạng hoạt động DN

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán: Thêm nhắc việc:

Mã hàng	Tên hàng	TK công nợ chi phí	TK doanh thu	Mã quy cách	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)	Tiền chi
Dầu đầu nành Ofood	Dầu đầu nành Ofood 900ml	131	5111		Chai	1.234,00	41.481,4814	51.188.148	0,00	
Combo 11: 1 OFOOD	1 Chai dầu đầu nành OFOOD 1,7L + 1	131	5111		Bộ	726,00	82.638,8884	59.995.833	0,00	
Combo 12: 2 OFOOD	2 chai dầu đầu nành OFOOD 0,9L + 1 c	131	5111		Bộ	86,00	82.962,9651	7.134.815	0,00	
HH_Dầu hướng dươn	Dầu hướng dươn oliu Zadorovoe menu	131	5111		Chai	621,00	211.111,1111	131.100.000	0,00	
HH_Thập Nhì Vương	Thập Nhì Vương Trà	131	5111		Hộp	525,00	144.444,4438	75.833.333	0,00	
Combo 16: 10FOOD	1 chai dầu đầu nành OFOOD 1,7L + 1 c	131	5111		Bộ	108,00	84.444,4444	9.120.000	0,00	
Bấm vào đây để thêm mới										
Số dòng = 27						16.108,00		975.876.755		

Tổng tiền hàng 975.876.755 **Tiền thuế GTGT** 78.070.140
Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 1.053.946.895

Hình 2.10: Trích màn hình nhập hoá đơn GTGT số 31

→Đề vào xem sổ chi tiết tài khoản, Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái→Chọn Báo Cáo→Chọn Tổng hợp → Chọn sổ tương ứng.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 5111; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
18/01/2025	18/01/2025	PT0006	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovo	5111	1111	0	555,555	0	158,786,683
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdo	5111	1111	0	5,555,550	0	164,342,233
20/01/2025	20/01/2025	PT0008	Dầu Army Cooking Oil 4.5L	5111	1111	0	574,074	0	184,638,510
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdo	5111	131	0	68,400,000	0	1,358,063,656
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Dầu đậu nành Ofood 1 Lit	5111	131	0	129,326,667	0	1,487,390,323
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Dầu đậu nành Ofood 2 lít	5111	131	0	55,902,222	0	1,543,292,545
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Dầu đậu nành Ofood 5 Lit	5111	131	0	57,542,556	0	1,600,835,101
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	02 chai dầu ăn hướng dương	5111	131	0	3,631,111	0	1,604,466,212
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	01 chai dầu ăn hướng dương	5111	131	0	253,333	0	1,604,719,545
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	28,964,444	0	1,633,683,989
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	22,293,333	0	1,655,977,322
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	988,704	0	1,656,966,026
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	2 chai dầu hướng dương Oliu	5111	131	0	4,728,889	0	1,661,694,915
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	53,200,000	0	1,714,894,915
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	29,471,111	0	1,744,366,026
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	5,734,481	0	1,750,100,507
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Kem đặc có đường Maika 1Kg	5111	131	0	17,460,000	0	1,767,560,507
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Kem đặc có đường Maika 390	5111	131	0	40,061,625	0	1,807,622,132
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Tương ớt cay OCOOK 500ml	5111	131	0	118,148	0	1,807,740,280
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Tương cà OCOOK 500ml	5111	131	0	154,489	0	1,807,894,769
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Nước tương OCOOK 500ml	5111	131	0	349,067	0	1,808,243,836
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Dầu đậu nành Ofood 1.7L	5111	131	0	25,433,335	0	1,833,677,171
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Dầu hướng dương tinh luyện k	5111	131	0	97,491,111	0	1,931,168,282
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Dầu đậu nành Ofood 900ml	5111	131	0	51,188,148	0	1,982,356,430
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	1 Chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	59,995,833	0	2,042,352,263
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	7,134,815	0	2,049,487,078
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Dầu hướng dương oliu Zdorov	5111	131	0	131,100,000	0	2,180,587,078
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Thập Nhị Vương Trà	5111	131	0	75,833,333	0	2,256,420,411
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	0	9,120,000	0	2,265,540,411
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển doanh thu bán hàng và	5111	911	10,552,053,852	0	0	0
			Cộng	5111		10,584,302,252	10,584,302,252		
			Số dư cuối kỳ	5111				0	0
Số dòng = 706						10,584,302,252	10,584,302,252		

Hình 2.11: Trích sổ chi tiết TK 5111

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	6422	3339	3.000.000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	3339	6422	0	3.000.000
.....							
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI	1111	5111	5.555.550	0
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI	5111	1111	0	5.555.550
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI	1111	33311	444.450	0
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI	33311	1111	0	444.450
21/01/2025	21/01/2025	BH00013	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM	131	5111	936.152.343	0
21/01/2025	21/01/2025	BH00013	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM	5111	131	0	936.152.343
21/01/2025	21/01/2025	BH00013	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM	131	33311	74.892.187	0
21/01/2025	21/01/2025	BH00013	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM	33311	131	0	74.892.187
.....							
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT	131	5111	975.876.755	0
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT	5111	131	0	975.876.755
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT	131	33311	78.070.140	0
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT	33311	131	0	78.070.140
.....							
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212	0	459.143.887
Số dòng = 3606						136.479.258.453	136.479.258.453

Hình 2.12: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG
25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố
Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
04/01/2025	BH00001	04/01/2025	Bán hàng CÔNG TY TNHH NGƯỜI SẴN ẮN theo hóa đơn 3			131		1.600.000
.....								
18/01/2025	PT0007	18/01/2025	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH L.V.C- TRƯỜNG MẦM NON ABC theo hóa đơn 25			1111		5.555.550
.....								
04/02/2025	BH00016	04/02/2025	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn 31 (HD Đ/C thêm số lượng hàng hóa cho HD 28 ngày 21/01/2025)			131		975.876.755
.....								
31/12/2025	BTL00002	31/12/2025	TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM trả lại hàng mua theo hóa đơn số 6877			131	32.248.400	
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	10.552.053.852	
			- Cộng số phát sinh				10.584.302.252	10.584.302.252
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				10.584.302.252	10.584.302.252

- Sổ này có 07 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.13: Sổ cái TK 511

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung

2.2.1.2.1. Nội dung kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ tại doanh nghiệp bao gồm: hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại.

Tại doanh nghiệp thì các khoản giảm trừ doanh thu chỉ phát sinh tại khoản hàng bán bị trả lại. Những lí do phổ biến chiếm tỉ lệ nhiều nhất khi hàng bán bị trả lại là do khi bán bưu điện lập bảng kê số lượng hàng bị sai, nhiều hơn số lượng đã bán thực tế làm cho hàng bán dư nhiều, không có chỗ để lưu trữ. Từ đó bưu điện sẽ lập bảng kê danh sách trả hàng lại cho doanh nghiệp.

2.2.1.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 5111: doanh thu bán hàng hóa dịch vụ

Tài khoản 5111 phát sinh bên có

2.2.1.2.3. Chứng từ sử dụng

Hóa đơn GTGT, biên bản ghi nhận lý do hàng bán bị trả lại, biên bản giao nhận, hợp đồng kinh tế,....

2.2.1.2.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ Chi tiết TK 5111
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 5111

2.2.1.2.5. Nghiệp vụ minh họa

Tại ngày 31/12 Bưu điện lập danh sách các mặt hàng bị trả lại, kế toán sẽ dựa vào danh sách đó lập Hóa đơn GTGT điều chỉnh, hóa đơn này chỉ thể hiện tổng số giá trị hàng bị trả lại, không chi tiết từng mặt hàng.



Mẫu số 1

Ký hiệu: K25TAA

Số: 6877

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

MCCQT:

Tên người bán: TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM

Mã số thuế: 0102595740

Mã cửa hàng:

Tên cửa hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401696578

Mã ĐVCQHVSNN:

CCCD người mua:

Số hộ chiếu:

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1								8%	32.248.400

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	32.248.400
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	2.579.872
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	
			Tổng tiền thanh toán bằng số	34.828.272
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.14: Hóa đơn GTGT số 6877 ngày 31/12/2025

Sau khi doanh nghiệp nhận được danh sách các mặt hàng bị trả lại, sẽ cho kế toán nhập vào phần mềm theo chi tiết từng mặt hàng này.

Danh sách mặt hàng chi tiết của HĐ sinh viên không tiếp cận được

Quy trình hạch toán: Vào phần mềm → chọn phân hệ bán hàng → chọn trả lại hàng bán → nhập ngày chứng từ, diễn giải → định khoản → nhấn cất để lưu vào phần mềm.

The screenshot displays the 'Trả lại hàng bán' (Return of goods sold) form in an accounting software. The form is titled 'Chứng từ hàng bán bị trả lại' (Return of goods sold receipt). It includes fields for 'Khách hàng' (Customer) and 'Diễn giải' (Description). The 'Diễn giải' field contains the text 'TỔNG CÔNG TY BUU DIỄN VIỆT NAM trả lại hàng mua theo hóa đơn số 5877'. The form also has a table for listing items being returned, with columns for 'Mã hàng' (Item code), 'Tên hàng' (Item name), 'TK trả lại' (Return account), 'TK công nợ' (Debit account), 'Mô quy cách' (Specification), 'ĐVT' (Unit), 'Số lượng' (Quantity), 'Đơn giá' (Unit price), 'Thành tiền' (Amount), 'Tỷ lệ CK (%)' (Discount rate), and 'Tiền chiết khấu' (Discount). The table lists several items, including 'Combo 8: 2 OFOOD', 'HH_Dầu đậu nành OF', and 'Dầu đậu nành OFood'. The total amount for the return is 32,248,400 VND. The form also includes a 'Chứng từ' (Receipt) section with fields for 'Ngày hạch toán' (Accounting date), 'Ngày chứng từ' (Receipt date), and 'Số chứng từ' (Receipt number).

Hình 2.15: Trích xuất màn hình nhập liệu trên phần mềm

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 5111; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
18/01/2025	18/01/2025	PT0005	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovo	5111	1111	0	444.444	0	158.231,128
18/01/2025	18/01/2025	PT0006	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovo	5111	1111	0	555.555	0	158.786,683
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdo	5111	1111	0	5.555,550	0	164.342,233
20/01/2025	20/01/2025	BH00012	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovo	5111	131	0	19.722,203	0	184.064,436
20/01/2025	20/01/2025	PT0008	Dầu Army Cooking Oil 4.5L	5111	1111	0	574,074	0	184.638,510
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	19.608,000	0	0	10.564.694,252
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 1 Lit	5111	131	1.872,000	0	0	10.562.822,252
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 1 Lit	5111	131	84,000	0	0	10.562.738,252
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 900ml	5111	131	224,000	0	0	10.562.514,252
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 1 Lit	5111	131	288,000	0	0	10.562.226,252
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 900ml	5111	131	896,000	0	0	10.561.330,252
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 900ml	5111	131	358,400	0	0	10.560.971,852
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	364,800	0	0	10.560.607,052
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	456,000	0	0	10.560.151,052
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	985,600	0	0	10.559.165,452
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	94,000	0	0	10.559.071,452
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	364,800	0	0	10.558.706,652
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	547,200	0	0	10.558.159,452
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 1 Lit	5111	131	576,000	0	0	10.557.583,452
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 2 lít	5111	131	96,000	0	0	10.557.487,452
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 900ml	5111	131	44,800	0	0	10.557.442,652
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 900ml	5111	131	358,400	0	0	10.557.084,252
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 1.7L	5111	131	252,000	0	0	10.556.832,252
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	91,200	0	0	10.556.741,052
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	1 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	91,200	0	0	10.556.649,852
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 2 lít	5111	131	576,000	0	0	10.556.073,852
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 900ml	5111	131	1.075,200	0	0	10.554.998,652
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 1.7L	5111	131	1.008,000	0	0	10.553.990,652
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 900ml	5111	131	1.164,800	0	0	10.552.825,852
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	Dầu đậu nành Ofood 5 Lit	5111	131	224,800	0	0	10.552.601,052
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	2 chai dầu đậu nành OFOOD	5111	131	547,200	0	0	10.552.053,852
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển doanh thu bán hàng và	5111	911	10.552.053,852	0	0	0
			Cống	5111		10.584.302,252	10.584.302,252		
			Số dư cuối kỳ	5111				0	0
Số dòng = 706						10.584.302,252	10.584.302,252		

Hình 2.16: Trích sổ chi tiết TK 5111

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	6422	3339	3,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	3339	6422	0	3,000,000
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY	1111	5111	5,555,550	0
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY	5111	1111	0	5,555,550
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY	1111	33311	444,450	0
18/01/2025	18/01/2025	PT0007	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY	33311	1111	0	444,450
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn	131	5111	975,876,755	0
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn	5111	131	0	975,876,755
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn	131	33311	78,070,140	0
04/02/2025	04/02/2025	BH00016	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn	33311	131	0	78,070,140
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM trả lại hàng mua	5111	131	32,248,400	0
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM trả lại hàng mua	131	5111	0	32,248,400
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM trả lại hàng mua	33311	131	2,579,872	0
31/12/2025	31/12/2025	BTL00002	TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM trả lại hàng mua	131	33311	0	2,579,872
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212	0	459,143,887
Số dòng = 3606						136,479,258,453	136,479,258,453

Hình 2.17: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG
25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố
Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
04/01/2025	BH00001	04/01/2025	Bán hàng CÔNG TY TNHH NGƯỜI SÀNH ĂN theo hóa đơn 3			131		1.600.000
.....								
18/01/2025	PT0007	18/01/2025	Thu tiền bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH L.V.C- TRƯỜNG MÂM NON ABC theo hóa đơn 25			1111		5.555.550
.....								
04/02/2025	BH00016	04/02/2025	Bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn 31 (HĐ Đ/C thêm số lượng hàng hóa cho HĐ 28 ngày 21/01/2025)			131		975.876.755
.....								
31/12/2025	BTL00002	31/12/2025	TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM trả lại hàng mua theo hóa đơn số 6877			131	32.248.400	
31/12/2025	NH00076	31/12/2025	Kết chuyển lại lo đến ngày 31/12/2025			911	10.552.053.852	
			- Cộng số phát sinh				10.584.302.252	10.584.302.252
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				10.584.302.252	10.584.302.252

- Sổ này có 07 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.18: Trích sổ cái TK 511

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH Thương Mại
Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.

2.2.1.3.1. Nội dung kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ các khoản lãi tiền gửi không kỳ hạn từ ngân hàng .

2.2.1.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515: doanh thu hoạt động tài chính

2.2.1.3.3. Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng
- Giấy báo có,...

2.2.1.3.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái tài khoản 515
- Sổ chi tiết tài khoản 515
- Sổ nhật ký chung

2.2.1.3.5. Nghiệp vụ minh họa

Cuối mỗi tháng, công ty nhận được Sổ phụ kiêm phiếu báo Nợ/Có của ngân hàng về khoản tiền lãi gửi của ngân hàng. Kế toán căn cứ vào đó để tổng hợp, kiểm tra rồi từ giấy báo Có, Sổ phụ kiêm phiếu báo Nợ/Có, Kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, sau đó phần mềm tự động lên Sổ chi tiết TK 515

Trình bày ở **Phụ lục 2: Trích xuất màn hình nhập liệu giấy báo Có vào phần mềm**

Sau khi kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 515 và sổ cái TK 515.

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 515; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
25/01/2025	25/01/2025	NTTK00020	Lãi tài khoản	515	1121	0	46,285	0	46,285
31/01/2025	31/01/2025	NTTK00021	Lãi tài khoản	515	1121	0	3,978	0	50,263
.....									
31/07/2025	31/07/2025	NTTK00089	Lãi tài khoản	515	1121	0	3,207	0	389,578
25/08/2025	25/08/2025	NTTK00096	Lãi tài khoản	515	1121	0	36,160	0	425,738
31/08/2025	31/08/2025	NTTK00099	Lãi tài khoản	515	1121	0	5,007	0	430,745
25/09/2025	25/09/2025	NTTK00110	Lãi tài khoản	515	1121	0	17,859	0	448,604
30/09/2025	30/09/2025	NTTK00111	Lãi tài khoản	515	1121	0	5,966	0	454,570
25/10/2025	25/10/2025	NTTK00117	Lãi tài khoản	515	1121	0	12,645	0	467,215
31/10/2025	31/10/2025	NTTK00120	Lãi tài khoản	515	1121	0	1,891	0	469,106
25/11/2025	25/11/2025	NTTK00135	Lãi tài khoản	515	1121	0	33,519	0	502,625
30/11/2025	30/11/2025	NTTK00137	Lãi tài khoản	515	1121	0	15,350	0	517,975
31/12/2025	31/12/2025	NTTK00158	Lãi tài khoản	515	1121	0	1,998	0	519,973
31/12/2025	31/12/2025	NTTK00161	Lãi tài khoản	515	1121	0	52,649	0	572,622
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài	515	911	572,622	0	0	0
			Cộng	515		572,622	572,622		
			Số dư cuối kỳ	515				0	0
Số dòng = 27						572,622	572,622		

Hình 2.20: Sổ chi tiết TK 515

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
04/01/2025	04/01/2025	BH00001	Bán hàng CÔNG TY TNHH NGƯỜI SÀNH ĂN theo	131	5111	1,600,000	0
.....							
25/10/2025	25/10/2025	NTTK00117	Lãi tài khoản	1121	515	12,645	0
25/10/2025	25/10/2025	NTTK00117	Lãi tài khoản	515	1121	0	12,645
27/10/2025	27/10/2025	NTTK00118	TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM thanh toán	1121	131	307,330,754	0
27/10/2025	27/10/2025	NTTK00118	TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM thanh toán	131	1121	0	307,330,754
28/10/2025	28/10/2025	NTTK00119	Nộp tiền mặt vào tài khoản	1121	1111	50,000,000	0
28/10/2025	28/10/2025	NTTK00119	Nộp tiền mặt vào tài khoản	1111	1121	0	50,000,000
31/10/2025	31/10/2025	NTTK00120	Lãi tài khoản	1121	515	1,891	0
29/12/2025	29/12/2025	XK00184	Xuất kho bán hàng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt N	156	632	0	2,224,530
Số dòng = 3606						136,479,258,453	136,479,258,453

Hình 2.21: Sổ nhật ký chung

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2025

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đồng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
25/01/2025	NTTK00020	25/01/2025	Lãi tài khoản			1121		46.285
31/01/2025	NTTK00021	31/01/2025	Lãi tài khoản			1121		3.978
.....				...				
31/07/2025	NTTK00089	31/07/2025	Lãi tài khoản			1121		3.207
25/08/2025	NTTK00096	25/08/2025	Lãi tài khoản			1121		36.160
31/08/2025	NTTK00099	31/08/2025	Lãi tài khoản			1121		5.007
25/09/2025	NTTK00110	25/09/2025	Lãi tài khoản			1121		17.859
30/09/2025	NTTK00111	30/09/2025	Lãi tài khoản			1121		5.966
25/10/2025	NTTK00117	25/10/2025	Lãi tài khoản			1121		12.645
.....				...				
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911	572.622	
			- Cộng số phát sinh				572.622	572.622
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				572.622	572.622

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.22: Sổ cái TK 515

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.

Trong năm 2025, doanh nghiệp không phát sinh thu nhập khác.

2.2.2. Kế toán chi phí

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.

2.2.2.1.1. Nội dung Kế toán giá vốn hàng bán

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận Tải Sana Miền Trung tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ. Theo đó vào mỗi cuối tháng kế toán sẽ thực hiện tính giá xuất kho 1 lần trên phần mềm.

- Giá vốn hàng bán

Công ty sử dụng phương pháp bình quân cuối kỳ (kỳ quý). Theo phương pháp này cuối kỳ mới tính giá vốn của hàng tồn kho trong kỳ. Kế toán căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ, số lượng hàng nhập trong kỳ để tính giá xuất kho bình quân trong kỳ.

Tại công ty, giá vốn hàng bán được xác định theo hai trường hợp. Đối với hàng hóa mua về bán trực tiếp, doanh nghiệp hạch toán vào TK 156 – Hàng hóa và khi xuất bán sẽ ghi nhận giá vốn vào TK 632 – Giá vốn hàng bán. Đối với hàng hóa được tách ra và đóng gói thành combo, doanh nghiệp thực hiện tập hợp chi phí vào TK 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. Sau khi hoàn thành, sản phẩm được nhập kho thành phẩm (TK 155) và khi xuất bán sẽ ghi nhận vào TK 632 – Giá vốn hàng bán.

2.2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

2.2.2.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Phiếu xuất kho,...

2.2.2.1.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632

2.2.2.1.5. Nghiệp vụ minh họa

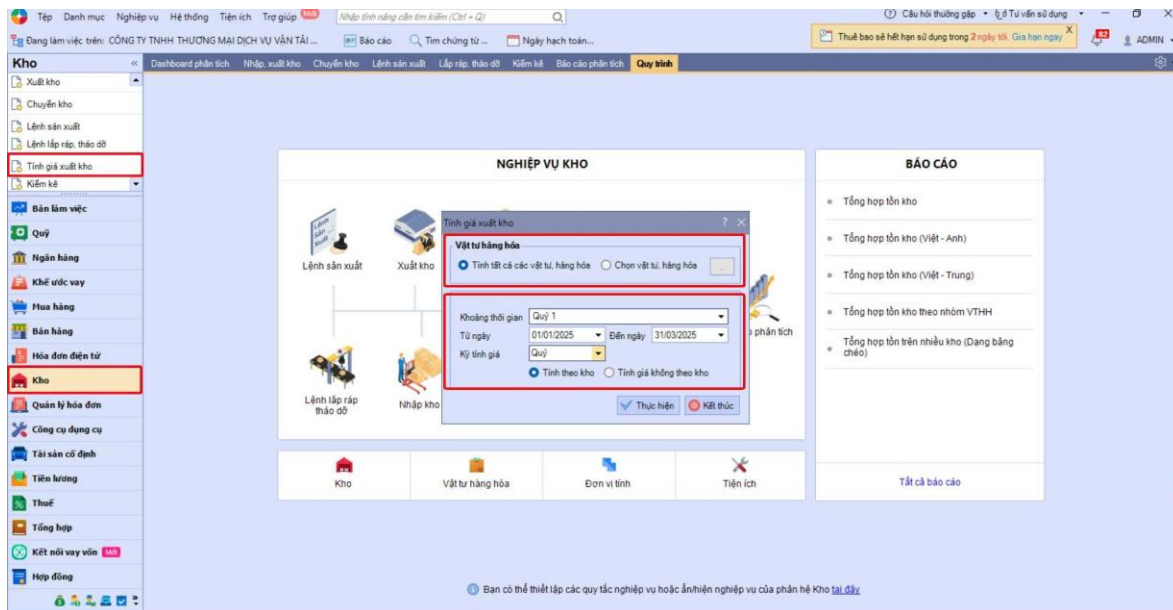
- Giá vốn bán hàng theo hình thức bán sỉ và bán ký gửi

Sau khi giao hàng và kế toán xuất hóa đơn GTGT số 25, hóa đơn GTGT số 28 và số 31, phương pháp tính giá xuất kho của công ty là phương pháp bình quân cuối kỳ cho nên tại thời điểm lập chứng từ bán hàng kho thì giá trên các phiếu xuất kho sẽ chưa có số liệu.

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng i nhập trong kỳ}}$
--	---	---

Kế toán thực hiện tính giá xuất kho trên phần mềm như sau:

Cuối tháng kế toán sẽ vào phân hệ “ Kho” trên phần mềm misa → Chọn “Tính giá xuất kho” → tích chọn “tính tất cả các vật tư, hàng hóa” → Chọn “khoảng thời gian” → Chọn “kỳ tính giá” chọn quý → Chọn “tính theo kho” → “Thực hiện”.



Hình 2.23: Trích màn hình tính giá xuất kho

Sau khi tính giá xuất kho, phần mềm sẽ tự động cập nhật “Đơn giá vốn” trên chứng từ bán hàng.

Trình bày ở **Phụ lục 3: Trích xuất màn hình tính giá xuất kho theo HĐ số 25 vào phần mềm**

Trình bày ở **Phụ lục 4: Trích xuất màn hình tính giá xuất kho theo HĐ số 31 vào phần mềm**

Để xem phiếu xuất kho: chọn “In” -> Phiếu xuất kho

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG
25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố
Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 18 tháng 01 năm 2025

Nợ: 632

Số: XK00027

Có: 156

- Họ tên người nhận hàng: CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH I.V.C- TRƯỜNG MÀM NON ABC

- Địa chỉ (bộ phận): 908 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành Phố Đà Nẵng

- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH I.V.C- TRƯỜNG MÀM NON ABC theo hóa đơn 25

- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L	ZDOROVO E MENU 1 lít/chai	Chai	100,00		35.514,3946	3.551.439
Cộng							3.551.439

- Tổng số tiền (Viết bằng *Ba triệu năm trăm năm mươi một nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng chẵn.*

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 18 tháng 01 năm 2025

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có
nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.24: Trích phiếu xuất kho theo HĐ số 25

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG
25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố
Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 02 năm 2025

Nợ: 632

Số: XK00046

Có: 155, 156

- Họ tên người nhận hàng: TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM
- Địa chỉ (bộ phận): Số 05 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Lý do xuất kho: Xuất kho bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn 31 (HĐ Đ/C thêm số lượng hàng hóa cho HĐ 28 ngày 21/01/2025)
- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa, Thành phẩm

Địa điểm: _____

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L	ZDOROVO E MENU 1 lít/chai	Chai	1.620,00		35.514,3946	57.533.319
2	Dầu đậu nành Ofood 1 Lít	HH_ Dầu đậu nành Ofood 1 Lít	Chai	3.063,00		31.876,4642	97.637.610
3	Dầu đậu nành Ofood 2 lít	HH_ Dầu đậu nành Ofood 2 Lít	Chai	662,00		64.819,0695	42.910.224
4	Dầu đậu nành Ofood 5 Lít	HH_ Dầu đậu nành Ofood 5 Lít	Chai	291,00		151.308,4828	44.030.768
...							
14	Nước tương Hương Việt Thanh Vị 500ml	Nước tương Hương Việt Thanh Vị 500ml	Chai	3,00		5.702,3602	17.107
15	Kem đặc có đường Maika 1Kg	HH_ Kem đặc 1 kg	Lon	485,00		32.560,4804	15.791.833
16	Kem đặc có đường Maika 390g	HH_ Kem đặc 390g	Lon	2.273,00		13.575,7391	30.857.655
17	Tương ớt cay OCOOK 500ml	Tương ớt O'Cook 500ml	Chai	10,00		3.666,6667	36.960
.....							
27	1 chai dầu đậu nành OFOOD 1,7L + 1 chai nước tương Hương Việt thanh vị 500ml	Combo 16: 1OFOOD1, 7L + 1 nước tương thanh vị 500ml	Bộ	108,00		65.691,4545	7.094.677
	Cộng						751.021.346

- Tổng số tiền (Viết bằng *Bảy trăm năm mươi một triệu không trăm hai mươi một nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng chẵn.*)
- Số chứng từ gốc kèm theo: _____

Ngày 04 tháng 02 năm 2025

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) (Ký, họ tên, đóng dấu)
(Ký, họ tên)

Hình 2.25: Trích phiếu xuất kho theo HĐ số 31

TỔNG HỢP TỒN KHO											
Kho: Hàng hóa; Quý 1 năm 2025											
Tên kho	Mã hàng	Tên hàng	EVT	Đầu kỳ		Nhập kho		Xuất kho		Cuối kỳ	
				Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tên kho : Hàng hóa (46)											
Hàng hóa		Dầu ăn Army Co Dầu ăn Army Cooking oil 9.5L	Chai	193.522,26	8.541.228,603	77.771,00	3.936.766,438	83.791,67	3.388.503,461	187.501,59	9.089,491,580
Hàng hóa		Dầu Army Cooki Dầu Army Cooking Oil 4.5L	Chai	366,00	80.208,351	0,00	0	18,00	3.944,673	348,00	76,263,678
				1.758,00	201.652,592	0,00	0	155,00	17.779,381	1.603,00	183,873,211
Hàng hóa		Nước tương Thai Nước tương Thanh Vĩ pet 500ml	Chai	180,00	960,001	0,00	0	0,00	0	180,00	960,001
Hàng hóa		ZDOROVIE M Dầu hướng dương ô liu tinh luy Chai		22.491,00	657.203,797	26.640,00	1.087.653,924	11.099,00	394,174,264	38.032,00	1.350,683,457
Hàng hóa		Tương cà OCOQ Tương cà OCOOK 500ml	Chai	425,00	2.266,667	0,00	0	106,00	565,333	319,00	1,701,334
Hàng hóa		Tương ớt CHIN-S Tương ớt CHIN-SU chai eo MN 3bị	Chai	0,00	0	519,00	3.633,000	344,00	2.408,000	175,00	1.225,000
Hàng hóa		Tương ớt O'Coo Tương ớt O'Cook 2L	Thùng	39,00	3.042,000	0,00	0	1,00	78,000	38,00	2.964,000
Hàng hóa		Tương ớt O'Coo Tương ớt O'Cook 500ml	Thùng	14,42	1.268,960	0,00	0	5,59	491,920	8,83	777,040
Hàng hóa		Xi Dầu Nhì Ca Sĩ Xi Dầu Nhì Ca 500 ml*25	Chai	180,00	992,000	0,00	0	0,00	0	180,00	992,000
Số đóng = 46				193.522,26	8.541.228,603	77.771,00	3.936.766,438	83.791,67	3.388.503,461	187.501,59	9.089,491,580

Hình 2.26: Sổ Tổng hợp nhập xuất tồn

SỐ CHI TIẾT VẬT TƯ HÀNG HÓA													
Kho: Hàng hóa; Mặt hàng: Dầu hướng dương ô liu tinh luyện ZDOROVIE MENU 1 lít/chai; Quý 1 năm 2025													
Tên kho	Tên hàng	Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
								Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Mã kho : HH (1)													
Mã hàng : ZDOROVIE MENU 1 lít/chai (30)													
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện ZDOROVIE MENU 1 lít/chai							26.640,00	1.087.653.924	11.099,00	394.174.264	38.032,00	1.350.683.457
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	02/01/2025	02/01/2025	XK00005	Số dư đầu kỳ	Chai	29.220.7459	0,00	0	0,00	0	22.491,00	657.203.797
					Xuất kho để lắp ráp Combo 6 hánh Chai		35.514.3946	0,00	0	252,00	8.949.627	22.239,00	648.254.170
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	04/01/2025	04/01/2025	XK00010	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH Chai		35.514.3946	0,00	0	36,00	1.278.518	22.023,00	640.583.061
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	08/01/2025	08/01/2025	XK00012	Xuất kho bán hàng TRƯỜNG MẦM Chai		35.514.3946	0,00	0	72,00	2.557.036	21.951,00	638.026.025
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	08/01/2025	08/01/2025	XK00013	Xuất kho bán hàng TRƯỜNG MẦM Chai		35.514.3946	0,00	0	10,00	355.144	21.941,00	637.670.881
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	09/01/2025	09/01/2025		Mua hàng của ASSOCIATION SỞ Chai		40.827.8500	26.640,00	1.087.653.924	0,00	0	48.581,00	1.725.324.805
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	09/01/2025	09/01/2025	XK00018	Xuất kho bán hàng TRƯỜNG TRU Chai		35.514.3946	0,00	0	110,00	3.906.593	48.282,00	1.714.706.001
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	09/01/2025	09/01/2025	XK00015	Xuất kho bán hàng TRƯỜNG TIẾT Chai		35.514.3946	0,00	0	25,00	887.860	48.257,00	1.713.818.141
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	04/03/2025	04/03/2025	XK00060	Xuất kho bán hàng TỔNG CÔNG T Chai		35.514.3946	0,00	0	115,00	4.094.155	39.123,00	1.389.429.661
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	26/03/2025	26/03/2025	XK00061	Xuất kho bán hàng TỔNG CÔNG T Chai		35.514.3946	0,00	0	857,00	30.435.836	38.266,00	1.358.993.825
Hàng hóa	Dầu hướng dương ô liu tinh luyện Z	26/03/2025	26/03/2025	XK00062	Xuất kho bán hàng TỔNG CÔNG T Chai		35.514.3946	0,00	0	234,00	8.310.368	38.032,00	1.350.683.457
Số đóng = 30								26.640,00	1.087.653.924	11.099,00	394.174.264	38.032,00	1.350.683.457

Hình 2.27: Sổ chi tiết nhập xuất tồn

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 632; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
04/01/2025	04/01/2025	XK00010	Dầu hướng dương Oliu Zdorovoe	632	156	1,278.518	0	1,278.518	0
08/01/2025	08/01/2025	XK00011	Dầu Army Cooking Oil 9.5L	632	156	15,750.000	0	17,028.518	0
18/01/2025	18/01/2025	XK00027	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe	632	156	3,551.439	0	111,317.781	0
22/01/2025	22/01/2025	XK00032	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe	632	156	96,812.240	0	971,535.047	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe	632	156	57,533.319	0	1,064,833.762	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 1 Lit	632	156	97,637.610	0	1,162,471.372	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 2 lit	632	156	42,910.224	0	1,205,381.596	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 5 Lit	632	156	44,030.768	0	1,249,412.364	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	02 chai dầu ăn hướng dương M	632	155	3,355.238	0	1,252,767.602	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	01 chai dầu ăn hướng dương M	632	155	252.447	0	1,253,020.049	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 1	632	155	24,117.395	0	1,277,137.444	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 2	632	155	18,844.121	0	1,295,981.565	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 5	632	155	823.345	0	1,296,804.910	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu hướng dương Oliu Z	632	155	4,344.982	0	1,301,149.892	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 1	632	155	43,756.832	0	1,344,906.724	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 2	632	155	24,611.979	0	1,369,518.703	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 5	632	155	4,690.590	0	1,374,209.293	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Nước tương Hương Việt Thanh	632	156	17.107	0	1,374,226.400	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Kem đặc cô đường Maika 1Kg	632	156	15,791.833	0	1,390,018.233	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Kem đặc cô đường Maika 390g	632	156	30,857.655	0	1,420,875.888	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Tương ớt cay OCOOK 500ml	632	156	36.960	0	1,420,912.848	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Tương cà OCOOK 500ml	632	156	64.000	0	1,420,976.848	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Nước tương OCOOK 500ml	632	156	137.667	0	1,421,114.515	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 1.7L	632	156	19,620.000	0	1,440,734.515	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu hướng dương tinh luyện k	632	156	64,474.445	0	1,505,208.960	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 900ml	632	156	41,337.660	0	1,546,546.620	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 Chai dầu đậu nành OFOOD 1	632	155	52,395.457	0	1,598,942.077	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 0	632	155	6,250.876	0	1,605,192.953	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu hướng dương oliu Zdorov	632	156	98,638.734	0	1,703,831.687	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Thập Nhị Vương Trà	632	156	47,395.425	0	1,751,227.112	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 1	632	155	7,094.677	0	1,758,321.789	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911	0	8,431,891.849	0	0
			Cộng	632		8,455,959.523	8,455,959.523		
			Số dư cuối kỳ	632				0	0
Số dòng = 822						8,455,959.523	8,455,959.523		

Hình 2.28: Trích sổ chi tiết TK 632

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	6422	3339	3,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	3339	6422	0	3,000,000
18/01/2025	18/01/2025	XK00027	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L	632	156	3,551,439	0
18/01/2025	18/01/2025	XK00027	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L	156	632	0	3,551,439
21/01/2025	21/01/2025	BH00013	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L	131	5111	43,784,444	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L	632	156	57,533,319	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu ăn hướng dương Oliu Zdorovoe menu 1L	156	632	0	57,533,319
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 1 Lit	632	156	97,637,610	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 1 Lit	156	632	0	97,637,610
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 2 lít	632	156	42,910,224	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 2 lít	156	632	0	42,910,224
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 5 Lit	632	156	44,030,768	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 5 Lit	156	632	0	44,030,768
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	02 chai dầu ăn hướng dương Menu 1 lít và 1 ch	632	155	3,355,238	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	02 chai dầu ăn hướng dương Menu 1 lít và 1 ch	155	632	0	3,355,238
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	01 chai dầu ăn hướng dương Menu 1 lít và 01 c	632	155	252,447	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	01 chai dầu ăn hướng dương Menu 1 lít và 01 c	155	632	0	252,447
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 1L+ 1 chai nước t	632	155	24,117,395	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 1L+ 1 chai nước t	155	632	0	24,117,395
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 2L + 1 chai nước t	632	155	18,844,121	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 2L + 1 chai nước t	155	632	0	18,844,121
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 5L + 1 chai nước t	632	155	823,345	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 5L + 1 chai nước t	155	632	0	823,345
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu hướng dương Oliu Zdorovoe Menu	632	155	4,344,982	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu hướng dương Oliu Zdorovoe Menu	155	632	0	4,344,982
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 1L+ 1 chai nước t	632	155	43,756,832	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 1L+ 1 chai nước t	155	632	0	43,756,832
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 2L + 1 chai nước t	632	155	24,611,979	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 2L + 1 chai nước t	155	632	0	24,611,979
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 5L + 1 chai nước t	632	155	4,690,590	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 5L + 1 chai nước t	155	632	0	4,690,590
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Nước tương Hương Việt Thanh Vị 500ml	632	156	17,107	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Nước tương Hương Việt Thanh Vị 500ml	156	632	0	17,107
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Kem đặc có đường Maika 1Kg	632	156	15,791,833	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Kem đặc có đường Maika 1Kg	156	632	0	15,791,833
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Kem đặc có đường Maika 390g	632	156	30,857,655	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Kem đặc có đường Maika 390g	156	632	0	30,857,655
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Tương ớt cay OCOOK 500ml	632	156	36,960	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Tương ớt cay OCOOK 500ml	156	632	0	36,960
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Tương cà OCOOK 500ml	632	156	64,000	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Tương cà OCOOK 500ml	156	632	0	64,000
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Nước tương OCOOK 500ml	632	156	137,667	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Nước tương OCOOK 500ml	156	632	0	137,667
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 1.7L	632	156	19,620,000	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 1.7L	156	632	0	19,620,000
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu hướng dương tinh luyện khử mùi loại 1	632	156	64,474,445	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu hướng dương tinh luyện khử mùi loại 1	156	632	0	64,474,445
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 900ml	632	156	41,337,660	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu đậu nành Ofood 900ml	156	632	0	41,337,660
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 Chai dầu đậu nành OFOOD 1,7L + 1 gói đườn	632	155	52,395,457	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 Chai dầu đậu nành OFOOD 1,7L + 1 gói đườn	155	632	0	52,395,457
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 0,9L + 1 chai nướ	632	155	6,250,876	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	2 chai dầu đậu nành OFOOD 0,9L + 1 chai nướ	155	632	0	6,250,876
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 5L	632	156	98,638,734	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Dầu hướng dương oliu Zdorovoe menu 5L	156	632	0	98,638,734
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Thập Nhị Vương Trà	632	156	47,395,425	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	Thập Nhị Vương Trà	156	632	0	47,395,425
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 1,7L + 1 chai nướ	632	155	7,094,677	0
04/02/2025	04/02/2025	XK00046	1 chai dầu đậu nành OFOOD 1,7L + 1 chai nướ	155	632	0	7,094,677
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	911	459,143,887	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	911	4212	0	459,143,887
Số đóng = 8086						136,479,258,453	136,479,258,453

Hình 2.29: Sổ Nhật ký chung

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
.....								
8/01/2025	XK00027	18/01/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CHI NHÁNH 2 CÔNG TY TNHH L.V.C- TRƯỜNG MẦM NON ABC theo hóa đơn 25			156	3.551.439	
20/01/2025	XK00028	20/01/2025	Xuất kho bán hàng TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỒ MÂY theo hóa đơn 26			156	12.607.610	
.....								
04/02/2025	XK00046	04/02/2025	Xuất kho bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn 31 (HĐ Đ/C thêm số lượng hàng hóa cho HĐ 28 ngày 21/01/2025)			155	190.537.939	
04/02/2025	XK00046	04/02/2025	Xuất kho bán hàng TỔNG CÔNG TY BƯU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn 31 (HĐ Đ/C thêm số lượng hàng hóa cho HĐ 28 ngày 21/01/2025)			156	560.483.407	
.....								
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		8.431.891.849
			- Cộng số phát sinh				8.455.959.523	8.455.959.523
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				8.455.959.523	8.455.959.523

- Sổ này có 13 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.30: Sổ cái TK 632

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận
tải Sana Miền Trung.

2.2.2.2.1. Nội dung Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu của doanh nghiệp từ các khoản lãi vay tại ngân hàng của doanh nghiệp

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635: Chi phí tài chính

2.2.2.3. Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ ngân hàng,...
- Giấy báo nợ
- Giấy nhận nợ,...

2.2.2.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái tài khoản 635
- Sổ chi tiết tài khoản 635
- Sổ nhật ký chung

2.2.2.5. Nghiệp vụ minh họa

Cuối mỗi quý, công ty nhận được Sổ phụ kèm phiếu báo Nợ/Có của ngân hàng về khoản lãi vay mỗi tháng của ngân hàng. Nếu quý đó doanh nghiệp có vay sẽ nhận kèm giấy nhận nợ.

Kế toán căn cứ vào đó để tổng hợp, kiểm tra rồi từ giấy báo Có, Sổ phụ kèm phiếu báo Nợ/Có, Kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, sau đó phần mềm tự động lên Sổ chi tiết TK 635

Page 18 of 2

STT No	Ngày giao dịch Date Time	Mô tả giao dịch Transaction Comment	Nợ Debit	Có Credit	Số dư cuối Balance	Tên đối ứng Offset Name	Số giao dịch Reference No
					21,376,401		
261	10/10/2025 23:10:34	VAT	5,000		15,898,716	THU PHI CHUYEN TIEN NUOC NGOAI - CHIU THUE GTGT - A/C: 402150200	bQD8-83rumkqzx
262	13/10/2025 16:35:24	Fee for 4880251013012472	5,477,685		35,898,716	NGUYEN THI BICH HOA - A/C: 107000662437	488S25A0M XNL225B
263	14/10/2025 14:58:25	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: Nguyen Thi Bich Hoa chuyen tien		20,000,000	15,898,716	CTCP DT TM PT NHAT TIN-CN HA NOI - A/C: 0741100390008	488A25A0M XSJ3EJ6
264	14/10/2025 15:01:24	488A25A0MXSJ3EJ6/tam ung cuoc van chuyen	20,000,000		15,876,716	THU PHI DICH VU NGAN HANG DIEN TU - CHIU THUE GTGT - A/C: 402140100	488A25A0M XSJ3EJ6
265	14/10/2025 15:01:24	So GD: 488A25A0MXSJ3EJ6 tam ung cuoc van chuyen	22,000		115,876,716	NGUYEN THI BICH HOA - A/C: 107000662437	488S25A0Q TUUB1ML
266	16/10/2025 09:06:20	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: Nguyen Thi Bich Hoa chuyen tien		100,000,000	9,602,916	CONG TY TNHH MTV VIETIMEX DA NANG - A/C: 0041000178245	488K25A0Q TYUTSJR
267	16/10/2025 09:09:22	CT nhanh 247 di: thanh toan tien hang	106,273,800		9,567,846	CONG TY TNHH MTV VIETIMEX DA NANG - A/C: 0041000178245	488K25A0Q TYUTSJR
268	16/10/2025 09:09:22	CT nhanh 247 di: thanh toan tien hang	35,070		1,506,048	THU PHI CHUYEN TIEN NUOC NGOAI - CHIU THUE GTGT - A/C: 402150200	2j8ec-83wUGF2li
269	16/10/2025 16:43:46	Fee for 4880251016016536	8,061,798		1,471,048	THU PHI DICH VU TAI KHOAN - CHIU THUE GTGT - A/C: 402120100	
270	17/10/2025 04:36:38	Thu phi duy tri dich vu IB 10/2025	35,000		1,467,548	THU PHI DICH VU TAI KHOAN - CHIU THUE GTGT - A/C: 402120100	
271	17/10/2025 04:36:38	VAT	3,500		1,000,000	CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU VAN TAISANA MIEN TRUNG - A/C: 805007298672	
272	27/10/2025 23:21:47	Thu gốc: VND - Thu lãi: 467548 VND - Thu lãi phạt: VND - Thu phí: VND	467,548		51,000,000	NGUYEN THI BICH HOA - A/C: 107000662437	488S25A1A ES5VENZ
273	28/10/2025 07:17:23	Chuyen tien den tu NAPAS Noi dung: Nguyen Thi Bich Hoa chuyen tien		50,000,000	42,286,430	CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU VAN TAISANA MIEN TRUNG - A/C: 805007298672	
274	28/10/2025 23:15:38	Thu gốc: VND - Thu lãi: 8711183 VND - Thu lãi phạt: 2387 VND - Thu phí: VND	8,713,570		33,398,982	CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU VAN TAISANA MIEN TRUNG - A/C: 807007126723	
275	28/10/2025 23:15:42	Thu gốc: VND - Thu lãi: 8885014 VND - Thu lãi phạt: 2434 VND - Thu phí: VND	8,887,448		28,737,817	CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU VAN TAISANA MIEN TRUNG - A/C: 800007143730	
276	28/10/2025 23:16:05	Thu gốc: VND - Thu lãi: 4659888 VND - Thu lãi phạt: 1277 VND - Thu phí: VND	4,661,165				

Hình 2.31: Trích giấy báo nợ tài khoản chi phí tài chính

Quy trình hạch toán

Vào phần mềm → chọn phân hệ ngân hàng → chọn chi tiền → nhập ngày chứng từ, diễn giải, tài khoản ngân hàng chi → định khoản → nhấn cất để lưu vào phần mềm. Sau khi kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết TK 635 và sổ cái TK 635

Trình bày ở **Phụ lục 5: Trích xuất màn hình nhập liệu giấy báo Nợ vào phần mềm**

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 635; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
17/01/2025	17/01/2025	UNC00016	Thanh toán lãi và gốc ngân hàng	635	1121	1,946,678	0	1,946,678	0
25/09/2025	25/09/2025	UNC00194	Thanh toán lãi vay ngân hàng	635	1121	8,438,958	0	178,504,268	0
25/09/2025	25/09/2025	UNC00195	Thanh toán lãi vay ngân hàng	635	1121	9,060,294	0	187,564,562	0
27/10/2025	27/10/2025	UNC00214	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 206749	635	1121	467,548	0	188,032,110	0
28/10/2025	28/10/2025	UNC00215	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 207398	635	1121	31,801,307	0	219,833,417	0
17/11/2025	17/11/2025	UNC00229	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 221220	635	1121	6,371,433	0	226,204,850	0
24/11/2025	24/11/2025	UNC00231	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 225285	635	1121	4,193,899	0	230,398,749	0
25/11/2025	25/11/2025	UNC00232	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 225874	635	1121	29,851,297	0	260,250,046	0
25/12/2025	25/12/2025	UNC00258	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 247246	635	1121	1,437,452	0	261,687,498	0
26/12/2025	26/12/2025	UNC00260	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 247973	635	1121	34,146,878	0	295,834,376	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	911	0	295,834,376	0	0
			Cộng	635		295,834,376	295,834,376		
			Số dư cuối kỳ	635				0	0
Số dòng = 58						295,834,376	295,834,376		

Hình 2.32: Sổ chi tiết TK 635

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
17/01/2025	17/01/2025	UNC00016	Thanh toán lãi và gốc ngân hàng	635	1121	1,946,678	0
25/09/2025	25/09/2025	UNC00194	Thanh toán lãi vay ngân hàng	635	1121	8,438,958	0
25/09/2025	25/09/2025	UNC00195	Thanh toán lãi vay ngân hàng	635	1121	9,060,294	0
27/10/2025	27/10/2025	UNC00214	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 206749	635	1121	467,548	0
28/10/2025	28/10/2025	UNC00215	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 207398	635	1121	31,801,307	0
17/11/2025	17/11/2025	UNC00229	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 221220	635	1121	6,371,433	0
24/11/2025	24/11/2025	UNC00231	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 225285	635	1121	4,193,899	0
25/11/2025	25/11/2025	UNC00232	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 225874	635	1121	29,851,297	0
25/12/2025	25/12/2025	UNC00258	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 247246	635	1121	1,437,452	0
26/12/2025	26/12/2025	UNC00260	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 247973	635	1121	34,146,878	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	635	911	0	295,834,376
Số dòng = 56						295,834,376	295,834,376

Hình 2.33: Sổ nhật ký chung

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
17/01/2025	UNC00016	17/01/2025	Thanh toán lãi và gốc ngân hàng			1121	1.946.678	
18/01/2025	UNC00017	18/01/2025	Thanh toán lãi và gốc ngân hàng			1121	146.051	
.....								
25/09/2025	UNC00194	25/09/2025	Thanh toán lãi vay ngân hàng			1121	8.438.958	
25/09/2025	UNC00195	25/09/2025	Thanh toán lãi vay ngân hàng			1121	9.060.294	
27/10/2025	UNC00214	27/10/2025	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 206749			1121	467.548	
.....								
25/12/2025	UNC00258	25/12/2025	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 247246			1121	1.437.452	
26/12/2025	UNC00260	26/12/2025	Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 247973			1121	34.146.878	
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		295.834.376
			- Cộng số phát sinh				295.834.376	295.834.376
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				295.834.376	295.834.376

- Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.34: Sổ Cái TK 635

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.

2.2.2.3.1. Đặc điểm kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp gồm: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp từ các hoạt động: lương nhân viên bán hàng, phân bổ chi phí CCDC dùng cho bộ phận bán hàng, cước vận chuyển hàng đến khách,...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp từ các hoạt động: lương nhân viên văn phòng, ăn uống tiếp khách, phân bổ CCDC dùng cho bộ phận quản lý, phí đổi ngoại tệ,...

2.2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642: chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.2.3.3. Chứng từ sử dụng

Bảng lương, bảng phân bổ CCDC, Bảng tính khấu hao TSCĐ, sổ phụ ngân hàng, hóa đơn GTGT,..

2.2.2.3.4. Sổ sách sử dụng

- Sổ cái tài khoản 6421, 6422
- Sổ chi tiết tài khoản 6421, 6422
- Sổ nhật ký chung

2.2.2.3.5. Nghiệp vụ minh họa

- **Chi phí bán hàng**

*Nghiệp vụ minh họa 1: Phí vận chuyển hàng cho khách.

Doanh nghiệp thuê bên Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Phát triển Nhất Tín để vận chuyển hàng, sau khi giao hàng thành công bên vận chuyển sẽ xuất hóa đơn GTGT cho cả tháng trước, dựa vào hóa đơn kế toán hạch toán vào phần mềm và ghi nhận chi phí bán hàng.



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25THN
Số: 1239

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

MCCQT: 0003E6AF1F38484A6AA8C726DE1F344FF1

Tên người bán: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN NHẤT TÍN - CHI NHÁNH
HÀ NỘI

Mã số thuế: 0312803588-005

Địa chỉ: Số 1 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 1900636688

Số tài khoản: 0741100390008 Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long - PGD Nhân Chính

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401696578

Địa chỉ: 25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

Số tài khoản:

Đơn vị tiền tệ: VND

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Cước vận chuyển tháng 1/2025 theo hợp đồng số 295291/2023/HĐDV-NT ký ngày 20/3/2023				0	8%	75.982.945

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	75.982.945
8%	75.982.945	6.078.636	Tổng giảm trừ không chịu thuế	
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	6.078.636
			Tổng tiền phí	
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
			Tổng giảm trừ khác	
			Tổng tiền thanh toán bằng số	82.061.581
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Tám mươi hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn năm trăm tám mươi một đồng

NGƯỜI MUA HÀNG

(Chữ ký số (nếu có))

NGƯỜI BÁN HÀNG

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

Signature Valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI PHÁT

TRIỂN NHẬT TÍN - CHI

NHÁNH HÀ NỘI

Ký ngày: 2025-02-21 13:31:49

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

Hình 2.35: Hóa đơn GTGT số 1239 phí vận chuyển

Quy trình hạch toán: Vào phần mềm → chọn phân hệ “Chứng từ nghiệp vụ khác ” → chọn chứng từ “chứng từ nghiệp vụ khác” → nhập ngày chứng từ, diễn giải, đối tượng → định khoản →nhấn “cất” để lưu vào phần mềm. Sau khi kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ nhật ký chung và sổ cái TK 6421

Trình bày ở **Phụ lục 6: Trích xuất màn hình nhập liệu theo HĐ số 1239 vào phần mềm**

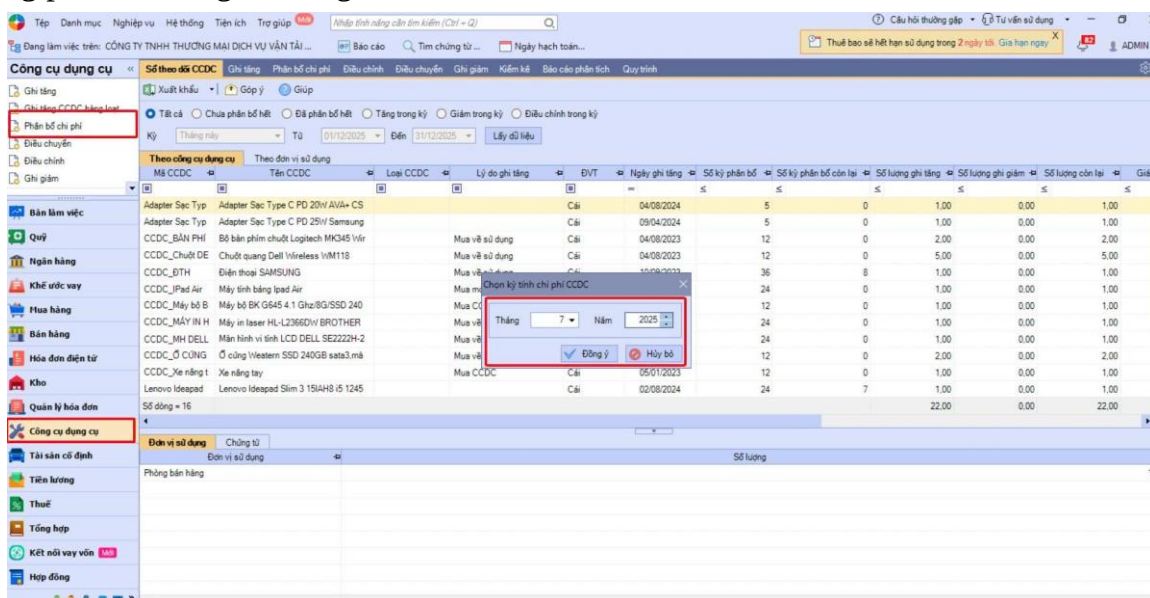
*Nghiệp vụ minh họa 2: chi phí phân bổ

Công ty mua công cụ dụng cụ về phân bổ theo từng tháng cho từng bộ phận, trong đó có bộ phận bán hàng. Mặt hàng Màn hình vi tính LCD DELL SE2222H-21.5 phục vụ cho việc giới thiệu sản phẩm qua hình ảnh trình chiếu trên màn hình nên loại công cụ này được đưa vào chi phí bán hàng.

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG												
25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam												
BẢNG TÍNH PHÂN BỐ CUNG CỤ DỤNG CỤ												
Tháng 07 năm 2025												
MÃ CCDC	Tên CCDC	ĐVT	Số lượng còn lại	Số kỳ phân bổ	Số kỳ phân bổ còn lại	Giá trị CCDC	Phân bổ trong kỳ			Lũy kế đã PB	Giá trị còn lại	TK chờ phân bổ
							Đối tượng	TK chi phí	số tiền			
CCDC_ĐTH	Điện thoại SAMSUNG	cái	1	36	20	6,240,353	PBH	6422	173,343	2,773,488	3,466,865	242
CCDC_MÁY IN HL	Máy in laser HL-L2366DW BROTHER	cái	1	24	7	3,454,545	PBH	6422	143,948	2,446,963	1,007,582	242
CCDC_MH DELL	Màn hình vi tinh LCD DELL SE2222H-21.5"	cái	1	24	7	2,636,364	PBH	6421	109,837	1,867,433	768,931	242
Lenovo Ideapad Slim 3 15I	15IAH8 i5 12450H/16GB/512GB/Đen	cái	1	24	19	9,900,000	PHC	6422	412,500	2,062,500	7,837,500	242
Samsung Galaxy A05 A055F	A055F (6G+128GB) Đen	cái	1	24	19	2,809,091	PBH	6422	117,045	585,225	2,223,866	242
Samsung Galaxy A15 A155F	A155F (8G+256G) Xanh	cái	1	24	15	4,536,364	PBH	6422	189,015	1,701,135	2,835,229	242
Tổng cộng						29,576,717			1,145,688	11,436,744	12,823,496	

Hình 2.36: Bảng tính phân bổ CCDC tháng 7

Quy trình hạch toán: Vào phần mềm → chọn phân hệ “Công cụ dụng cụ” → chọn “phân bổ chi phí” → chọn kỳ tính phân bổ ‘tháng’ → “đồng ý”. Phần mềm sẽ tự động phân bổ công cụ dụng cụ.



Hình 2.37: Trích xuất các bước phân bổ CCDC

Trình bày ở Phụ lục 7: Trích xuất màn hình các bước phân bổ CCDC tháng 7 bộ phận bán hàng vào phần mềm

*Nghịệp vụ minh họa 3: chi phí nhân viên

- Hằng tháng, công ty tính lương phải trả cho nhân viên công ty. Bộ phận bán hàng gồm: **Lê Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Bình An, Nguyễn Thị Phụng (Trưởng phòng Marketing), Nguyễn Đức Tinh, Nguyễn Việt Hoàng, Lê Thị Duyên, Ngô Minh Tú, Lương Thị Châu**

-> **Tổng lương bộ phận bán hàng: 47.050.000**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG													
MST:0401696578													
Địa chỉ:25 Lương Thế Vinh,Phường An Hải Đông,Quận Sơn Trà,Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam													
BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG													
Tháng 09/2025													
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Phụ cấp			Tổng	Các khoản trích theo lương			Tổng	Lương thực nhận	Ký nhận
				Xăng xe	Điện thoại	Cơm ca		BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)			
1	Nguyễn Thị Bích Hoa	Giám đốc	7,000,000	1,000,000	600,000	730,000	9,330,000	747,000	140,000	94,000	981,000	8,350,000	
2	Nguyễn Đức Toàn	Kế toán	6,400,000	550,000	200,000	730,000	7,880,000					7,880,000	
3	Nguyễn Ngọc Văn	Thủ kho	5,000,000	550,000	200,000	730,000	6,480,000					6,480,000	
4	Nguyễn Văn An	Hành chính nhân sự	5,500,000	550,000	200,000	730,000	6,980,000					6,980,000	
5	Lê Minh Tuấn	Marketing	4,330,000	550,000	200,000	730,000	5,810,000					5,810,000	
6	Nguyễn Thị Bình An	Marketing	4,330,000	550,000	200,000	730,000	5,810,000					5,810,000	
7	Nguyễn Thị Phương	Marketing	5,000,000	550,000	200,000	730,000	6,480,000					6,480,000	
8	Nguyễn Đức Tỉnh	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000					5,790,000	
9	Nguyễn Việt Hoàng	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000					5,790,000	
10	Lê Thị Duyên	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000					5,790,000	
11	Ngô Minh Tú	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000					5,790,000	
12	Lương Thị Châu	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000					5,790,000	
Tổng cộng			59,110,000	7,050,000	2,800,000	8,760,000	77,720,000					76,740,000	
Tổng số tiền (bằng chữ): Bảy mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng													
Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên)											Đà Nẵng, ngày 30 tháng 09 năm 2025		
											Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên)		

Hình 2.38: Bảng lương nhân viên tháng 09 năm 2025

Quy trình hạch toán: Vào phần mềm → chọn phân hệ “Chứng từ nghiệp vụ khác” → chọn chứng từ “chứng từ nghiệp vụ khác” → nhập ngày chứng từ, diễn giải, đối tượng → định khoản → nhấn “cất” để lưu vào phần mềm. Sau khi kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ nhật ký chung và sổ cái TK 6421

Trình bày ở **Phụ lục 8: Trích xuất màn hình nhập liệu lương nhân viên bộ phận bán hàng vào phần mềm**

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 6421; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
11/01/2025	11/01/2025	PC0010	Chi tiền mua hàng CÔNG TY TNHH TM & DV THIẾ	6421	1111	10,005,000	0	10,005,000	0
21/02/2025	21/02/2025	NVK00010	Cước vận chuyển tháng 1/2025 theo HĐ 1239	6421	331	75,982,945	0	163,536,794	0
31/07/2025	31/07/2025	PBCC00007	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025	6421	242	109,837	0	571,619,984	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00052	Tính lương nhân viên tháng 09/2025	6421	334	47,050,000	0	776,388,380	0
31/12/2025	31/12/2025	MDV00051	Mua dịch vụ của CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY	6421	331	46,715,905	0	1,096,078,671	0
31/12/2025	31/12/2025	MDV00053	Mua dịch vụ của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TH	6421	331	40,874,551	0	1,136,953,222	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00074	Tính lương nhân viên tháng 12/2025	6421	334	47,050,000	0	1,184,003,222	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6421	911	0	1,221,323,222	0	0
			Cộng	6421		1,221,323,222	1,221,323,222		
			Số dư cuối kỳ	6421				0	0
Số dòng = 76						1,221,323,222	1,221,323,222		

Hình 2.39: Sổ cái chi tiết tk 6421

- Chi phí quản lý doanh nghiệp

* Nghiệp vụ minh họa 4: Chi phí tiếp khách

Khi bộ phận quản lý tiếp khách, ký hợp đồng, sẽ lấy hóa đơn GTGT về để thanh toán. Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT để tổng hợp, kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, sau đó phần mềm tự động lên Sổ chi tiết TK 6422



Mẫu số 1
Ký hiệu: C25MHB
Số: 607

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 12 tháng 05 năm 2025

MCCQT: M1-25-O5KWJ-00000859909

Tên người bán: CÔNG TY TNHH ĐT&PT HÒA BÌNH XANH

Mã số thuế: 4001210984

Địa chỉ: Lô 59,60,61 Nguyễn Hữu An, Phường Nại Hiên Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0911166667

Số tài khoản:

Tên người mua: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG

Họ tên người mua hàng:

Mã số thuế: 0401696578

Địa chỉ: 25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán:

Điện thoại:

Căn cước công dân:

Số bảng kê:

Ngày bảng kê:

STT	Tính chất	Loại hàng hoá đặc trưng	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Chiết khấu	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT
1	Hàng hóa, dịch vụ		Bia larue bạc lon	lon	23	18.181,82		10%	418.182
2	Hàng hóa, dịch vụ		Bia Tiger Lon	lon	53	20.909,09		10%	1.108.182
3	Hàng hóa, dịch vụ		Hàu sữa nướn g mỡ hành/ph omai	kg	2	166.666,67		8%	333.333
4	Hàng hóa, dịch vụ		Ba ba um chu ối đậu	kg	2,4	731.481,48		8%	1.755.556
5	Hàng hóa, dịch vụ		Cơm chiên trứ ng	đĩa	2	64.814,81		8%	129.630
6	Hàng hóa, dịch vụ		Salad cá ngừ	đĩa	2	111.111,11		8%	222.222

7	Hàng hóa, dịch vụ	Aquafina chai nhựa 500*28	chai	3	9.259,26		8%	27.778
---	-------------------	---------------------------	------	---	----------	--	----	--------

Thuế suất	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chưa thuế (Tổng cộng thành tiền chưa có thuế)	3.994.883
8%	2.468.519	197.481		
10%	1.526.364	152.636		
			Tổng tiền thuế (Tổng cộng tiền thuế)	350.117
			Tổng tiền chiết khấu thương mại	0
			Tổng tiền thanh toán bằng số	4.345.000
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ	Bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng

NGƯỜI MUA HÀNG	NGƯỜI BÁN HÀNG
----------------	----------------

Hình 2.40: Hóa đơn GTGT số 607 chi phí tiếp khách

Quy trình hạch toán: Vào phần mềm → chọn phân “Quỹ” → chọn chứng từ “phiếu chi” → nhập ngày chứng từ, diễn giải, đối tượng → định khoản → nhấn “cất” để lưu vào phần mềm. Sau khi kế toán thực hiện phản ánh vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ chi tiết TK 6422, sổ nhật ký chung và sổ cái TK 642

Trình bày ở **Phụ lục 9: Trích xuất màn hình nhập liệu theo HD số 607 vào phần mềm**

Nghiệp vụ minh họa 5: chi phí phân bổ

Công ty mua công cụ dụng cụ về phân bổ theo từng tháng cho từng bộ phận, trong đó có bộ phận hành chính đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp trừ Màn hình vi tính LCD DELL SE2222H-21.5 được đưa vào chi phí bán hàng (Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ trang 74)

- **Quy trình ghi sổ:** tương tự với nghiệp vụ 2 phần “Chi phí bán hàng”

Trình bày ở **Phụ lục 10: Trích xuất màn hình các bước phân bổ CCDC tháng 7 bộ phận quản lý doanh nghiệp**

Nghiệp vụ minh họa 6: chi phí nhân viên

Hàng tháng, công ty tính lương phải trả cho nhân viên ở bộ phận quản lý gồm: **Nguyễn Thị Bích Hòa, Nguyễn Đức Toàn, Nguyễn Ngọc Vân, Nguyễn Văn An** -> **Tổng lương bộ phận quản lý: 29.690.000** (Bảng lương nhân viên đã trình bày ở nghiệp vụ 3 “Chi phí bán hàng” trang 75)

Sinh viên không tiếp cận được bảng tính BHXH

Trình bày ở **Phụ lục 11: Trích xuất màn hình nhập liệu lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp vào phần mềm.**

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN									
Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 6422; Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	6422	3339	3,000,000	0	3,000,000	0
01/01/2025	01/01/2025	UNC00001	Phí ngân hàng	6422	1121	3,300	0	3,003,300	0
12/05/2025	12/05/2025	PC0076	Chi tiền tiếp khách theo HD 607	6422	1111	3,994,883	0	347,258,796	0
31/07/2025	31/07/2025	PBCC00007	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 6422	6422	242	1,035,851	0	501,149,554	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00051	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2025	6422	3383	787,500	0	675,772,110	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00051	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2025	6422	3384	135,000	0	675,907,110	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00051	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2025	6422	3385	45,000	0	675,952,110	0
30/09/2025	30/09/2025	NVK00052	Tính lương nhân viên tháng 09/2025	6422	334	29,690,000	0	705,642,110	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00075	Tính lương nhân viên tháng 12/2025	6422	334	29,690,000	0	1,061,829,011	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	6422	911	0	1,062,720,914	0	891,903
31/12/2025	31/12/2025	PBCC00012	Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 6422	6422	242	891,903	0	0	0
			Cộng	6422		1,062,720,914	1,062,720,914		
			Số dư cuối kỳ	6422				0	0
Số đóng = 335						1,062,720,914	1,062,720,914		

Hình 2.41: Sổ chi tiết tài khoản 6422

SỔ NHẬT KÝ CHUNG									
Năm 2025									
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có		
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	6422	3339	3,000,000	0		
21/02/2025	21/02/2025	NVK00010	Cước vận chuyển tháng 1/2025 theo HD 1239	6421	331	75,982,945	0		
21/02/2025	21/02/2025	NVK00010	Cước vận chuyển tháng 1/2025 theo HD 1239	331	6421	0	75,982,945		
21/02/2025	21/02/2025	NVK00010	Cước vận chuyển tháng 1/2025 theo HD 1239	1331	331	6,078,636	0		
21/02/2025	21/02/2025	NVK00010	Cước vận chuyển tháng 1/2025 theo HD 1239	331	1331	0	6,078,636		
12/05/2025	12/05/2025	PC0076	Chi tiền tiếp khách theo HD 607	6422	1111	3,994,883	0		
12/05/2025	12/05/2025	PC0076	Chi tiền tiếp khách theo HD 607	1111	6422	0	3,994,883		
12/05/2025	12/05/2025	PC0076	Chi tiền tiếp khách theo HD 607	1331	1111	350,117	0		
12/05/2025	12/05/2025	PC0076	Chi tiền tiếp khách theo HD 607	1111	1331	0	350,117		
31/07/2025	31/07/2025	PBCC00007	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025	6422	242	1,035,851	0		
31/07/2025	31/07/2025	PBCC00007	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025	242	6422	0	1,035,851		
31/07/2025	31/07/2025	PBCC00007	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025	6421	242	109,837	0		
31/07/2025	31/07/2025	PBCC00007	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025	242	6421	0	109,837		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00052	Tính lương nhân viên tháng 09/2025	6422	334	29,690,000	0		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00052	Tính lương nhân viên tháng 09/2025	334	6422	0	29,690,000		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00052	Tính lương nhân viên tháng 09/2025	6421	334	47,050,000	0		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00052	Tính lương nhân viên tháng 09/2025	334	6421	0	47,050,000		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00051	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2	6422	3383	787,500	0		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00051	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2	3383	6422	0	787,500		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00051	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2	6422	3384	135,000	0		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00051	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2	3384	6422	0	135,000		
30/09/2025	30/09/2025	NVK00051	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2	6422	3385	45,000	0		
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025	911	4212	0	459,143,887		
Số đóng = 3606						136,479,258,453	136,479,258,453		

Hình 2.42: Sổ Nhật Ký Chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG
25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	I	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
01/01/2025	NVK00001	01/01/2025	Phí môn bài năm 2025			3339	3.000.000	
01/01/2025	UNC00001	01/01/2025	Phí ngân hàng			1121	3.300	
.....								
21/02/2025	NVK00010	21/02/2025	Cước vận chuyển tháng 1/2025 theo HĐ 1239			331	75.982.945	
.....								
12/05/2025	PC0076	12/05/2025	Chi tiền tiếp khách theo HĐ 607			1111	3.994.883	
.....								
31/07/2025	PBCC00007	31/07/2025	Phân bổ chi phí CCDC tháng 7 năm 2025			242	1.145.688	
.....								
30/09/2025	NVK00051	30/09/2025	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2025			3383	787.500	
30/09/2025	NVK00051	30/09/2025	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2025			3384	135.000	
30/09/2025	NVK00051	30/09/2025	Trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp tháng 9/2025			3385	45.000	
30/09/2025	NVK00052	30/09/2025	Tính lương nhân viên tháng 09 năm 2025			334	76.740.000	
.....								
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			911		2.284.044.136
31/12/2025	PBCC00012	31/12/2025	Phân bổ chi phí CCDC tháng 12 năm 2025			242	891.903	
			Số trang trước chuyển sang				2.284.044.136	2.284.044.136
			- Cộng số phát sinh				2.284.044.136	2.284.044.136
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				2.284.044.136	2.284.044.136

- Sổ này có 18 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.43: Sổ Cái TK 642

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.

Trong năm 2025, doanh nghiệp không phát sinh chi phí khác

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.

Trong năm 2025, doanh nghiệp phát sinh lỗ kế toán trước thuế. Do không có các khoản điều chỉnh làm tăng thu nhập chịu thuế, nên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp là âm. Vì vậy, doanh nghiệp không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ. Khoản lỗ này được chuyển sang các năm sau theo quy định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 85,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

[07] Mã số thuế: 0401696578

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(459.143.887)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(459.143.887)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(459.143.887)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0

C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(459.143.887)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0

1/3

4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 20%) + (C8 x C8a))	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0

4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5=D3-D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8=D6-D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E=E1+E2+E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2=E3+E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G=G1+G2+G3+G4+G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

2/3

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1=E1+E5-G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2=E3-G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3=E4-G5$)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế ($I=E-G=I1+I2$)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	$I1=E1+E5-G1-G2$	0

2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0
---	--	----------------	---

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 17 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGUYỄN THỊ BÍCH HÒA

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán. Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản

Hình 2.44: Trích Tờ khai Thuế TNDN năm 2025

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.3.1. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Vận tải Sana Miền Trung.

2.2.3.1.1. Nội dung kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm kết quả từ hoạt động kinh doanh chính và kết quả từ các hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp

2.2.3.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

2.2.3.1.3. Sổ sách sử dụng

- + Nhật ký chung
- + Sổ cái TK 911

2.2.3.1.4. Nghiệp vụ minh họa

SỔ NHẬT KÝ CHUNG							
Năm 2025							
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
01/01/2025	01/01/2025	NVK00001	Phí môn bài năm 2025	6422	3339	3.000.000	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5111	911	10.552.053,852	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	5111	0	10.552.053,852
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	572,622	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	515	0	572,622
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	8.431.891,849	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	911	0	8.431.891,849
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	295.834,376	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	911	0	295.834,376
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	6421	1.221.323,222	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển chi phí bán hàng	6421	911	0	1.221.323,222
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	6422	1.062.720,914	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	911	0	1.062.720,914
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4212	911	459.143,887	0
31/12/2025	31/12/2025	NVK00076	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	911	4212	0	459.143,887
Số dòng = 8086						136,479,258,453	136,479,258,453

Hình 2.45: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG

25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2025

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			4212		459.143.887
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			5111		10.552.053.852
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			515		572.622
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			632	8.431.891.849	
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			635	295.834.376	
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6421	1.221.323.222	
31/12/2025	NVK00076	31/12/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 31/12/2025			6422	1.062.720.914	
			- Cộng số phát sinh				11.011.770.361	11.011.770.361
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				11.011.770.361	11.011.770.361

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.46: Trích Sổ Cái TK 911

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG

[03] Mã số thuế: 0401696578

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	10.584.302.252
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	32.248.400
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	32.248.400
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	572.622
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	10.715.935.985
a	Giá vốn hàng bán	[13]	8.431.891.849
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	2.284.044.136
5	Chi phí tài chính	[16]	295.834.376
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(459.143.887)
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	0
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(459.143.887)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 17 tháng 03 năm 2026

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

NGUYỄN THỊ BÍCH HÒA

Ghi chú: Số liệu chỉ tiêu [22] được tổng hợp vào chỉ tiêu A1 của Tờ khai 03/TNDN

Hình 2.47: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

3.1. Nhận xét công tác Kế toán Doanh Thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung

3.1.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán

Về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, bộ máy kế toán được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hợp lý phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Việc tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong công ty đã phát huy được những ưu điểm như: sự phân công trách nhiệm rõ ràng, công tác ghi chép nhiệm vụ rõ ràng, chính xác, kịp thời. Với hình thức kế toán tập trung, các nhân viên kế toán có thể trao đổi kinh nghiệm dễ dàng.

Về quy trình luân chuyển chứng từ: Quy trình kế toán được tiến hành chặt chẽ ăn khớp với nhau từ khâu lập chứng từ ban đầu đến khâu tổng hợp chi phí, doanh thu để xác định kết quả kinh doanh lúc cuối kỳ và lập báo cáo.

Về hệ thống tài khoản: Hệ thống tài khoản dùng để phản ánh nghiệp vụ liên quan đến bán hàng tương đối đầy đủ, đúng chế độ, chứng từ kế toán theo quy định, trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý.

Báo cáo đầy đủ, rõ ràng đúng quy định nhà nước và bộ tài chính ban hành. Các mẫu biểu báo cáo, sổ sách, chứng từ của công ty áp dụng theo đúng quy định của bộ tài chính ban hành. Hệ thống sổ sách, chứng từ đơn giản nhưng đầy đủ.

3.1.2. Nhận xét về Kế toán Doanh thu

a, Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- + Công tác kế toán được thực hiện tại doanh nghiệp tương đối đầy đủ và đúng quy định hiện hành.
- + Doanh thu ghi nhận đúng thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng cho khách hàng, đúng với nguyên tắc ghi nhận doanh thu theo TT133/2016/TT-BTC. Các khoản doanh thu đều được phản ánh đúng thời điểm vào TK 511 giúp kế toán dễ dàng theo dõi doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

b, Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- Nhận xét:
- + Đa phần doanh nghiệp phát sinh các khoản trả lại hàng bán cho doanh nghiệp. Chủ yếu các khoản này đều là bán Ký gửi thông qua Tổng bưu điện. Kế toán đã thực hiện kiểm tra, đối soát trước khi ghi sổ để đảm bảo tính chính xác của số liệu và hạn

chế nhất tránh tình trạng sai sót và đảm bảo được việc xác định doanh thu thuần cuối kỳ.

- Tồn tại:

- + Bên cạnh những ưu điểm đó thì vẫn còn một số hạn chế. Do việc giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp phát sinh không nhiều nên việc lưu trữ những chứng từ, bảng kê danh sách hàng bị trả lại chưa kỹ nên xảy ra tình trạng bị lạc chứng từ giấy như bảng kê hàng hóa bị trả lại.

c, Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

Các khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp đều đến từ lãi tiền gửi Ngân hàng và được kế toán phản ánh tương đối đầy đủ vào TK 515.

d, Kế toán thu nhập khác:

Trong năm 2025, doanh nghiệp không phát sinh các khoản thu nhập khác. Tuy nhiên doanh nghiệp vẫn mở TK 711 để theo dõi nếu có phát sinh theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3.1.3. Nhận xét Kế toán Chi phí

a, Kế toán giá vốn hàng bán:

- + Doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi hàng tồn kho, việc theo dõi chính xác tình hình nhập- xuất- tồn của hàng hóa được thực hiện tương đối đầy đủ giúp kế toán xác định giá vốn hàng bán kịp thời và chính xác.

- + Doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính giá xuất kho bình quân cuối kỳ (cụ thể là kỳ quý) phù hợp với phần mềm kế toán mà doanh nghiệp đang sử dụng.

- + Giá nhập các mặt hàng vào trong kỳ ít biến động nên việc sử dụng phương pháp tính giá xuất kho bình quân cuối kỳ là hoàn toàn hợp lý.

b, Kế toán chi phí tài chính:

- + Các khoản chi phí tài chính phát sinh tại công ty như lãi khoản vay tại ngân hàng được kế toán theo dõi hạch toán đầy đủ và đúng quy định hiện hành.

- + Các chứng từ liên quan đến chi phí tài chính được lưu trữ đầy đủ giúp việc kiểm tra đối chiếu thuận lợi hơn.

c, Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

- Nhận xét:

- + Các khoản chi phí quản lý kinh doanh được phát sinh đa phần là chi phí vận chuyển, chi phí tiếp khách, chi phí lương, phân bổ công cụ dụng cụ được phản ánh theo dõi và ghi sổ khá đầy đủ đúng quy định hiện hành.

- Tồn tại:

+ Bên cạnh việc theo dõi và ghi sổ đầy đủ thì công ty vẫn bị hạn chế về việc lưu trữ chứng từ chưa kỹ, tình trạng thất lạc chứng từ như là sổ chi tiết các khoản đóng BHXH.

+ Cụ thể là bảng các khoản trích theo lương do phần doanh nghiệp chịu. Cách tính bảo hiểm xã hội cho nhân viên chưa thực sự kỹ lưỡng và phù hợp với mức lương mà nhân viên công ty nhận tại khoản 1 điều 34 theo Luật BHXH năm 2024. Như ở bảng lương đã trình bày ở phần Chi phí quản lý doanh nghiệp, cụ thể ở sổ chi tiết TK6422, về phần BHXH mà doanh nghiệp chịu cho Giám đốc đang ở mức là 4.500.000đ mà thực ra đúng mức lương đúng phải là 9.330.000đ, điều này cho thấy số tiền mà DN đang chịu là không đúng mới mức lương thực trả của nhân viên.

d, Kế toán chi phí khác

+ Trong năm 2025, doanh nghiệp không phát sinh các khoản chi phí khác. Tuy nhiên doanh nghiệp vẫn mở TK811 để theo dõi nếu có phát sinh theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

e, Kế toán chi phí thuế TNDN

+ Trong năm 2025, doanh nghiệp không phát sinh các khoản chi phí thuế TNDN. Tuy nhiên doanh nghiệp vẫn mở TK821 để theo dõi nếu có phát sinh theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3.1.4. Nhận xét về Kế toán xác định hoạt động kinh doanh

a, Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Nhận xét:

+ Cuối kỳ, kế toán thực hiện việc kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh thông qua TK911 nhằm xác định lãi/lỗ của doanh nghiệp trong năm.

+ Các số liệu phục vụ chi việc xác định kết quả kinh doanh được tổng hợp từ nhiều phân hành kế toán khác nhau trước khi lập BCTC nhằm đảm bảo tính chính xác thông tin của doanh nghiệp.

- Tồn tại:

+ Bên cạnh ưu điểm đó thì doanh nghiệp vẫn bị ghi nhầm tại phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở chỉ tiêu 14 (Chi phí bán hàng) và chỉ tiêu số 15 (chi phí quản lý doanh nghiệp) đã gộp chung hai chỉ tiêu này thành một (chỉ tiêu số 15)

3.2. Kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác Kế toán Doanh Thu, Chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung

3.2.1. Kiến nghị về Kế toán Doanh Thu

Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- + Doanh nghiệp cần thực hiện lưu trữ kiểm tra đầy đủ các loại chứng từ. Đặc biệt là các chứng từ liên quan đến các khoản ít phát sinh trong doanh nghiệp giấy để tránh tình trạng bị lạc mất khi cần thiết.
- + Cần in những chứng từ giấy, đóng thành quyển, có thể lưu trữ lâu hơn, tránh tình trạng mất file, mất những dữ liệu quan trọng.

3.2.2. Kiến nghị về Kế toán Chi phí

Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

- Doanh nghiệp cần xem xét về chi phí lương, mức đóng bảo hiểm xã hội cho nhân viên để đảm bảo đúng quy định cũng như là quyền lợi của nhân viên theo đúng quy định.
- Đề xuất nên tính đúng, đủ và tuân thủ theo luật BHXH năm 2024 tại khoản 1 điều 34 để nhân viên có thể hưởng quyền lợi của mình khi làm việc tại doanh nghiệp, cụ thể là tính với mức lương cơ bản cộng các khoản phụ cấp. Không chỉ riêng giám đốc được tính mà doanh nghiệp nên tính cho các nhân viên từ các bộ phận khác.

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG																	
Tháng 09/2025																	
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương cơ bản	Phụ cấp			Tổng	BH công ty đóng 21.5%			Tổng	Các khoản trích theo lương			Tổng	Lương thực n	Ký nhận
				Xăng xe	Điện thoại	Cơm ca		BHXX (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)		BHXX (10.5%)	BHYT (1%)	BHTN (1%)			
1	Nguyễn Thị Bích Hoa	Giám đốc	7,000,000	1,000,000	600,000	730,000	9,330,000	1,632,750	279,900	93,300	2,005,950	747,000	140,000	94,000	981,000	8,350,000	
2	Nguyễn Đức Toàn	Kế toán	6,400,000	550,000	200,000	730,000	7,880,000	1,379,000	236,400	78,800	1,694,200					7,880,000	
3	Nguyễn Ngọc Văn	Thủ kho	5,000,000	550,000	200,000	730,000	6,480,000	1,134,000	194,400	64,800	1,393,200					6,480,000	
4	Nguyễn Văn An	Hành chính nhân sự	5,500,000	550,000	200,000	730,000	6,980,000	1,221,500	209,400	69,800	1,500,700					6,980,000	
5	Lê Minh Tuấn	Marketing	4,330,000	550,000	200,000	730,000	5,810,000	1,016,750	174,300	58,100	1,249,150					5,810,000	
6	Nguyễn Thị Bình An	Marketing	4,330,000	550,000	200,000	730,000	5,810,000	1,016,750	174,300	58,100	1,249,150					5,810,000	
7	Nguyễn Thị Phương	Marketing	5,000,000	550,000	200,000	730,000	6,480,000	1,134,000	194,400	64,800	1,393,200					6,480,000	
8	Nguyễn Đức Tính	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000	1,013,250	173,700	57,900	1,244,850					5,790,000	
9	Nguyễn Việt Hoàng	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000	1,013,250	173,700	57,900	1,244,850					5,790,000	
10	Lê Thị Duyên	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000	1,013,250	173,700	57,900	1,244,850					5,790,000	
11	Ngô Minh Tú	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000	1,013,250	173,700	57,900	1,244,850					5,790,000	
12	Lương Thị Châu	Kinh doanh	4,310,000	550,000	200,000	730,000	5,790,000	1,013,250	173,700	57,900	1,244,850					5,790,000	
Tổng cộng			59,110,000	7,050,000	2,800,000	8,760,000	77,720,000									76,740,000	

3.2.3. Kiến nghị về Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

- Doanh nghiệp cần kiểm tra rà soát kỹ các chỉ tiêu trong BCTC cũng như các phụ lục, chỉ tiêu liên quan để tránh tình trạng bị sai sót trong quá trình làm và nộp BCTC.
- Đề xuất nên tách các chỉ tiêu ra đúng quy định, tránh gộp chung lại làm giảm tính minh bạch của thông tin tài chính của doanh nghiệp.

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TÀI SANA MIỀN TRUNG

[03] Mã số thuế: 0401696578

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	10.584.302.252
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	32.248.400
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	32.248.400
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	572.622
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	10.715.935.985
a	Giá vốn hàng bán	[13]	8.431.891.849
b	Chi phí bán hàng	[14]	1.221.323.222
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	1.062.720.914
5	Chi phí tài chính	[16]	295.834.376
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	(459.143.887)
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	0
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	0
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	(459.143.887)

Kết luận

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh luôn giữ một vị trí, vai trò quan trọng trong doanh nghiệp. Thông qua doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, nhà doanh nghiệp sẽ biết được rằng doanh nghiệp có đang thực sự kinh doanh hiệu quả hay không. Doanh nghiệp muốn các chỉ tiêu này luôn đạt hiệu quả thì công tác quản lý phải tốt và chặt chẽ.

Qua quá trình học tập trên lớp và thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung đã giúp em hiểu được tầm quan trọng của việc “học đi đôi với hành”. Đây là khoảng thời gian giúp em thực hành những kiến thức mình đã được học vào thực tế và còn tạo điều kiện cho em hiểu đúng hơn, sâu hơn, chắc hơn về kiến thức mình đã được học, đồng thời giúp em tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn, các kỹ năng mềm để hành trang cho mình trong chặng đường sắp tới.

Cũng chính vì thế trong quá trình thực tập em luôn cố gắng học hỏi, nghiên cứu áp dụng lý luận vào thực tiễn. Sau khi hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này em càng thấy rõ tính quan trọng và cấp thiết đề tài Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Đồng thời em cũng xin trình bày một số đề xuất nhỏ góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty. Do thời gian thực tập có hạn và trình độ, năng lực của bản thân em còn nhiều hạn chế nên việc hoàn thành đề tài này còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự động viên, hướng dẫn của các thầy cô giáo để giúp em có thể hoàn thiện đề tài của mình được tốt hơn. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô Đặng Thanh Nga đã luôn nhiệt tình, tận tình chỉ dẫn, hỗ trợ em để em hoàn thiện bài khoá luận này một cách tốt nhất, cảm ơn các anh chị tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung đã tạo điều kiện cho em được thực tập và hoàn thành tốt đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Tài liệu tham khảo

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính.
2. Luật BHXH năm 2024.
3. Slide bài giảng Kế toán tài chính 3 – Cô Thanh Phương.
4. Slide bài giảng môn Thuế và báo cáo Thuế - cô Bích Vân.
5. Tài liệu kế toán năm 2025 của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Sana Miền Trung.
6. Giáo trình Nguyên lý kế toán.
7. Khóa luận tốt nghiệp của các sinh viên khoá trước Trường đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

Đà Nẵng, ngày 30. Tháng 05 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm
Tôi, Trà Võ Thị Kim Ngân, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này.

Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☒ **Có**, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☐ **Không**, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

Các công cụ AI đã sử dụng:

Chat GPT

Mục đích sử dụng AI (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

Tìm ý tưởng, soạn thảo, chỉnh sửa câu từ diễn đạt nội dung

Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:

Chương 2: phần 2.2.1. Kế toán giá vốn

Chương 3: phần 3.3.2. Kiến nghị về kế toán chi phí

Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

✓ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.

- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: Trà Võ Thị Kim Ngân

Ngày: 30/05/2026

Phụ Lục

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 0401696578

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 09 năm 2015

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 16 tháng 01 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÂN
TÀI SANA MIỀN TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

25 Lương Thế Vinh, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0914.104.452

Fax:

Email: sanamientrung@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 9.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ BÍCH HÒA	Việt Nam	Tổ 10, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	6.930.000.000	70,000	048175003927	

2	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	Việt Nam	02 Trịnh Công Sơn, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	2.970.000.000	30,000	048183000220	
---	--------------------	----------	---	---------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ BÍCH HÒA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/12/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 048175003927

Ngày cấp: 16/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 10, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 10, Phường An Hải Nam, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

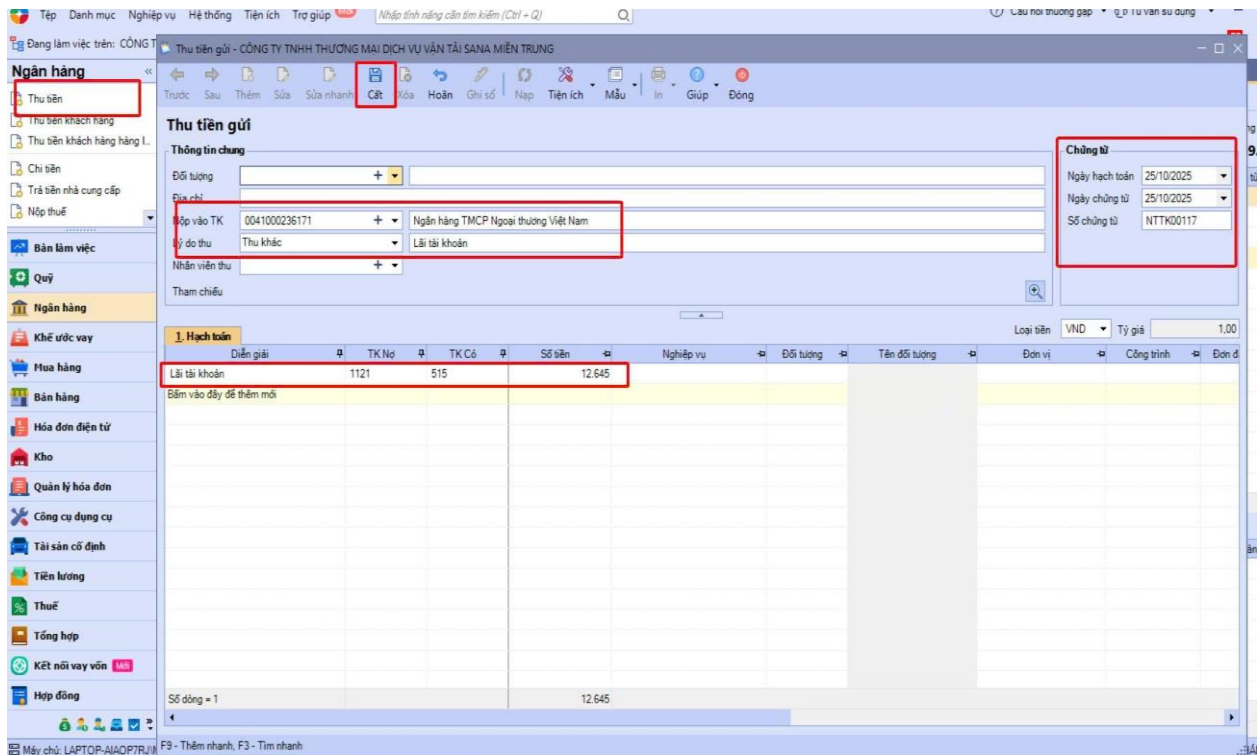
TU. TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

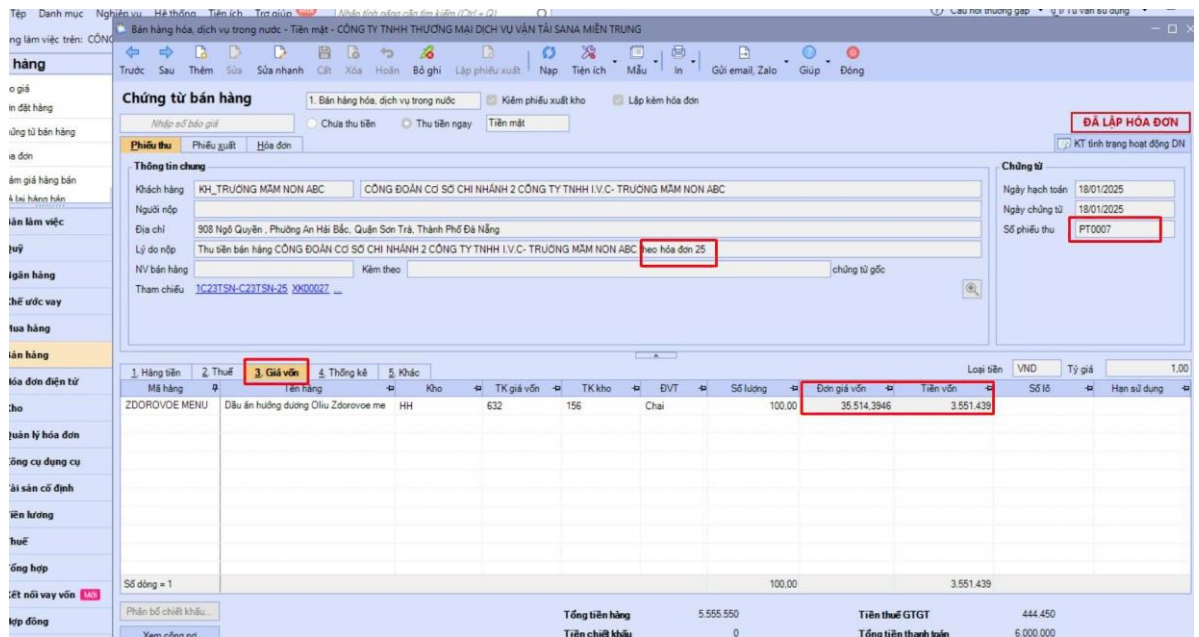


Phạm Mai Vân

Phụ lục 1: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp



Phụ lục 2: Trích xuất màn hình nhập liệu giấy báo Có vào phần mềm



Phụ lục 3: Trích xuất màn hình tính giá xuất kho theo HĐ số 25 vào phần mềm

Bán hàng

Chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☒ Kiểm phiếu xuất kho ☐ Lập kèm hóa đơn

Nhập số báo giá Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay ☐ Tiền mặt ☐

Chứng từ ghi nợ ☐ **Phiếu xuất** ☒ Hóa đơn ☐

Thông tin chung

Khách hàng: BUU ĐIỆN VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY BUU ĐIỆN VIỆT NAM

Người nhận:

Địa chỉ: Số 05 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Lý do xuất: Xuất kho bán hàng TỔNG CÔNG TY BUU ĐIỆN VIỆT NAM theo hóa đơn 31 HĐ Đ/C thêm số lượng hàng hóa cho HĐ 28 ngày 21/01/2025

NV bán hàng: Kèm theo: chứng từ gốc

Tham chiếu: PH00016

Điều khoản TT Số ngày được nợ (ngày) Hạn thanh toán Thêm nhắc việc

3. Giá vốn

Mã hàng	Mô tả	Kho	TK giá vốn	TK kho	ĐVT	Số lượng	Đơn giá vốn	Tiền vốn	Số	Hạn
ZDOROVIE MENU	Dầu ăn hướng dương Olio Zdorovie me	HH	632	156	Chai	1.620,00	35.514,3946	57.533,319		
HH_Dầu ăn hướng C	Dầu ăn hướng C	HH	632	156	Chai	3.063,00	31.876,4642	97.637,610		
HH_Dầu ăn hướng C	Dầu ăn hướng C	HH	632	156	Chai	662,00	64.819,0695	42.910,224		
HH_Dầu ăn hướng C	Dầu ăn hướng C	HH	632	156	Chai	291,00	151.308,4828	44.030,768		
Combo 1: 2 HD oliu 1	02 chai dầu ăn hướng dương Menu 1 lít	TP	632	155	Bộ	43,00	78.028,7907	3.355,238		
Combo 2: 1 HD oliu 1	01 chai dầu ăn hướng dương Menu 1 lít	TP	632	155	Bộ	6,00	42.074,5772	252,447		
Combo 3: 2 OFOOD	2 chai dầu ăn hướng dương OFOOD 1L+ 1 chai	TP	632	155	Bộ	343,00	70.313,1057	24.117,395		
Số dòng = 27						16.108,00		794.689,346		

Tổng tiền hàng 975.876.755 **Tiền thuế GTGT** 78.070.140

Tiền chiết khấu 0 **Tổng tiền thanh toán** 1.053.946.895

Phụ lục 4: Trích xuất màn hình tính giá xuất kho theo HĐ số 31 vào phần mềm

Ủy nhiệm chi - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiện ích Mẫu In Xuất khẩu Giúp Đóng

Ủy nhiệm chi Phương thức thanh toán Ủy nhiệm chi

Thông tin chung

Tài khoản chi: 119002670230 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Á

Đối tượng: NGHANG TMCP CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẮC ĐÀ

Địa chỉ: 381 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Tài khoản nhận:

Nội dung TT: Chi khác Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 206749

Nhân viên: Tham chiếu

Chứng từ

Ngày hạch toán: 27/10/2025

Ngày chứng từ: 27/10/2025

Số chứng từ: UNC00214

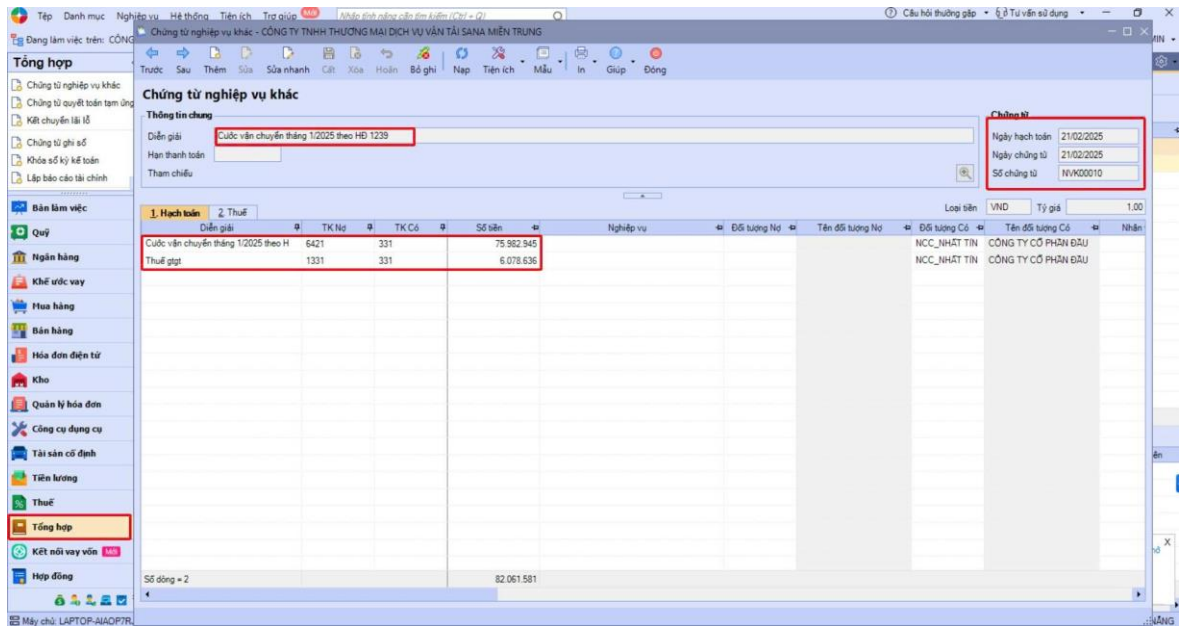
1. Hạch toán

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng	Tên đối tượng	Khoản n
Lãi vay ngân hàng theo HĐ số 206749	635	1121	467.548		NGHANG TMCP	NGÂN HÀNG THƯƠNG M	

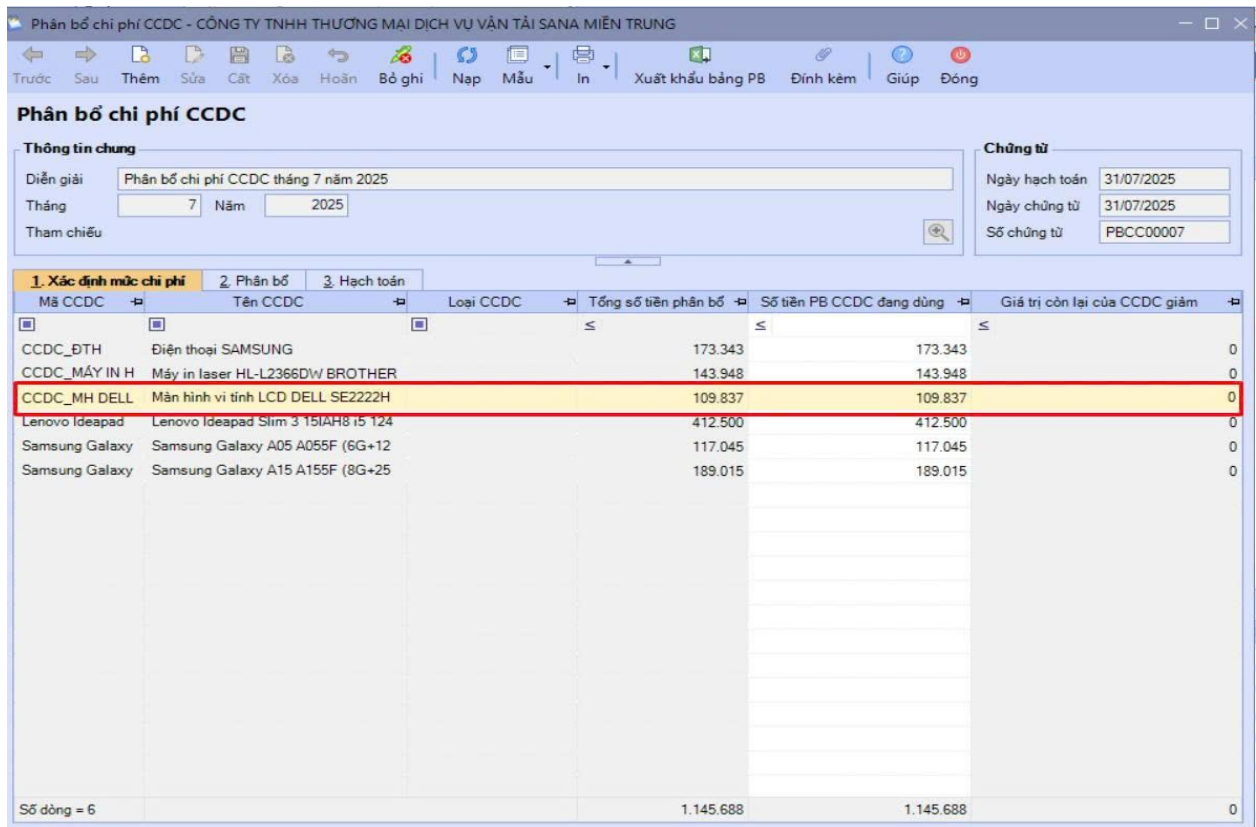
Số dòng = 1

467.548

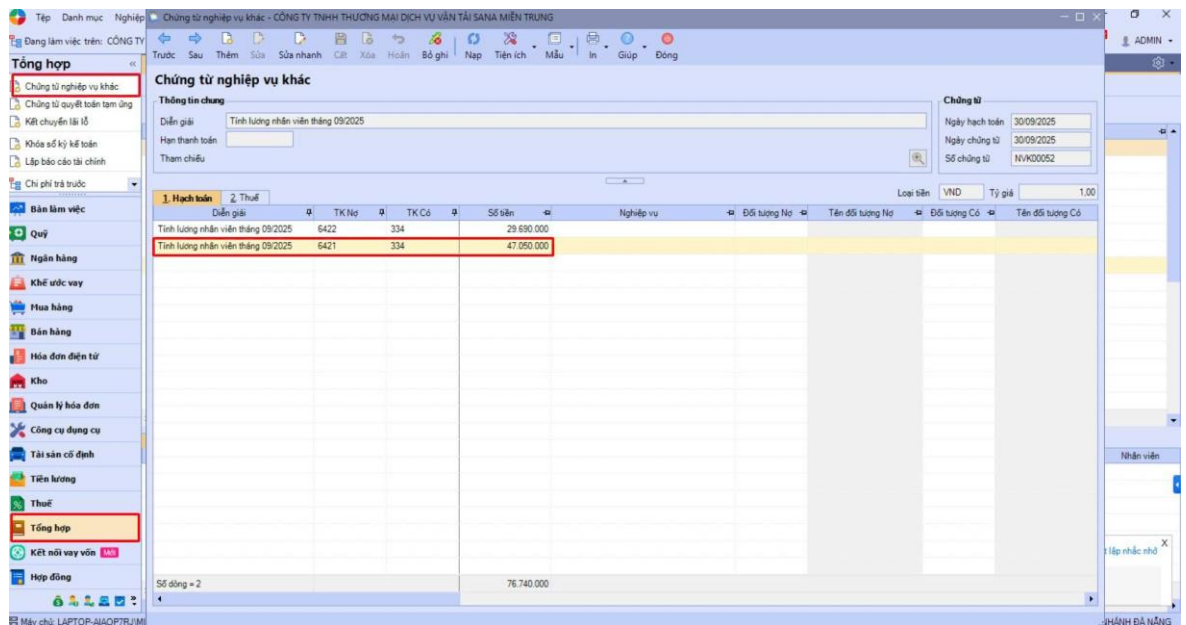
Phụ lục 5: Trích xuất màn hình nhập liệu giấy báo Nợ vào phần mềm



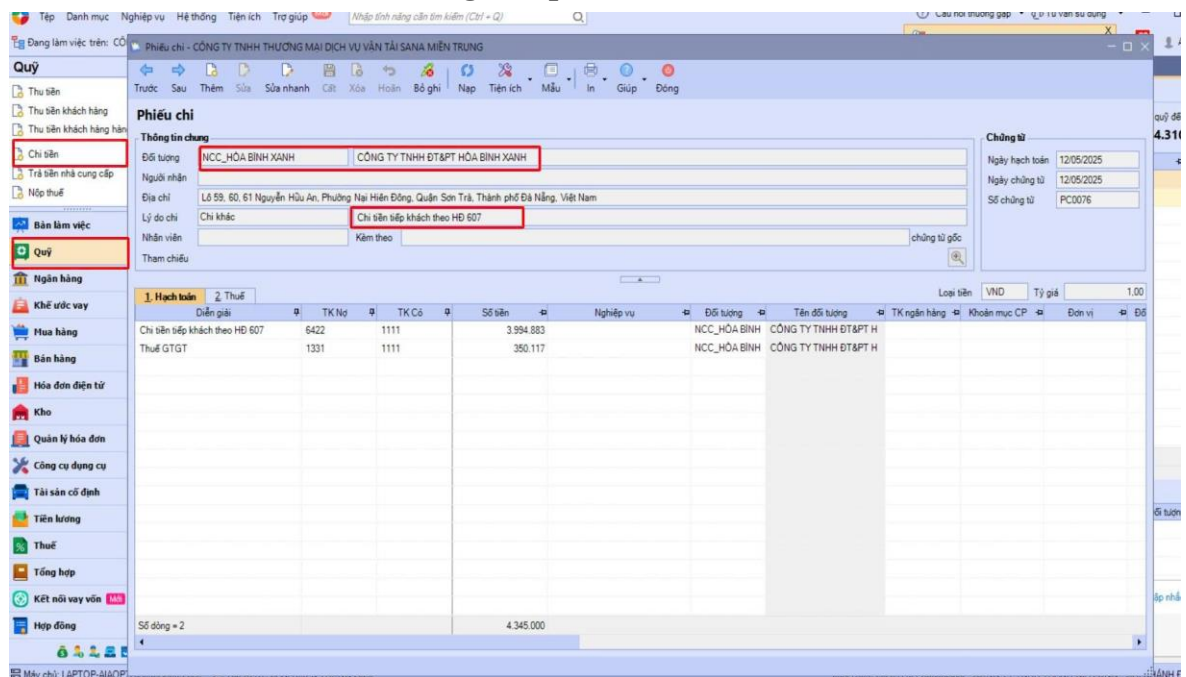
Phụ lục 6: Trích xuất màn hình nhập liệu theo HĐ số 1239 vào phần mềm



Phụ lục 7: Trích xuất màn hình các bước phân bổ CCDC tháng 7 bộ phận bán hàng



Phụ lục 8: Trích xuất màn hình nhập liệu lương nhân viên bộ phận bán hàng vào phần mềm



Phụ lục 9: Trích xuất màn hình nhập liệu theo HD số 607 vào phần mềm

Phân bổ chi phí CCDC - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI SANA MIỀN TRUNG

Trước Sau Thêm Sửa Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Mẫu In Xuất khẩu bảng PB Đính kèm Giúp Đóng

Phân bổ chi phí CCDC

Thông tin chung

Diễn giải:

Tháng: Năm:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày chứng từ:

Số chứng từ:

1. Xác định mức chi phí		2. Phân bổ	3. Hạch toán		
Mã CCDC	Tên CCDC	Loại CCDC	Tổng số tiền phân bổ	Số tiền PB CCDC đang dùng	Giá trị còn lại của CCDC giảm
CCDC_ĐTH	Điện thoại SAMSUNG		173.343	173.343	0
CCDC_MÁY IN H	Máy in laser HL-L2366DW BROTHER		143.948	143.948	0
CCDC_MH DELL	Màn hình vi tính LCD DELL SE2222H		109.837	109.837	0
Lenovo Ideapad	Lenovo Ideapad Slim 3 15IAH8 i5 124		412.500	412.500	0
Samsung Galaxy	Samsung Galaxy A05 A055F (6G+12		117.045	117.045	0
Samsung Galaxy	Samsung Galaxy A15 A155F (8G+25		189.015	189.015	0
Số dòng = 6			1.145.688	1.145.688	0

Phụ lục 10: Trích xuất màn hình các bước phân bổ CCDC tháng 7 bộ phận quản lý doanh nghiệp

Tệp Danh mục Nghiệp vụ Hệ thống Tiện ích Trợ giúp Nhập tính năng cần tìm kiếm (Ctrl + Q)

Đang làm việc trên: CÔNG

Tổng hợp

- Chứng từ nghiệp vụ khác
- Chứng từ quyết toán tạm ứng
- Kết chuyển lãi lỗ
- Chứng từ ghi sổ
- Khóa sổ kỳ kế toán
- Lập báo cáo tài chính

Bản làm việc

- Quý
- Ngân hàng
- Khế ước vay
- Hua hàng
- Bán hàng
- Hóa đơn điện tử
- Kho
- Quản lý hóa đơn
- Công cụ dụng cụ
- Tài sản cố định
- Tiền lương
- Thuế
- Tổng hợp**
- Kết nối vay vốn
- Hợp đồng

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung

Diễn giải:

Hạn thanh toán:

Tham chiếu:

Chứng từ

Ngày hạch toán:

Ngày chứng từ:

Số chứng từ:

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.00

1. Hạch toán		2. Thuế		3. Hạch toán				
Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đổi tương Nợ	Tên đối tượng Nợ	Đổi tương Có	Tên đối tượng Có
Tinh lương nhân viên tháng 11/2025	6422	334	29.690.000					
Tinh lương nhân viên tháng 11/2025	6421	334	37.320.000					
Số dòng = 2			67.010.000					

Phụ lục 11: Trích xuất màn hình nhập liệu lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp vào phần mềm